

TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO
HUYỆN CHÂU THÀNH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN**
VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TRUNG TÂM VĂN HÓA –
THÔNG TIN VÀ THỂ THAO
HUYỆN CHÂU THÀNH



Huyền Quốc Vũ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Hiền

Châu Thành, tháng 5 năm 2023

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	iv
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	7
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	8
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	8
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	8
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	18
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	29
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	29
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	31
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	32
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố	33
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	35
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	35
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	36

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
1. Kết quả quan trắc môi trường không khí	37
2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt	37
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..	40
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	40
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	40
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	41
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	42

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
NĐ:	Nghị định
CP:	Chính phủ
TT:	Thông tư
QĐ:	Quyết định
BXD:	Bộ Xây dựng
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
BVMT:	Bảo vệ môi trường
NTSH:	Nước thải sinh hoạt
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTRSH:	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCN:	Chất thải rắn công nghiệp
BTCT:	Bê tông cốt thép

DANH MỤC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 1. Tọa độ vị trí khu đất thực hiện cơ sở	2
Bảng 2. Quy mô các hạng mục công trình	4
Bảng 3. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....	11
Bảng 4. Kết quả phân tích nước mặt sông Đa Lộc	12
Bảng 5. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nb}).....	12
Bảng 6. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu A của Cơ sở	14
Bảng 7. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho người lớn).....	14
Bảng 8. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho trẻ em).....	15
Bảng 9. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Trung tâm y tế huyện Châu Thành.....	15
Bảng 10. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Chợ Châu Thành.....	15
Bảng 11. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của 04 nguồn thải lớn	16
Bảng 12. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc	16
Bảng 13. Kết quả phân tích chất lượng hồ bơi	29
Bảng 14. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở	32
Bảng 15. Danh mục các phương tiện phòng cháy chữa cháy	33
Bảng 16. giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	35
Bảng 17. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực cơ sở	37
Bảng 18. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt	38
Bảng 19. Kết quả phân tích chất lượng hồ bơi	39

DANH MỤC HÌNH

	<i>Trang</i>
Hình 1. Vị trí hoạt động của Cơ sở.....	3
Hình 2. Quy trình hoạt động của hồ bơi	6
Hình 3. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại khu A.....	18
Hình 4. Cổng thoát nước sân đường khu A	19
Hình 5. Ống PVC D90 dẫn nước mưa phần mái xuống sân đường (khu A).....	19
Hình 6. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại khu B	20
Hình 7. Rãnh thoát nước dọc theo khu vực hồ bơi.....	21
Hình 8. Ống thu nước mưa phần mái.....	21
Hình 9. Cổng thoát nước sân đường khu B.....	21
Hình 10. Quy trình thu gom và thoát nước thải tại khu A.....	23
Hình 11. Quy trình thu gom và thoát nước thải tại khu B	24
Hình 12. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại	27
Hình 13. Máy lọc nước hồ bơi.....	28
Hình 14. Thùng chứa rác sinh hoạt bố trí tại Khu B	30
Hình 15. Công trình PCCC tại cơ sở	34

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ đầu tư: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH**

+ Địa chỉ văn phòng: khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Đơn vị quản lý, vận hành Cơ sở: **TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH (gọi tắt là Chủ Cơ sở)**

- Địa chỉ văn phòng: khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Huỳnh Quốc Vũ

- Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0949 350 595

- Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

- Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chuyển chức năng sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành vào Đài Truyền thanh huyện Châu Thành và đổi tên Đài Truyền thanh huyện Châu Thành thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

- Biên bản ngày 17/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành về việc bàn giao tài sản trên đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý và sử dụng

- Mã số thuế: 2100644259

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH (gọi tắt là Cơ sở)**

- Địa điểm cơ sở: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành bao gồm 02 Khu (Khu A và Khu B) tọa lạc tại khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tờ cận tiếp giáp với Cơ sở cụ thể như sau:

+ Khu A

- Hướng Đông tiếp giáp đường nhựa (đường tránh công tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4)

- Hướng Tây tiếp đường nhựa
- Hướng Nam tiếp đất và nhà dân
- Hướng Bắc tiếp Quốc lộ 54

+ Khu B

- Hướng Đông tiếp giáp Trường THPT Vũ Đình Liệu
- Hướng Tây tiếp đường nhựa (đường tránh công tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4)

- Hướng Nam tiếp đất và nhà dân
- Hướng Bắc tiếp Quốc lộ 54

Vị trí thực hiện Cơ sở được giới hạn bởi các góc tọa độ sau:

Bảng 1. Tọa độ vị trí khu đất thực hiện cơ sở

Vị trí	Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trục 105 ⁰ 30, múi chiếu 3 ^o)	
	X	Y
Khu A		
1	1091395	592837
2	1091410	592906
3	1091376	592913
4	1091358	592844
Khu B		
1	1091442	592827
2	1091458	592896
3	1091432	592901
4	1091418	592832

Địa điểm hoạt động của Cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 1. Vị trí hoạt động của Cơ sở

- Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành.

- Phụ lục ngày 06/4/2021 về việc Bổ sung khoản 5, Điều 1 Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành.

- Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành.

- Phụ lục ngày 06/4/2021 về việc Bổ sung khoản 4, Điều 1 Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành.

- Công văn số 10/UBND-KT ngày 01/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc chủ trương lập hồ sơ phát sinh tăng công trình Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành.

- Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Biên bản ngày 17/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành về việc bàn giao tài sản trên đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý và sử dụng.

- Quy mô của cơ sở:

+ Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 8, Khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu tư công năm 2019, mục V phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và tổng vốn đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành là 32.000.000.000 đồng (*được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành 25.577.250.432 đồng*), thì Cơ sở thuộc Dự án nhóm C.

+ Căn cứ mục 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở thuộc Dự án nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật BVMT năm 2020, Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cấp huyện - UBND huyện Châu Thành, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành xem xét phê duyệt (cấu trúc và nội dung Báo cáo được xây dựng theo Phụ lục XII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Cơ sở được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích đất là 4.011,07 m², bao gồm các khu vực:

+ Khu A: tổng diện tích đất sử dụng 2.224,7 m²

+ Khu B: tổng diện tích đất sử dụng 1.787 m²

- Quy mô, diện tích xây dựng các hạng mục công trình của Cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. Quy mô các hạng mục công trình

STT	Tên công trình	Diện tích xây dựng/Quy mô
<i>I</i>	<i>Khu A</i>	
1	Via hè	831,21 m ²
2	Nhà làm việc + Hội trường (02 tầng)	1.136 m ²
3	Nhà xe chuyên dụng + Nhà xe 02 bánh	97,20 m ²

STT	Tên công trình	Diện tích xây dựng/Quy mô
4	Sân, đường lát gạch	1.250 m ²
5	Hệ thống thoát nước	168 m
6	Hàng rào, cổng	-
7	Nhà bảo vệ	10,89 m ²
8	Trạm hạ thế	3*50KVA
B	Khu B	
1	Via hè	457,57 m ²
2	Sân, đường lát gạch	699,68 m ²
3	Hệ thống thoát nước	76,55 m
4	Hồ bơi + nhà bao che + khu phục vụ	1.073,77 m ²
a	Hồ bơi	394,12 m ²
b	Khu phục vụ	127,8 m ²
c	Sân + sảnh	551,08 m ²

Nguồn: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành

- Công suất hoạt động: Khu vực hồ bơi tiếp đón tối đa 50 lượt khách/ngày.

- Nhân công làm việc tại Cơ sở: 15 người

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở (quy trình hoạt động)

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định, với chức năng chính:

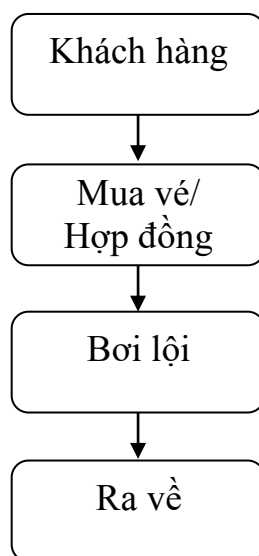
- Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện.

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở.

- Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân trên địa bàn huyện.

Đối với hoạt động của Khu A thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành: Thực hiện công tác hành chính.

Đối với hoạt động của hồ bơi bố trí tại Khu B thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 2. Quy trình hoạt động của hồ bơi

*** Thuyết minh quy trình**

- Khách hàng trước khi vào khu vực hồ bơi, sẽ mua vé tại khu vực quầy bán vé.

- Ngoài ra, khu vực hồ bơi còn cho thuê địa điểm tổ chức dạy bơi lội, tổ chức các ngày hội thể thao bơi lội, ...thông qua các hợp đồng ngắn/dài hạn.

- Tại khu hồ bơi, có phòng thay đồ phục vụ nhu cầu thay đồ/tắm trước và sau khi tham gia bơi lội.

- Trong quá trình bơi lội, khách hàng phải tuân theo các quy định, nội quy cơ bản của hồ bơi nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn trong thời gian bơi lội tại hồ bơi.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cung cấp các dịch vụ bán vé cho người bơi, cho thuê địa điểm tổ chức

dạy bơi lội, tổ chức các ngày hội thể thao bơi lội, ... hàng tháng thu hút khoảng 600 - 1.500 lượt khách tham gia (trung bình 20 - 50 lượt khách/ngày).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Điện năng

- Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia
- Nhu cầu sử dụng:
 - + Khu A: Nhu cầu sử dụng trung bình khoảng 900 - 1.100 kWh/tháng
 - + Khu B: Nhu cầu sử dụng trung bình khoảng 2.000 - 2.500 kWh/tháng

4.2. Nước

- Nguồn cung cấp nước: Được đầu nối từ đường ống cấp nước có sẵn trên tuyến đường Quốc lộ 54, do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh cung cấp.
- Lượng nước tiêu thụ:
 - + Khu A: Phục vụ sinh hoạt với lưu lượng trung bình khoảng 13 - 15 m³/tháng
 - + Khu B: Phục vụ sinh hoạt với lưu lượng trung bình khoảng 10 m³/tháng
 - + Khu B: Phục vụ hoạt động của hồ bơi:
 - Cung cấp bù nước hao hụt: 30 - 40 m³/tháng
 - Cung cấp thay mới nước 02 hồ tập bơi dành cho trẻ em (S = 38,57 m² và S = 7,07 m²): 27,384 m³/03 tháng.
 - Cung cấp thay mới nước hồ tập bơi dành cho người lớn (S = 348,48 m²): 365,904 m³/06 tháng.

4.3. Hóa chất

- Loại hóa chất: Chlorine
- Nhu cầu sử dụng: 30 kg/tháng
- Mục đích sử dụng: Khử trùng nước hồ bơi

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Xác định xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, thời gian qua, huyện tập trung triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần vào thành quả chung của công tác xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Nỗ lực đó đã giúp Châu Thành được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới tại Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 4/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Giai đoạn 2021 - 2025, huyện Châu Thành đề ra mục tiêu: Nâng cao chất lượng 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; phấn đấu có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó có 02 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Châu Thành phấn đấu trở thành huyện nông thôn mới nâng cao, gắn xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa.

Để đạt được mục tiêu, huyện Châu Thành đã đề ra 08 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó có “Tập trung chỉ đạo công tác rà soát, bố trí vốn và vận động xã hội hóa thực hiện các dự án nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí, Cơ sở vật chất văn hóa, ...”

Như vậy, đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành, đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành có có hoạt động xả nước thải ra môi trường nước mặt sông Đa Lộc, cụ thể như sau:

- Hoạt động xả nước thải sinh hoạt sau xử lý tại Khu A với lưu lượng tối đa 0,48 m³/ngày (tương đương 5,55.10⁻⁶ m³/s)

- Hoạt động xả nước hồ bơi tại khu B:
 - + Phát sinh tại 02 hồ tập bơi dành cho trẻ em ($S = 38,57 \text{ m}^2$ và $S = 7,07 \text{ m}^2$): 03 tháng/lần với lưu lượng $27,384 \text{ m}^3/\text{lần}$ (tương đương $3,17 \cdot 10^{-4} \text{ m}^3/\text{s}$)
 - + Phát sinh tại 01 hồ tập bơi dành cho người lớn ($S = 348,48 \text{ m}^2$): 06 tháng/lần, với lưu lượng $365,904 \text{ m}^3/\text{lần}$ (tương đương $4,24 \cdot 10^{-3} \text{ m}^3/\text{s}$)

Do đó, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc, cụ thể như sau:

Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: Sông Đa Lộc thuộc địa phận huyện Châu Thành có tổng chiều dài 11km, được xác định thành 01 đoạn sông trong quá trình đánh giá khả năng chịu tải.

- Xác định mục đích sử dụng nước của sông Đa Lộc: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt sông Đa Lộc dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Xác định thông số đánh giá: Căn cứ theo khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, Amoni, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho.

Tuy nhiên, theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁ không quy định giá trị giới hạn cho phép đối với thông số tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho, nên không thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông đối với 02 thông số này.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁ và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2) sức chịu tải của mỗi đoạn sông được đánh giá đối với từng thông số sau: BOD₅, Amoni, TSS.

Như vậy, các thông số phải thực hiện đánh giá trong quá trình đánh giá sức chịu tải của sông Đa Lộc là: BOD₅, Amoni, TSS

- Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn sông

Đa Lộc có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn sông và không bị ảnh hưởng của thủy triều nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công thức tính toán theo phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}. \text{ Trong đó:}$$

+ L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{td} : Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày.

+ F_s : Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định xem xét, quyết định. Lựa chọn giá trị tính là 0,7.

+ L_{mn} : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{tt} : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày;

+ NP_{td} : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Như vậy, công thức xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc bằng phương pháp đánh giá gián tiếp như sau: $L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times 0,7$

a) *Xác định tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt (L_{td})*

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁.

- Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. sông Đa Lộc là một đoạn của sông Trà Vinh, chảy qua địa phận huyện Châu Thành. Tại thời điểm lập báo cáo chưa có số liệu đo đạc/quan trắc lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất vào mùa kiệt của sông Đa Lộc. Do đó, sử dụng số liệu lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất vào mùa kiệt của sông Trà Vinh là $Q_s = 18 \text{ m}^3/\text{s}$ để tính toán (nguồn: Báo cáo tổng hợp Dự án nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính – Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 3. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

TT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	TSS	50	18	86,4	77.760
2	BOD ₅	15	18	86,4	23.328
3	Amoni	0,9	18	86,4	1.399,7

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, năm 2023

b) *Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})*

Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của sông Đa Lộc là 18 m³/s.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- C_{nn} : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước sông Đa Lộc, Chủ cơ sở đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy và thử nghiệm mẫu nước mặt sông Đa Lộc, với tần suất lấy mẫu 03 ngày/mẫu.

Kết quả thử nghiệm nước mặt sông Đa Lộc và giá trị của C_{nn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt:

Bảng 4. Kết quả phân tích nước mặt sông Đa Lộc

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả Giá trị trung bình (ký hiệu: C_{nn})
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	11,0	7,4	20,6	13,00
2	BOD ₅	mg/L	2,5	2,4	2,8	2,57
3	Amoni	mg/L	2,285	1,555	1,585	1,81

Nguồn: Kết quả thử nghiệm số 23160/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023, 23164/KQTN-TTKT ngày 25/4/2023 và số 23166/KQTN-TTKT ngày 28/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường

Như vậy, tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 5. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

TT	Thông số	C_{nn} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	TSS	13,00	18	86,4	20.217,6
2	BOD ₅	2,57	18	86,4	3.996,9
3	Amoni	1,81	18	86,4	2.814,9

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, năm 2023

c) Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt})

Theo khoản 3 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L_t , L_d và L_n .

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải: $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$ Trong đó:

- L_t : Nguồn thải điểm, đơn vị tính là mg/L.
- L_d : Nguồn thải diện, đơn vị tính là mg/L.
- L_n : Nguồn thải tự nhiên, đơn vị tính là mg/L.

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”, dự kiến hoàn thành vào năm 2023.

Do đó, chưa có đủ số liệu, dữ liệu để xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm và nguồn thải tự nhiên của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung và tại đoạn sông Đa Lộc nói riêng. Nên, đơn vị tư vấn lựa chọn giá trị của L_d và L_n bằng 0 để tính toán và xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.

Như vậy, công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải như sau: $L_{tt} = L_t$ (1)

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát thực tế, các nguồn thải điểm cùng xả thải vào đoạn sông Đa Lộc (đoạn sông cần đánh giá), bao gồm:

- + Trung tâm y tế huyện Châu Thành: Lưu lượng xả thải lớn nhất 36 m³/ngày-đêm (tương đương 4,17.10⁻⁴ m³/s)
- + Chợ Châu Thành: Lưu lượng xả thải lớn nhất ≈ 10 m³/ngày (tương đương 1,16.10⁻⁴ m³/s).

Như vậy, tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải được tính toán bao gồm các nguồn chính như sau:

- + Nước thải Khu A của Cơ sở (ký hiệu: L_{t1})
- + Nước thải khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho người lớn) (ký hiệu: L_{t2})
- + Nước thải khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho trẻ em) (ký hiệu: L_{t3})
- + Nước thải Trung tâm y tế huyện Châu Thành (ký hiệu: L_{t4})
- + Nước thải Chợ Châu Thành (ký hiệu: L_{t5})
- Công thức (1) được viết lại như sau: $L_{tt} = L_t = L_{t1} + L_{t2} + \dots + L_{t5}$
- Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm (L_t):

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4. \text{ Trong đó:}$$

+ Q_t : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là m^3/s .

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

+ C_t : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là mg/L .

c.1) Tải lượng chất ô nhiễm từ Khu A của Cơ sở (L_{t1})

Bảng 6. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu A của Cơ sở

TT	Thông số	C_{t1} mg/l	Q_{t1} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t1} (kg/ngày)
1	TSS	120	$5,55.10^{-6}$	86,4	0,058
2	BOD ₅	60	$5,55.10^{-6}$	86,4	0,029
3	Amoni	12	$5,55.10^{-6}$	86,4	0,006

Ghi chú: Giá trị C_{t1} được tính theo giá trị tối đa cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2)

c.2) Tải lượng chất ô nhiễm từ Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho người lớn) (L_{t2})

Bảng 7. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho người lớn)

TT	Thông số	C_{t2} mg/l	Q_{t2} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t2} (kg/ngày)
1	TSS	< 5	$4,24.10^{-3}$	86,4	< 1,830
2	BOD ₅	2,6	$4,24.10^{-3}$	86,4	0,951
3	Amoni	0,296	$4,24.10^{-3}$	86,4	0,108

Ghi chú: Giá trị C_{t2} – Kết quả thử nghiệm số 23161/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường

c.3) Tải lượng chất ô nhiễm từ Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho trẻ em) (L_{13})

Bảng 8. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Khu B của Cơ sở (hồ bơi dành cho trẻ em)

TT	Thông số	C_{13} mg/l	Q_{13} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{13} (kg/ngày)
1	TSS	< 5	$3,17.10^{-4}$	86,4	< 0,137
2	BOD ₅	2,9	$3,17.10^{-4}$	86,4	0,079
3	Amoni	0,303	$3,17.10^{-4}$	86,4	0,008

Ghi chú: Giá trị C_{13} - Kết quả thử nghiệm số 23161/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường

c.4) Tải lượng chất ô nhiễm từ Trung tâm y tế huyện Châu Thành (L_{14})

Bảng 9. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Trung tâm y tế huyện Châu Thành

TT	Thông số	C_{14} mg/l	Q_{14} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{14} (kg/ngày)
1	TSS	36	$4,17.10^{-4}$	86,4	1,296
2	BOD ₅	3	$4,17.10^{-4}$	86,4	0,108
3	Amoni	0,05	$4,17.10^{-4}$	86,4	0,002

Ghi chú: C_{14} - Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý Trung tâm y tế huyện Châu Thành đợt 4/2020

c.5) Tải lượng chất ô nhiễm từ Chợ Châu Thành (L_{15})

Bảng 10. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Chợ Châu Thành

TT	Thông số	C_{15} mg/l	Q_{15} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{15} (kg/ngày)
1	TSS	33	$1,16.10^{-4}$	86,4	0,330
2	BOD ₅	30	$1,16.10^{-4}$	86,4	0,300
3	Amoni	21,65	$1,16.10^{-4}$	86,4	0,217

Ghi chú: C_{15} - Báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Châu Thành năm 2020

Như vậy tải lượng thông số ô nhiễm có trong từng nguồn nước thải trên được tổng hợp như sau:

Bảng 11. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của 04 nguồn thải lớn

TT	Thông số	L _{t1}	L _{t2}	L _{t3}	L _{t4}	L _{t5}	L _{tt} = L _{t1} + L _{t2} + ... L _{t5}
		(kg/ngày)					
1	TSS	0,058	< 1,830	< 0,137	1,296	0,330	< 3,651
2	BOD ₅	0,029	0,951	0,079	0,108	0,300	1,467
3	Amoni	0,006	0,108	0,008	0,002	0,217	0,341

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, năm 2023

⇒ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc được tính theo công thức $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$. Kết quả như sau:

Bảng 12. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc

TT	Thông số	L _{td} (kg/ngày)	L _{nn} (kg/ngày)	L _{tt} (kg/ngày)	F _s	L _{tn} (kg/ngày)
1	TSS	77.760	20.217,6	< 3,651	0,7	> 40.277,89
2	BOD ₅	23.328	3.996,9	1,467	0,7	13.531,05
3	Amoni	1.399,7	2.814,9	0,341	0,7	- 990,81

→ **Kết luận:** Theo kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Đa Lộc bằng phương pháp đánh giá gián tiếp cho thấy: Có 02/03 thông số đánh giá còn khả năng tiếp nhận.

Lưu nước xả nước hồ bơi tại Khu B với tần suất thấp, mục đích sử dụng nước là bơi lội nên nồng độ các chất ô nhiễm là rất thấp. Bên cạnh đó, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành thực hiện tốt công tác quản lý và xử lý nguồn thải, đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, qua đó giảm được sức ép đến chất lượng nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải từ các phương tiện giao

thông. Tuy nhiên, đây là nguồn thải không liên tục, có tác động cục bộ và hầu như không gây tác động đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực Cơ sở và khu vực xung quanh.

Do đó, có thể kết luận rằng: Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành không gây sức ép đến khả năng chịu tải của môi trường không khí.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Dự báo lưu lượng nước mưa phát sinh tại khu vực cơ sở: Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất có thể được tính toán theo công thức sau:

$$Q_{max} = S \times q \quad \text{Trong đó:}$$

- S: Diện tích khu vực thực hiện Cơ sở ($S = 4.011,07\text{m}^2$)

- q: Lượng mưa lớn nhất trong tháng, theo Niên giám thống kê Trà Vinh 2021 thì lượng mưa lớn nhất là 303mm.

Như vậy: $Q_{max} = 4.011,07 \text{ m}^2 \times (303 \times 10^{-3}) \text{ m} = 1.215,35 \text{ m}^3/\text{tháng}$.

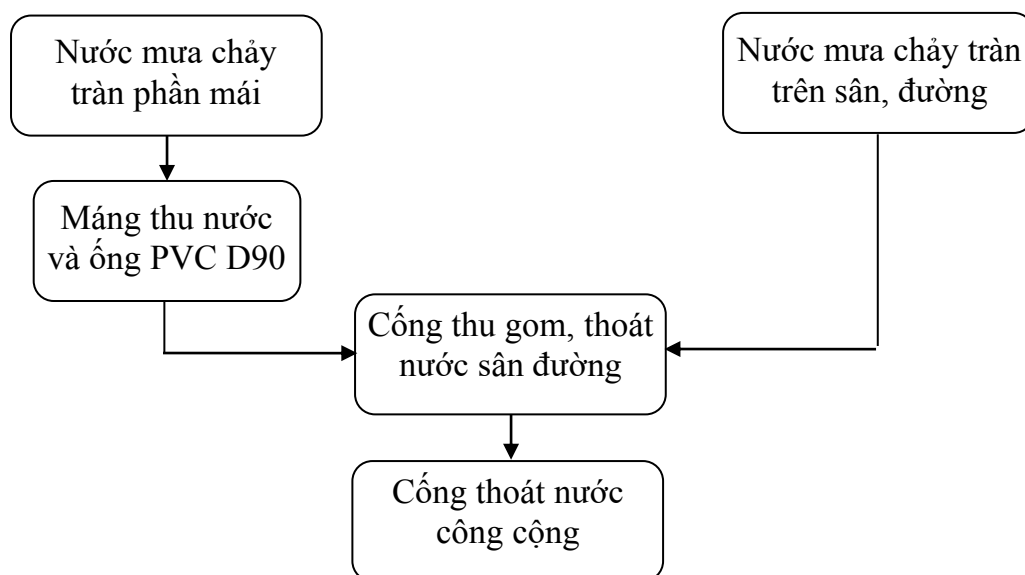
Nhìn chung, lưu lượng nước mưa chảy tràn khu vực Cơ sở với lưu lượng tương đối lớn, do đó cần thực hiện đầy đủ các biện pháp tiêu thoát nước mưa và kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn.

- Tính chất nước mưa chảy tràn: Theo số liệu thống kê của WHO (1993) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường chứa khoảng 0,5 - 1,5 mgN/l, 0,004 - 0,03 mgP/l, 10 - 20 mgCOD/l và 10 - 20 mg TSS/l.

- Các công trình thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại Cơ sở cụ thể như sau:

a) Công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt

a.1) Khu A



Hình 3. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại khu A

*** Thuyết minh sơ đồ**

- Nước mưa chảy tràn phần mái: Được thu gom vào máng thu nước mưa (seno mái: rộng x sâu = 600 x 600).

- Sau đó được dẫn xuống tuyến cống thu gom, thoát nước sân đường bằng tuyến ống PVC D90 và cuối cùng được xả ra cống thoát nước công cộng trên tuyến đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4).

- Thông số kỹ thuật của tuyến cống thu gom nước sân đường tại khu A cụ thể như sau:

+ Vật liệu xây dựng: rãnh bê tông đá 10*20, M200, rộng 0,5m

+ Tổng chiều dài 153,15m

+ Độ dốc: từ 0,1 - 0,3 %

+ Dọc trên tuyến cống bố trí 10 hố ga với kích thước dài x rộng = 1.100 x 1.100

- Thông số kỹ thuật của cống thoát nước sân đường cụ thể như sau: Ống nhựa đen HDPE D400 với tổng chiều dài 4,1m.

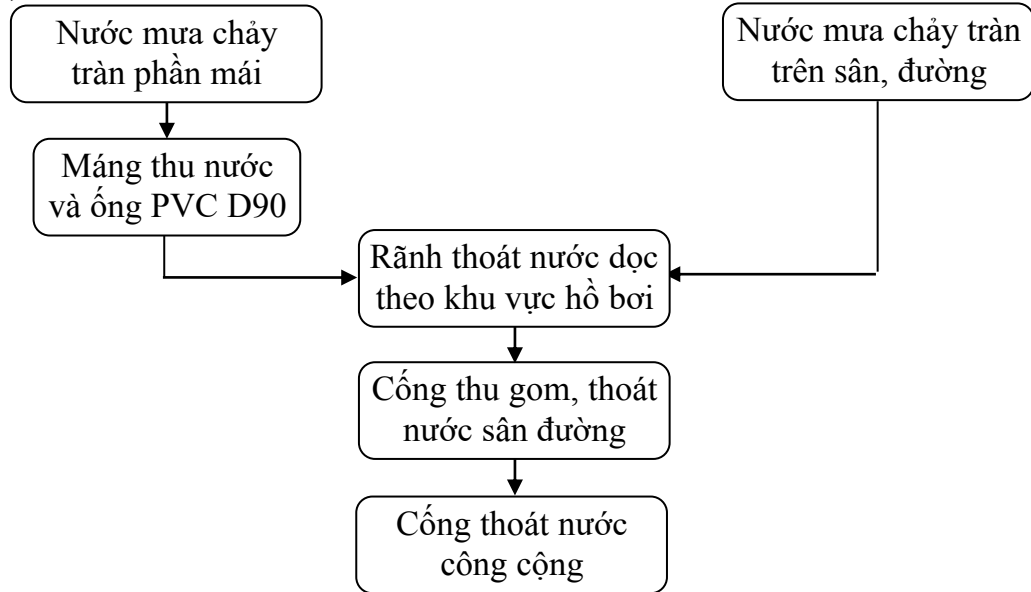


Hình 4. Cống thoát nước sân đường khu A



Hình 5. Ống PVC D90 dẫn nước mưa phần mái xuống sân đường (khu A)

a.2) Khu B



Hình 6. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại khu B

*** Thuyết minh sơ đồ**

- Nước mưa chảy tràn phần mái: Được thu gom vào máng thu nước mưa (seno mái: rộng x sâu = 600 x 600) và tuyến ống PVC D90 bố trí dọc theo cột công trình.

- Sau đó được dẫn xuống rãnh thoát nước dọc theo khu vực hồ bơi bằng tuyến ống PVC D90

- Các thông số cơ bản của rãnh thoát nước như sau:

+ Tổng chiều dài: 118,2m

+ Rãnh rộng 500mm, $i = 3 ‰$

+ Nắp rãnh dạng lưới sắt

+ Bố trí 01 hố ga thu nước với kích thước hố 1.100 x 1.100 tại vị trí đầu nối vào cống thoát nước sân đường.

- Tiếp theo, nước mưa được dẫn xuống cống thoát nước sân đường bằng đường ống PVC D200.

- Thông số kỹ thuật của cống thu gom nước sân đường cụ thể như sau:

+ Vật liệu xây dựng: rãnh bê tông đá 10*20, M200, rộng 0,5m

+ Tổng chiều dài 54,7m

+ Dọc trên tuyến cống bố trí 04 hố ga với kích thước dài x rộng = 1.100 x 1.100

- Thông số kỹ thuật của công thoát nước sân đường cụ thể như sau: Ống uPVC D300 với tổng chiều dài 8m.



Hình 7. Rãnh thoát nước dọc theo khu vực hồ bơi



Hình 8. Ống thu nước mưa phần mái



Hình 9. Cống thoát nước sân đường khu B

b) Điểm thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch và được xả thải trực tiếp ra cống thoát nước công cộng trên tuyến đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4).

- Vị trí thoát nước mưa chảy tràn khu A (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3^o):

+ Tọa độ X = 1091398

+ Tọa độ Y = 592854

- Vị trí thoát nước mưa chảy tràn khu B (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30, múi chiếu 3^o):

+ Tọa độ X = 1091419

+ Tọa độ Y = 592870

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Song song đó, Cơ sở thực hiện vệ sinh sân, đường nội bộ với tần suất 01 lần/ngày.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Các nguồn phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành cụ thể như sau:

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh:

- **Khu A:** Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Khu A được tính theo công thức sau: $NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\%$ Trong đó:

+ NT_{sh} : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày. Tuy nhiên, nhân viên làm việc tại Cơ sở trung bình 08h/ngày, nên lưu lượng nước tiêu thụ trung bình khoảng 40 lít/người/ngày.

+ n: Số nhân viên làm việc tại Khu A là 15 người

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

Như vậy, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Khu A là:

$$NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\% = (40 \times 15) \times 80\% = 0,48 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- **Khu B:** Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Khu B được tính theo công thức sau: $NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\%$ Trong đó:

+ NT_{sh} : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Định mức nước sử dụng, theo QCVN 01:2021/BXD, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 8 lít/người/ngày.

+ n: Số khách hàng (tối đa 50 người/ngày).

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

Như vậy, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Khu B là:

$$NT_{sh} = (N_{dm} \times n) \times 80\% = (8 \times 50) \times 80\% = 0,32 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

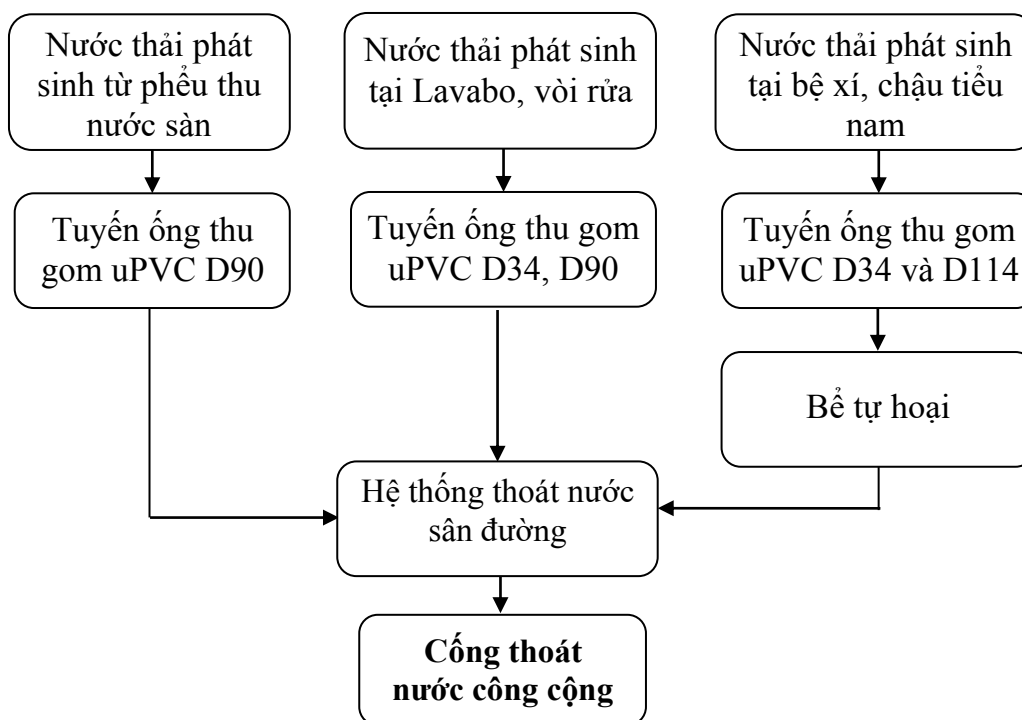
Lưu lượng nước hồ bơi tại khu B xả thải trung bình như sau:

- Phát sinh thường xuyên: Nước hồ bơi phát sinh, chảy tràn do quá trình vui chơi của khách hàng với lưu lượng tối đa khoảng 1 m³/ngày.
- Phát sinh từ quá trình vệ sinh, thay mới nước hồ bơi:
- + Phát sinh tại 02 hồ tập bơi dành cho trẻ em (S = 38,57 m² và S = 7,07 m²):
 - Tần suất thay nước: 03 tháng/lần
 - Lưu lượng nước thải phát sinh: 27,384 m³/lần
- + Phát sinh tại 01 hồ tập bơi dành cho người lớn (S = 348,48 m²):
 - Tần suất thay nước: 06 tháng/lần
 - Lưu lượng nước thải phát sinh: 365,904 m³/lần

Các công trình thu gom, thoát nước thải được xây dựng hoàn chỉnh tại Khu A và Khu B thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành cụ thể như sau:

a) Tại Khu A

- Quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại khu A được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 10. Quy trình thu gom và thoát nước thải tại khu A

** Thuyết minh quy trình*

- Nước thải phát sinh tại phễu thu nước sàn được thu gom, xả thải ra hệ thống thoát nước thông qua tuyến ống uPVC D90, với tổng chiều dài 35m

- Nước thải phát sinh tại Lavabo, vòi rửa được thu gom vào tuyến cống thoát nước tại phễu thu nước sàn thông qua tuyến ống uPVC D34, với tổng chiều dài 4,2m và được xả thải ra hệ thống thoát nước.

- Nước thải phát sinh tại bệ xí, chậu tiểu nam được thu gom vào bể tự hoại thông qua tuyến ống uPVC D114, với tổng chiều dài 30,9m.

- Nước thải sau bể tự hoại được xả thải ra hệ thống thoát nước nội bộ thông qua tuyến ống uPVC D90, với tổng chiều dài 2,4m.

- Vị trí đầu nối nước thải sau hầm tự hoại vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa nội bộ (*tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3^o*):

+ Tọa độ X = 1091391

+ Tọa độ Y = 592912

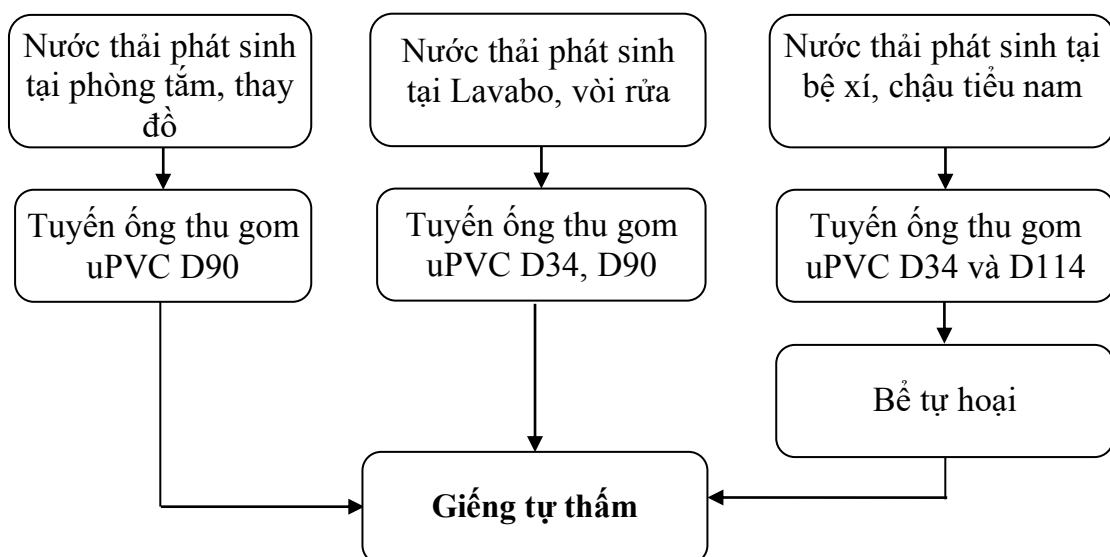
- Sau đó, nước thải sau hầm tự hoại được xả thải ra cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4).

- Phương thức xả thải: Tự chảy

b) Tại Khu B

b.1) Nước thải sinh hoạt

- Quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại khu B được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 11. Quy trình thu gom và thoát nước thải tại khu B

** Thuyết minh quy trình*

- Nước thải phát sinh tại phòng tắm thay đồ nữ và phòng tắm thay đồ nam được thu gom vào giếng tự thấm thông qua tuyến ống uPVC D90, với tổng chiều dài 46,3m

- Nước thải phát sinh tại Lavabo, vòi rửa được thu gom vào giếng tự thấm thông qua tuyến ống uPVC D34, với tổng chiều dài 6m và ống uPVC D90, với tổng chiều dài 4,5m.

- Nước thải phát sinh tại bệ xí được thu gom vào bể tự hoại thông qua tuyến ống uPVC D114, với tổng chiều dài 19,8m.

- Nước thải phát sinh tại chậu tiểu nam được thu gom vào bể tự hoại thông qua tuyến ống uPVC D34, với tổng chiều dài 1,9m.

- Nước thải sau bể tự hoại được thu gom vào giếng tự thấm thông qua tuyến ống uPVC D90, với tổng chiều dài 3,5m.

b.2) Nước hồ bơi

Công tác thay mới nước hồ bơi được thực hiện không thường xuyên, cụ thể như: hồ bơi dành cho trẻ em thực hiện với tần suất 03 tháng/lần, hồ bơi dành cho người lớn thực hiện với tần suất 06 tháng/lần.

Nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến khả năng tiêu thoát nước mưa nội bộ và cống thoát nước công cộng, không thực hiện đồng thay mới nước hồ bơi tại 03 hồ bơi, quá trình thực hiện cách nhau tối thiểu 03 ngày.

Thông số kỹ thuật của các tuyến cống thu gom, thoát nước hồ bơi cụ thể như sau:

- Tại hồ tập bơi dành cho trẻ em ($S = 38,57 \text{ m}^2$): ống uPVC D160 với tổng chiều dài 8,1m

- Tại hồ tập bơi dành cho trẻ em ($S = 7,07 \text{ m}^2$): ống uPVC D160 với tổng chiều dài 10m

- Tại hồ tập bơi dành cho người lớn ($S = 348,48 \text{ m}^2$): ống uPVC D160 với tổng chiều dài 6,2m.

- Bố trí 02 hố thu nước nhằm điều hoà lưu lượng dòng chảy, giảm thiểu phát sinh sự cố quá tải cho tuyến cống thoát nước sân đường. Kích thước hố thu nước: dài x rộng = 600 x 600 (mm)

- Nước từ hố thu nước được dẫn ra hố ga trên tuyến cống thoát nước sân đường bằng đường ống uPVC D90 với tổng chiều dài 04m.

- Vị trí thoát nước hồ bơi dành cho người lớn ra tuyến cống thoát nước sân đường nội bộ (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X = 1091412

+ Tọa độ Y = 592820

- Vị trí thoát nước hồ bơi dành cho trẻ em ra tuyến cống thoát nước sân đường nội bộ (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X = 1091442

+ Tọa độ Y = 592860

- Vị trí đầu nối ra cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4) (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X = 1091419

+ Tọa độ Y = 592870

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: Nước hồ bơi được thải ra mạng lưới cống thoát nước sân đường nội bộ, sau đó được đầu nối vào cống thoát nước công cộng trên tuyến đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4) và cuối cùng xả thải vào khu vực sông Đa Lộc.

1.3. Xử lý nước thải

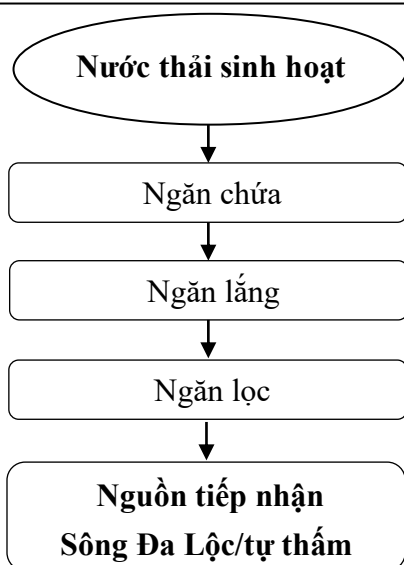
a) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Công trình xử lý và công xuất:

+ Tại Khu A: Bể tự hoại 3 ngăn thể tích bể 2m^3

+ Tại Khu B: Bể tự hoại 3 ngăn thể tích bể 2m^3 và giếng thấm cống tròn D1200, L=1m

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của bể tự hoại được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 12. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại

** Thuyết minh nguyên lý hoạt động:*

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa phân: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phân cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn lại trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân huỷ của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

+ **Tại Khu A:** Nước thải sau hầm tự hoại được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa nội bộ, sau đó thải vào cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4) và cuối cùng xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đa Lộc.

+ **Tại Khu B:** Nước thải sau hầm tự hoại được dẫn vào giếng tự thấm, không xả thải ra cống thoát nước công cộng.

b) Công trình xử lý nước thải hồ bơi

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý, khử trùng định kỳ, đảm bảo chất lượng đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT và các quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn bơi, lặn

- Tại khu vực các hồ bơi đều được bố trí máy lọc nước, nhằm loại bỏ cát, cặn bẩn và tạp chất có trong hồ bơi.

- Thực hiện khử trùng nước hồ bơi bằng chlorine, với tần suất 02 lần/tuần, nhằm cân bằng pH và diệt khuẩn, tiêu diệt vi khuẩn, rêu tảo và khử mùi, khử màu vẩn đục.



Hình 13. Máy lọc nước hồ bơi

Nhằm có cơ sở đánh giá, dự báo các tác động của hoạt động xả nước hồ bơi ra môi trường xung quanh, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện

Châu Thành đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc nước hồ bơi, trong điều kiện hồ bơi tạm ngưng hoạt động để xử lý nước định kỳ. Kết quả như sau:

Bảng 13. Kết quả phân tích chất lượng hồ bơi

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14: 2008/BTNMT (C _{max})
			NT ₁	NT ₂	
1	pH	-	7,11	7,13	5 - 9
2	TSS	mg/L	KPH	KPH	120
3	BOD ₅	mg/L	2,6	2,9	60
4	COD	mg/L	20,3	21,8	-
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,296	0,303	12
6	Coliforms	MPN/100ml	KPH	KPH	5.000

* **Nhận xét:** Theo kết quả phân tích cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Như vậy, nước hồ bơi khi được xả thải ra môi trường sẽ không gây ô nhiễm chất lượng môi trường nước mặt xung quanh.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành, phát sinh bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực Cơ sở.

Các biện pháp được áp dụng nhằm giảm thiểu tác động của bụi và khí thải bao gồm:

- Xây dựng hệ thống tường rào và sân đường nội bộ bê tông hóa, nhằm hạn chế phát tán bụi.
- Bố trí nhân viên thực hiện vệ sinh các khu vực sân, đường nội bộ.
- Đối với Khu A: tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên cơ sở, nhằm tạo cảnh quan và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ các biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Tại Khu A: Bố trí thùng chứa rác sinh hoạt loại 6 lít, 12 lít tại các vị trí phát sinh chất thải như: Phòng làm việc, nhà vệ sinh, ...
- Tại Khu B:
 - + Bố trí thùng chứa rác sinh hoạt loại 6 lít tại khu vực nhà vệ sinh
 - + Bố trí sọt chứa rác sinh hoạt loại 12 lít dọc theo khu vực hồ bơi



Hình 14. Thùng chứa rác sinh hoạt bố trí tại Khu B

b) Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của hồ bơi

- Biện pháp quản lý và xử lý: Thu gom và tập kết xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Công trình xử lý chất thải

Chủ cơ sở không đầu tư công trình xử lý chất thải rắn tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành. Các biện pháp được áp dụng nhằm xử lý các loại chất thải phát sinh tại Cơ sở cụ thể như sau:

- Thực hiện tập kết chất thải rắn sinh hoạt vào thùng rác công cộng sau mỗi ngày làm việc (tần suất 01 lần/ngày).
- Đối với các loại CTR thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của hồ bơi: Thu gom, tập kết chất thải vào thùng chứa rác công cộng.
- Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định (tần suất 01 lần/ngày).

- Đơn vị thu gom, vận chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; khoản 3, khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể công nhân viên.

3.3. Chung loại, khối lượng chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Thành phần bao gồm: các chất thải có nguồn gốc hữu cơ dễ phân hủy như rau, hoa quả, thức ăn dư thừa; Vỏ bao bì, gói, hộp đựng đồ ăn, thức uống (nhựa, giấy, kim loại,...).

- Khối lượng phát sinh:

+ Tại Khu A: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 4,5 kg/ngày

+ Tại Khu B: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 03 kg/ngày và ước tính khoảng 10 kg/ngày vào các ngày cuối tuần, ngày lễ

b) Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của hồ bơi

Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của hồ bơi bao gồm:

- Chất thải phát sinh trong quá trình vệ sinh nước hồ bơi chủ yếu là túi lọc của máy lọc nước hồ bơi. Túi lọc được thay mới định kỳ 01 lần/03 tháng. Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 05 kg/03 tháng.

- Phao cứu sinh, áo phao hư hỏng: Chất thải này phát sinh với số lượng/khối lượng rất thấp, trung bình khoảng 05 kg/03 tháng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại

Tại Cơ sở không đầu tư công trình xử lý chất thải nguy hại, theo đó đề giảm thiểu tác động do CTNH phát sinh, Chủ Cơ sở thực hiện các biện pháp lưu giữ, phân loại CTNH tuân thủ theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Trang bị 01 thùng chứa dung tích 60L, được làm bằng nhựa để chứa

chất thải nguy hại và có dán nhãn cảnh báo.

- Khu vực lưu chứa: Thùng chứa CTNH được bố trí tại khu vực nhà kho của Cơ sở.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành với chu kỳ thu gom dự kiến là 01 lần/năm. Đơn vị thu gom, vận chuyển CTNH thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2. *Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở chủ yếu từ hoạt động bảo trì hệ thống chiếu sáng, điện và thay mới mực in văn phòng

- Khối lượng phát sinh: Tối đa khoảng 06 - 10 kg/năm

- Theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, CTNH được phân loại như sau:

Bảng 14. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
08 02 04	Hộp mực in thải	08 03 17		Y12	Đ, ĐS	Rắn	KS
16 01 12	Pin thải	20 01 33	A1160 A1170	Y26 Y29 Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Quy định thời gian hoạt động trong ngày, qua đó giảm thiểu được tối đa các tác động của tiếng ồn đến các đối tượng lân cận hồ bơi.

- Thời gian hoạt động: Buổi sáng: 7h - 10h30; Buổi chiều: 13h - 16h

5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

- QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Hệ thống cấp điện trong khu vực Cơ sở bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Lắp đặt nội quy, tiêu lệnh chữa cháy và các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại Cơ sở theo quy định tại TCVN 3890:2009;

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;

- Tổ chức huấn luyện công tác PCCC cho công nhân viên dưới sự hướng dẫn, kiểm tra của lực lượng cảnh sát PCCC;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy;

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nhanh chóng di tản người ra khỏi đám cháy và tiến hành ngay công tác chữa cháy, ứng cứu người bị nạn.

- Số lượng các công trình, thiết bị phòng cháy chữa cháy đã được trang bị tại Cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 15. Danh mục các phương tiện phòng cháy chữa cháy

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trung tâm báo cháy 24V - 8 ZONE	bộ	01
2	Đầu báo khói	bộ	32
3	Đầu báo nhiệt	bộ	-
4	Đầu báo bream	bộ	-
5	Nút nhấn khẩn 24VDC	cái	4
6	Chuông báo cháy 24VDC	cái	4
7	Đèn chiếu sáng sự cố 2x5w	cái	4
8	Đèn chiếu sáng thoát hiểm EXIT	cái	4
9	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	cái	1
10	Bình chữa cháy khí CO ₂ MT 5kg	bình	10
11	Bình chữa cháy bột MFz 8kg	bình	10
12	Hồ nước chữa cháy 200 m ³	hồ	01



Hình 15. Công trình PCCC tại cơ sở

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đuối nước

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại hồ bơi cơ bản đáp ứng theo các quy định của Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006, Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện cứu hộ như:

+ Phao cứu sinh: được đặt trên thành bể ở vị trí thuận lợi khi sử dụng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 phao

+ Sào cứu hộ: được đặt trên thành bể ở các vị trí thuận lợi để quan sát và sử dụng

+ Ghế cứu hộ: được đặt trên thành bể ở vị trí thuận lợi để quan sát cho nhân viên cứu hộ, có chiều cao ít nhất 1,5m so với mặt bể

+ Áo phao (loại dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em)

+ Bảng nội quy, bảng hướng dẫn

+ Phải bảo đảm luôn có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia bơi lội.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn 01: nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại Khu A

+ Nguồn 02: Nước thay mới hồ bơi dành cho trẻ em

+ Nguồn 03: Nước thay mới hồ bơi dành cho người lớn

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Nguồn 01: 0,48 m³/ngày

+ Nguồn 02: 27,384 m³/lần (phát sinh định kỳ 01 lần/3 tháng)

+ Nguồn 03: 365,904 m³/lần (phát sinh định kỳ 01 lần/6 tháng)

- Dòng nước thải:

+ 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng hầm tự hoại được xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc, thông qua mạng lưới cống thoát nước trong khuôn viên cơ sở và cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4).

+ 02 dòng nước hồ bơi được xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc, thông qua mạng lưới cống thoát nước trong khuôn viên cơ sở và cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2).

Bảng 16. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT (C _{max})
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/L	120
3	BOD ₅	mg/L	60
4	TDS	mg/L	1.200
5	H ₂ S	mg/L	4,8

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT (C _{max})
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí xả nước thải

+ Tại Khu A: Nước thải sau hầm tự hoại được đầu nối vào cống thoát nước nội bộ, sau đó xả thải ra cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4) (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30, múi chiếu 3^o):

- Tọa độ X = 1091398

- Tọa độ Y = 592854

+ Tại khu B: Nước hồ bơi được đầu nối vào cống thoát nước nội bộ, sau đó xả thải ra cống thoát nước công cộng trên đường tránh cống tuyến Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL54 đến giáp đường 30/4) (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30, múi chiếu 3^o):

- Tọa độ X = 1091419

- Tọa độ Y = 592870

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: Sông Đa Lộc (thuộc khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Nhằm đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành, Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc môi trường không khí, nước thải (nước hồ bơi thải ra môi trường) và nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải, kết quả như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc: mẫu không khí xung quanh trước cổng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành (cách khu vực hồ bơi khoảng 150m)

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí được trình bày trong bảng sau:

Bảng 17. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
			KK ₂	
1	Tiếng ồn	dBA	58,2	70*
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	196	300
3	SO ₂	µg/m ³	9,3	350
4	NO ₂	µg/m ³	4,0	200
5	CO	µg/m ³	KPH	30.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (giá trị trung bình 1 giờ)

- Giá trị (*) áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

* **Nhận xét:** Theo bảng kết quả thử nghiệm trên cho thấy, tất cả các thông số đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2016/BTNMT.

2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: Nước mặt sông Đa Lộc - nơi tiếp nhận nước thải từ cống thoát nước công cộng khu vực

- Điều kiện lấy mẫu: Nước ròng, không có phương tiện giao thông thủy qua lại.

- Thời gian lấy mẫu:

+ Đợt 1: ngày 14/4/2023

+ Đợt 2: ngày 17/4/2023

+ Đợt 3: ngày 20/4/2023

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt được trình bày trong bảng sau:

Bảng 18. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (Cột B ₁)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	11,0	7,4	20,6	50
2	COD	mg/L	21,8	23,3	23,5	30
3	BOD ₅	mg/L	2,5	2,4	2,8	15
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	2,285	1,555	1,585	0,9

* **Ghi chú:** QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₁) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂).

* **Nhận xét:** Kết quả phân tích cho thấy nước mặt sông Đa Lộc có chất lượng khá tốt, đa số các thông số phân tích đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B₁). Riêng thông số NH₄⁺-N vượt giới hạn cho phép từ 1,73 - 2,54 lần.

3. Kết quả quan trắc nước hồ bơi

- Vị trí quan trắc:

+ Tại hồ thu nước hồ bơi dành cho người lớn (ký hiệu NT₁)

+ Tại hồ thu nước hồ bơi dành cho trẻ em (ký hiệu NT₂)

- Điều kiện lấy mẫu: Hồ bơi đang được xử lý nước định kỳ

- Thời gian lấy mẫu: ngày 14/4/2023

- Kết quả phân tích chất lượng nước hồ bơi được trình bày trong bảng sau:

Bảng 19. Kết quả phân tích chất lượng hồ bơi

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT (C _{max})	QCVN 01-1:2018/ BYT
			NT ₁	NT ₂		
1	pH	-	7,11	7,13	5 - 9	6,0 - 8,5
2	TSS	mg/L	KPH	KPH	120	-
3	BOD ₅	mg/L	2,6	2,9	60	-
4	COD	mg/L	20,3	21,8	-	-
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,296	0,303	12	0,3
6	Coliforms	MPN/ 100ml	KPH	KPH	5.000	< 3

* **Nhận xét:** Theo kết quả phân tích cho thấy, các thông số quan trắc cơ bản đáp ứng được yêu cầu chất lượng nước phục vụ cho nhu cầu sử dụng là bơi lội được quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Ngoài ra, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Như vậy, nước hồ bơi khi được xả thải ra môi trường sẽ không gây ô nhiễm chất lượng môi trường nước mặt xung quanh.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và vận hành tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành bao gồm: Bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại Khu A và Khu B.

- Bể tự hoại được xây dựng tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành dạng hộp khối, lưu lượng nước thải sau xử lý rất thấp và vị trí đầu nối đặt âm dưới nền công trình kiên cố, ... do đó không thực hiện được công tác quan trắc mẫu (trong vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức).

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Căn cứ theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy mô công trình xử lý nước thải sinh hoạt, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2021 và 2022, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành không tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu, được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường, công tác bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo (gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà cơ sở áp dụng), tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan cơ sở bao gồm:

+ Đối với nước thải sinh hoạt Khu A: Chủ cơ sở cam kết nước thải được xử bằng hầm tự hoại trước khi xả thải ra công thoát nước công cộng.

+ Đối với nước thải sinh hoạt Khu B: Chủ cơ sở cam kết nước thải được xử bằng hầm tự hoại trước khi được thu gom về giếng tự thấm. Nước thải sau xử lý không xả thải ra công thoát nước công cộng.

+ Đối với nước hồ bơi:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý, khử trùng định kỳ, đảm bảo chất lượng đạt QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Thực hiện thay mới nước định kỳ 03 tháng/lần đối với hồ bơi dành cho trẻ em và 06 tháng/lần đối với hồ bơi dành cho người lớn.

- Công tác thay mới nước hồ bơi được thực hiện cách nhau tối thiểu 03 ngày, đảm bảo không gây quá tải và ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của công thoát nước công cộng.

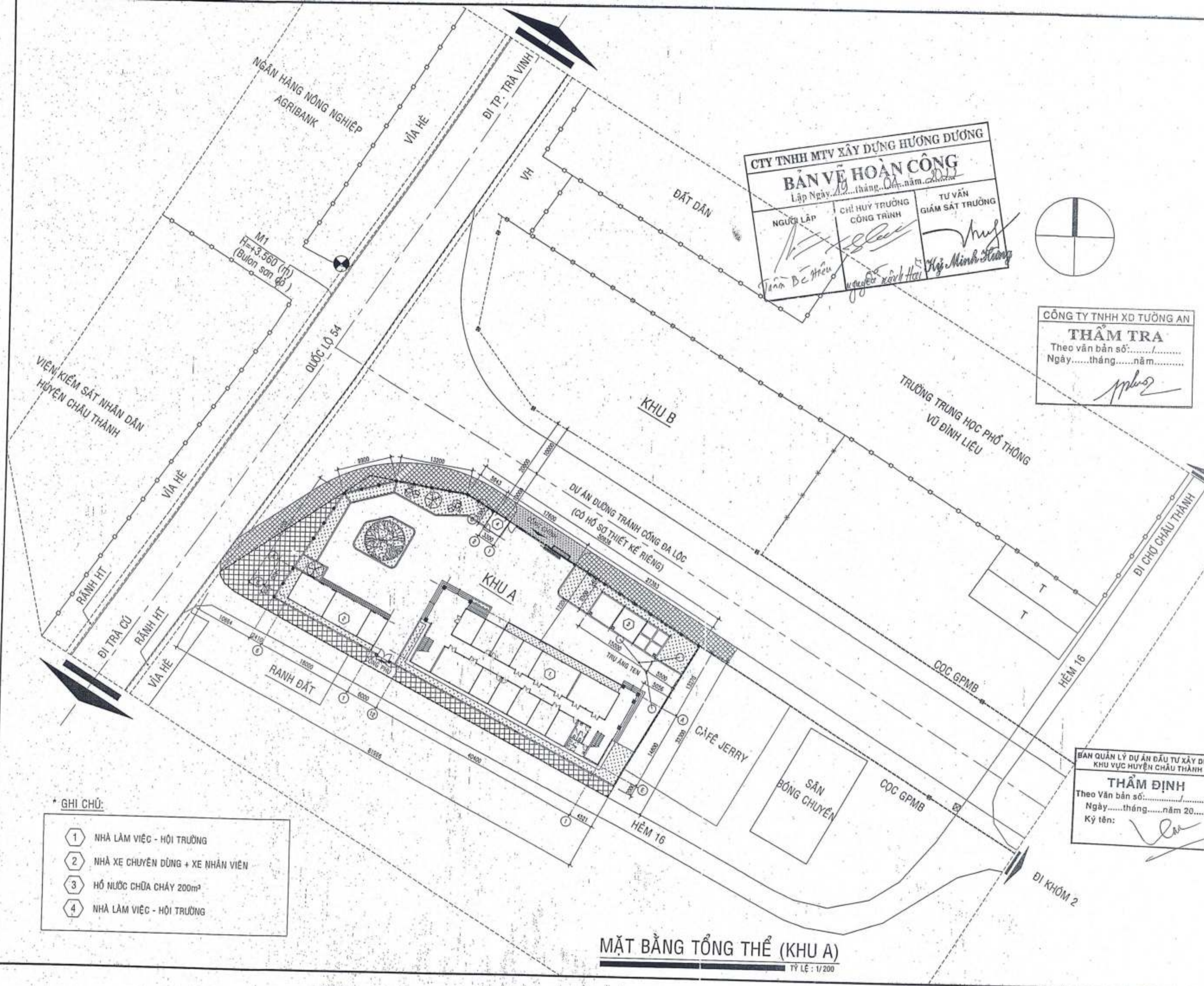
+ Đối với chất thải rắn: Chủ cơ sở cam kết quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với bụi và khí thải: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và tiếng ồn. Đảm bảo môi trường không khí khu vực Cơ sở đạt:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

+ Cam kết thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định hiện hành.

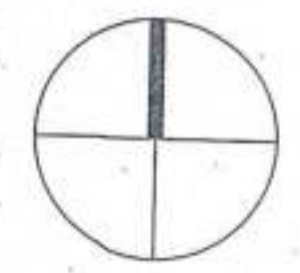


- * GHI CHÚ:**
- ① NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG
 - ② NHÀ XE CHUYÊN DỪNG + XE NHÂN VIÊN
 - ③ HỒ NƯỚC CHỨA CHÁY 200m³
 - ④ NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ (KHU A)
TỶ LỆ: 1/200

CTY TNHH MTV XÂY DỰNG HƯƠNG DƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập Ngày: 19 tháng 04 năm 2021

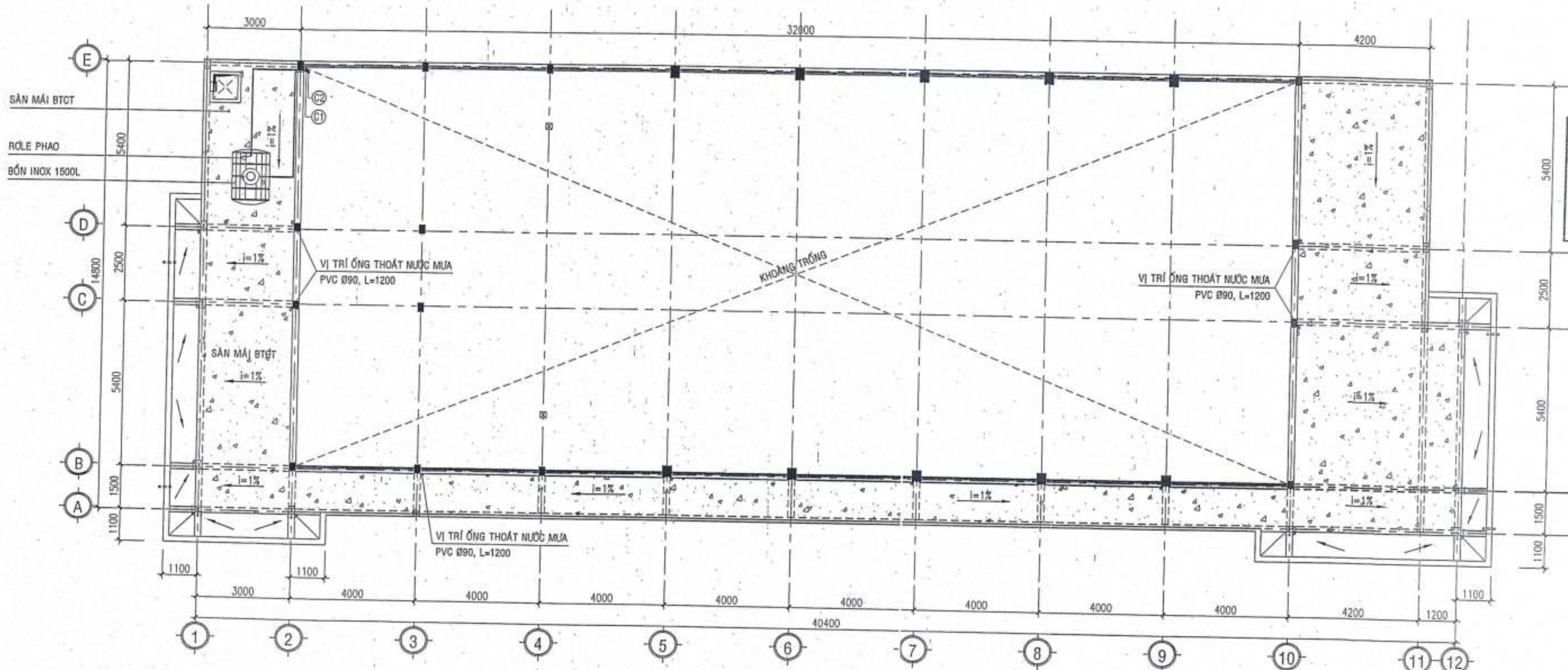
NGƯỜI LẬP <i>Tâm Bè Hiền</i>	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>Nguyễn Minh Hoàng</i>	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG <i>Nguyễn Minh Hoàng</i>
---------------------------------	---	--



CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN
THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
[Signature]

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

GHI CHÚ - LEGEND	
<input type="checkbox"/>	TK CƠ SỞ / BASIS DESIGN
<input checked="" type="checkbox"/>	TK BV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG	
TƯ VẤN THIẾT KẾ GIÁM ĐỐC XÂY DỰNG/PROJECT DIRECTOR HUNG LONG	
<i>[Signature]</i>	
KS. HÀ THANH LỰC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER)	KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE)	KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN KTS. NGUYỄN THỢ HUY
THẺ HIỆN (DRAW)	KTS. NGUYỄN TỬ MINH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	K.S. TRẦN HOÀNG ỨT
DỰ ÁN / PROJECT	
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: TT. CHÂU THÀNH - H. CHÂU THÀNH - TỈNH TRÁ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG (KHU A)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG TỔNG THỂ (KHU A)	
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
5/2021	KT-03 KT-18



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CHỈ CHỮ - LEGEND
 TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
 TK BIÊN THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
 BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG

THẨM TRA
 Theo văn bản số:.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
[Signature]
 K.S. HÁ THANH LỰC

CHỦ KHÍEM DỰ ÁN
(PRO MANAGER)
 KTS. HUỖN HOÀNG TUẤN

CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ
(P.E ARCHITECTURE)
 K.S. LÊ QUANG DUY

THÉ HỘN
(DRAWN)
 K.S. LÊ QUANG DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
(TECHNICAL MANAGER)
 K.S. HÁ THANH LỰC

DỰ ÁN / PROJECT
 TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO
 HUYỆN CHÂU THÀNH

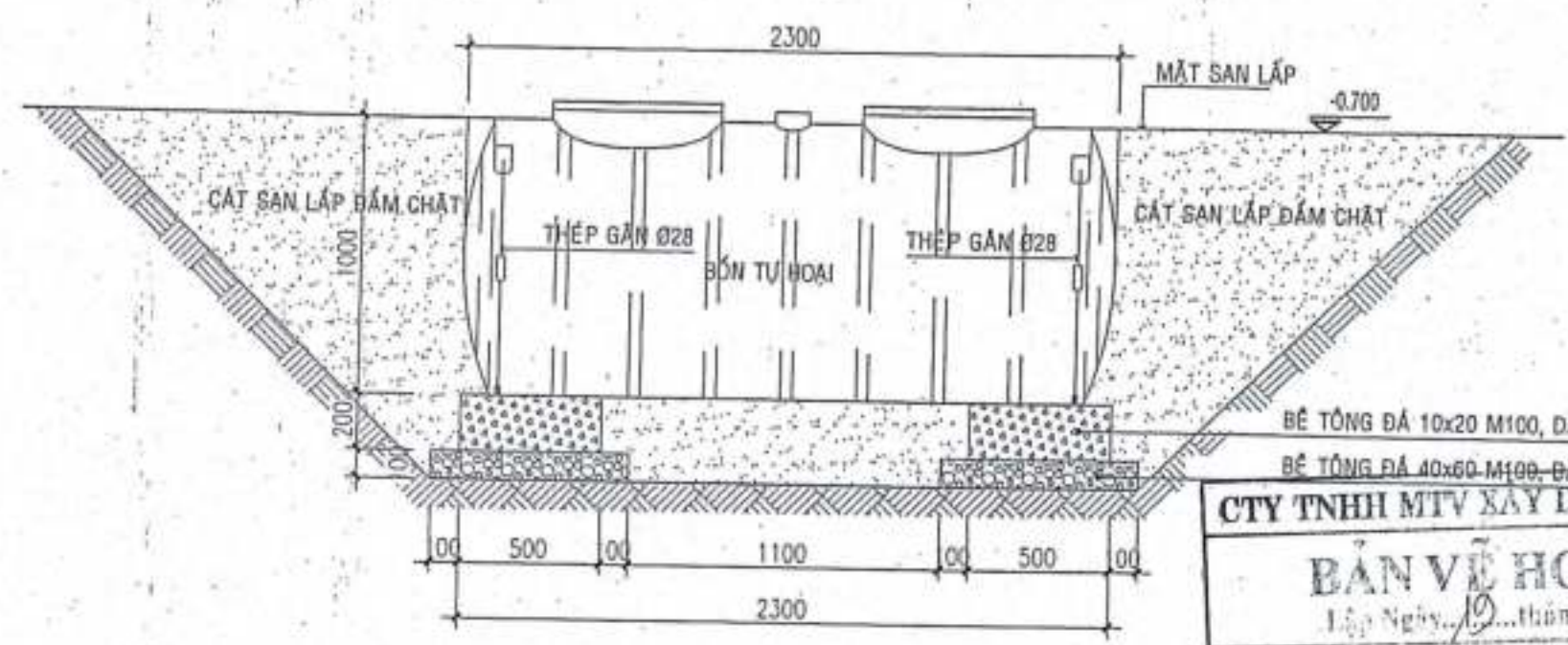
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
 THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,
 TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
 NHÀ LÂM HIỆC + NỘI TRƯỜNG
 (KHU A)

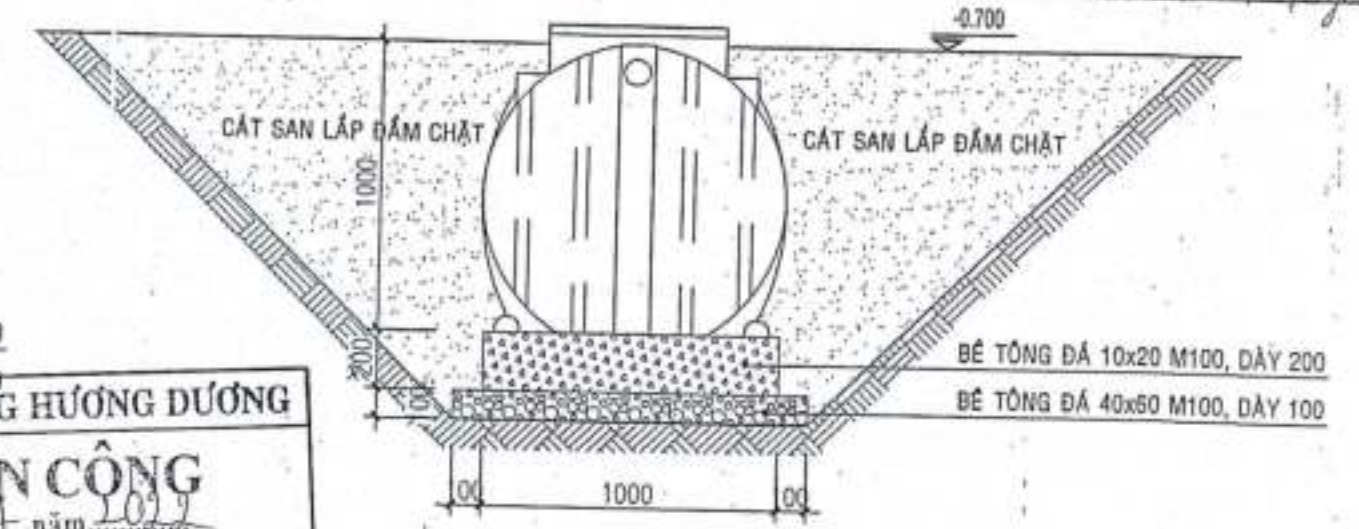
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
**MẶT BẰNG CẤP NƯỚC BỐN INOX
 CHI TIẾT BỐN TỰ HOẠI**

NGÀY / DATE: 04-2021
 SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: N-01 N-07

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC BỐN INOX, CỐT +7.800
 TỶ LỆ: 1/100



CHI TIẾT BỐN TỰ HOẠI NHỰA SEPTIC - 010K
 TỶ LỆ: 1/25



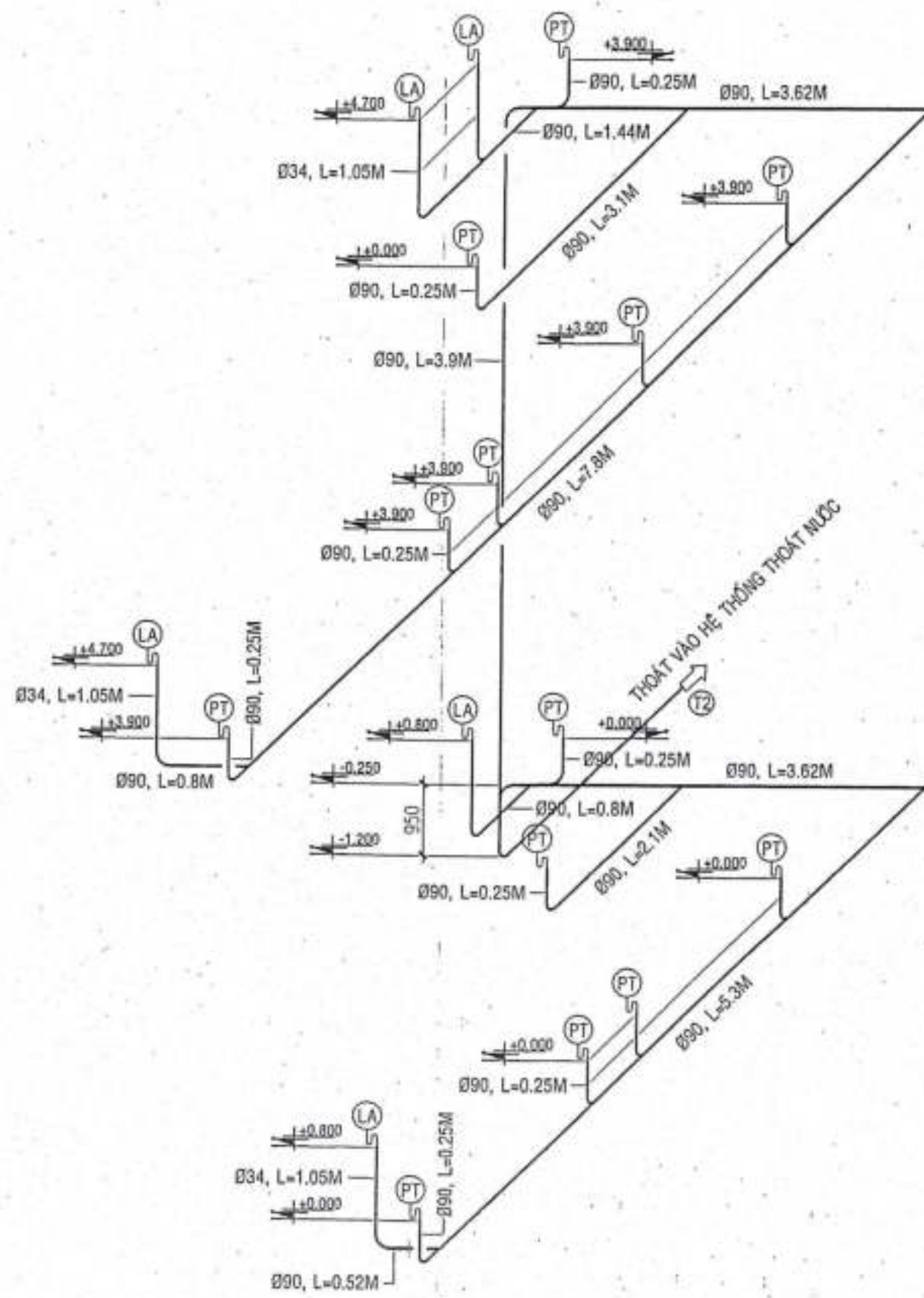
MẶT BÊN BỐN TỰ HOẠI
 TỶ LỆ: 1/25

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HƯỚNG DƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập Ngày: 19 tháng 04 năm 2021

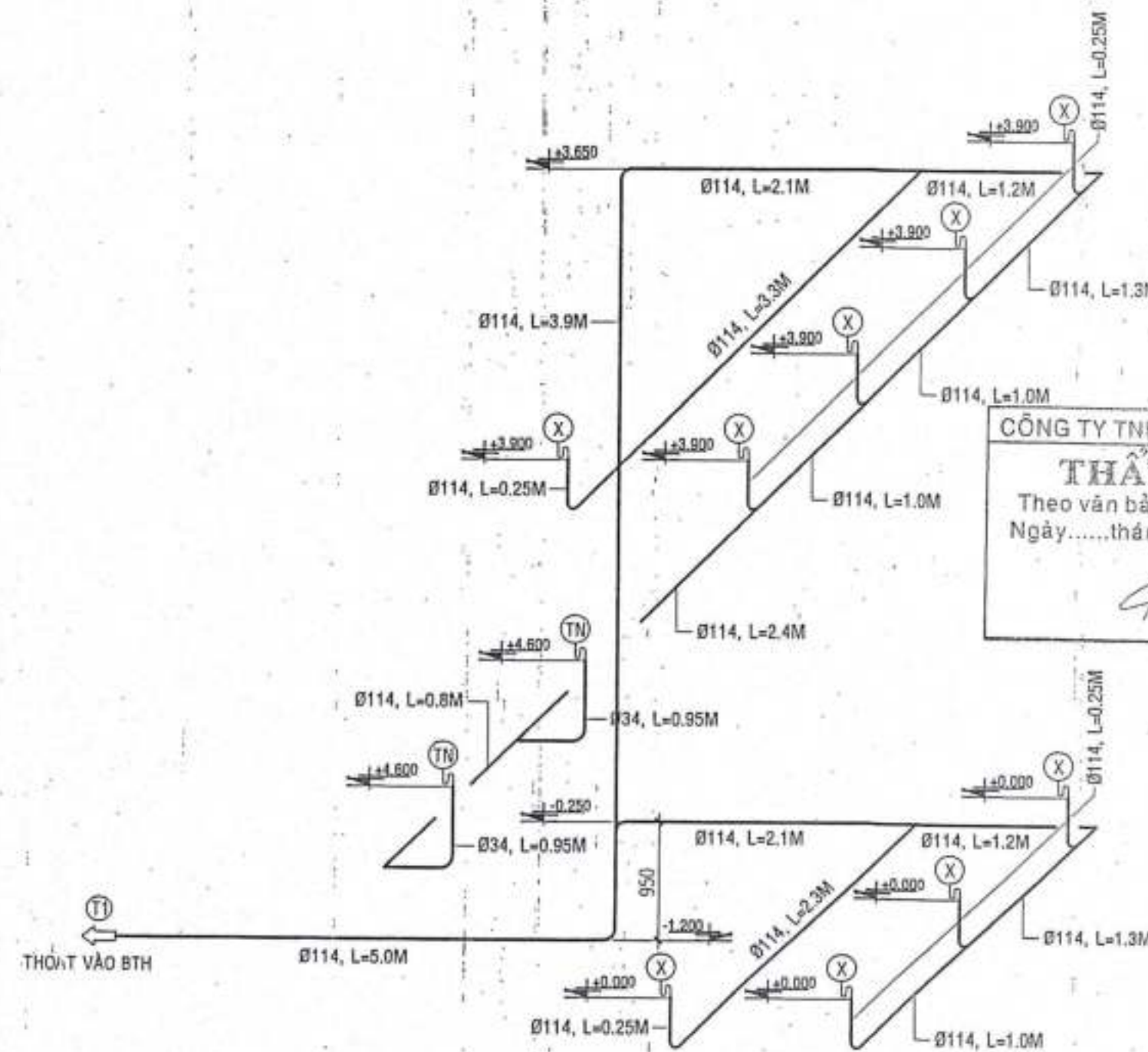
NGƯỜI LẬP <i>[Signature]</i> Nguyễn Thanh Bình	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>[Signature]</i> Nguyễn Minh Hoàng	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG <i>[Signature]</i> Nguyễn Minh Hoàng
--	---	--

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

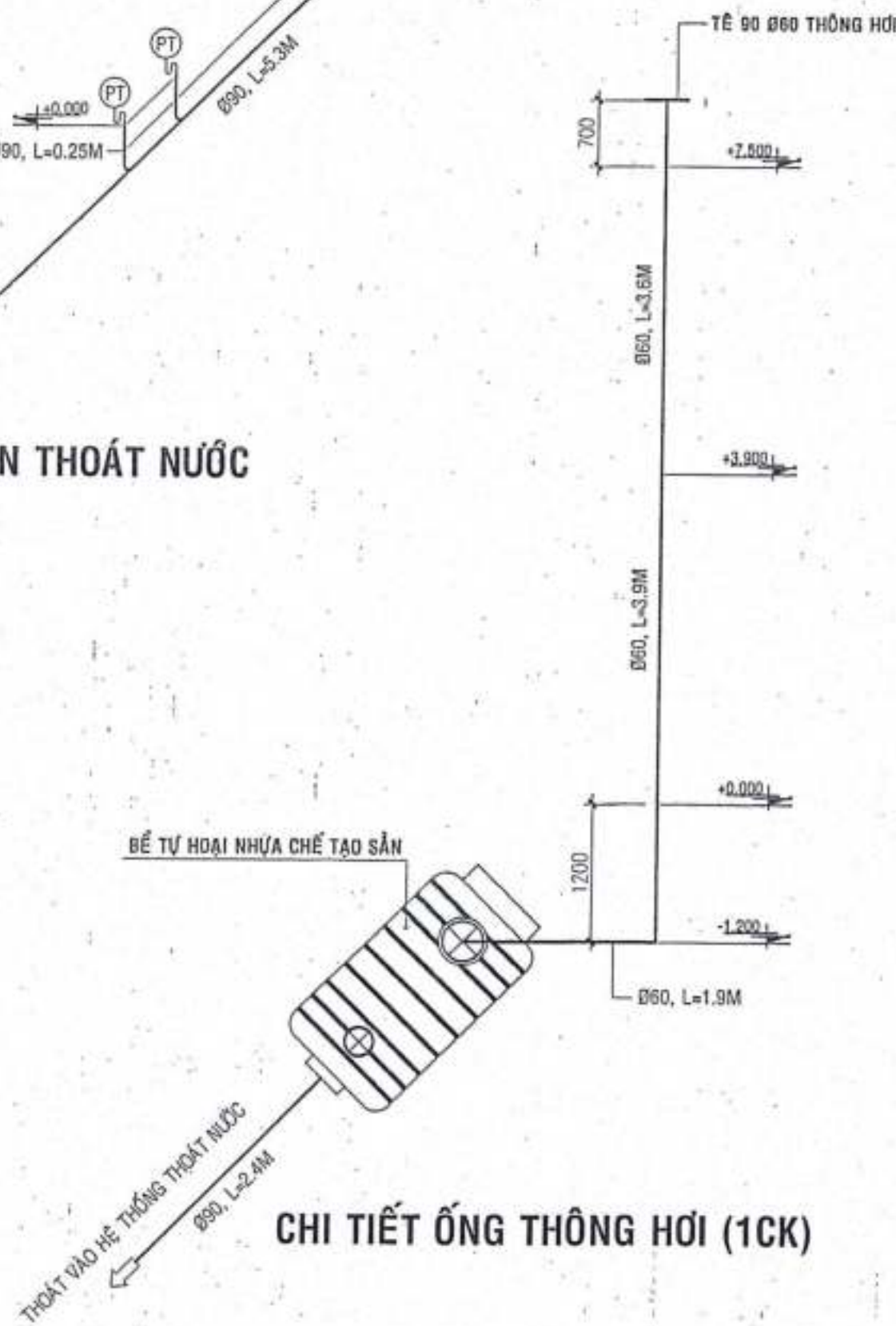
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*



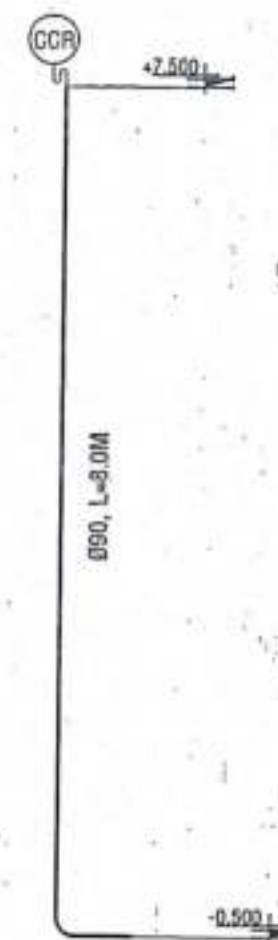
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC



CHI TIẾT ỐNG THÔNG HƠI (1CK)



CHI TIẾT ỐNG THOÁT MƯA (19CK)

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....
[Signature]

ĐƠN CHỈ - LEGEND
 TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
 TK BỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/IENT
BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HƯNG LONG

[Seal]
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HƯNG LONG
TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
- XÂY DỰNG
HUNG LONG
VINH - T. TRẦN VINH
KS. HÀ THANH LỰC

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(PRO MANAGER)
KTS. NGUYỄN VĂN AN

CHỦ THIẾT KẾ
(P.S. ARCHITECTURE)
KS. LÊ QUANG DUY

THẺ HIỆN
(DRAW)
HS. LÊ QUANG DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
(TECHNICAL MANAGER)
KS. HÀ THANH LỰC

DỰ ÁN / PROJECT
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO
HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,
TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
NHÀ LÂM VIỆC - HỘI TRƯỜNG
(KHU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC
CHI TIẾT ỐNG THÔNG HƠI
CHI TIẾT ỐNG THOÁT MƯA

NGÀY / DATE: 04-2021 SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: N-07 N-07

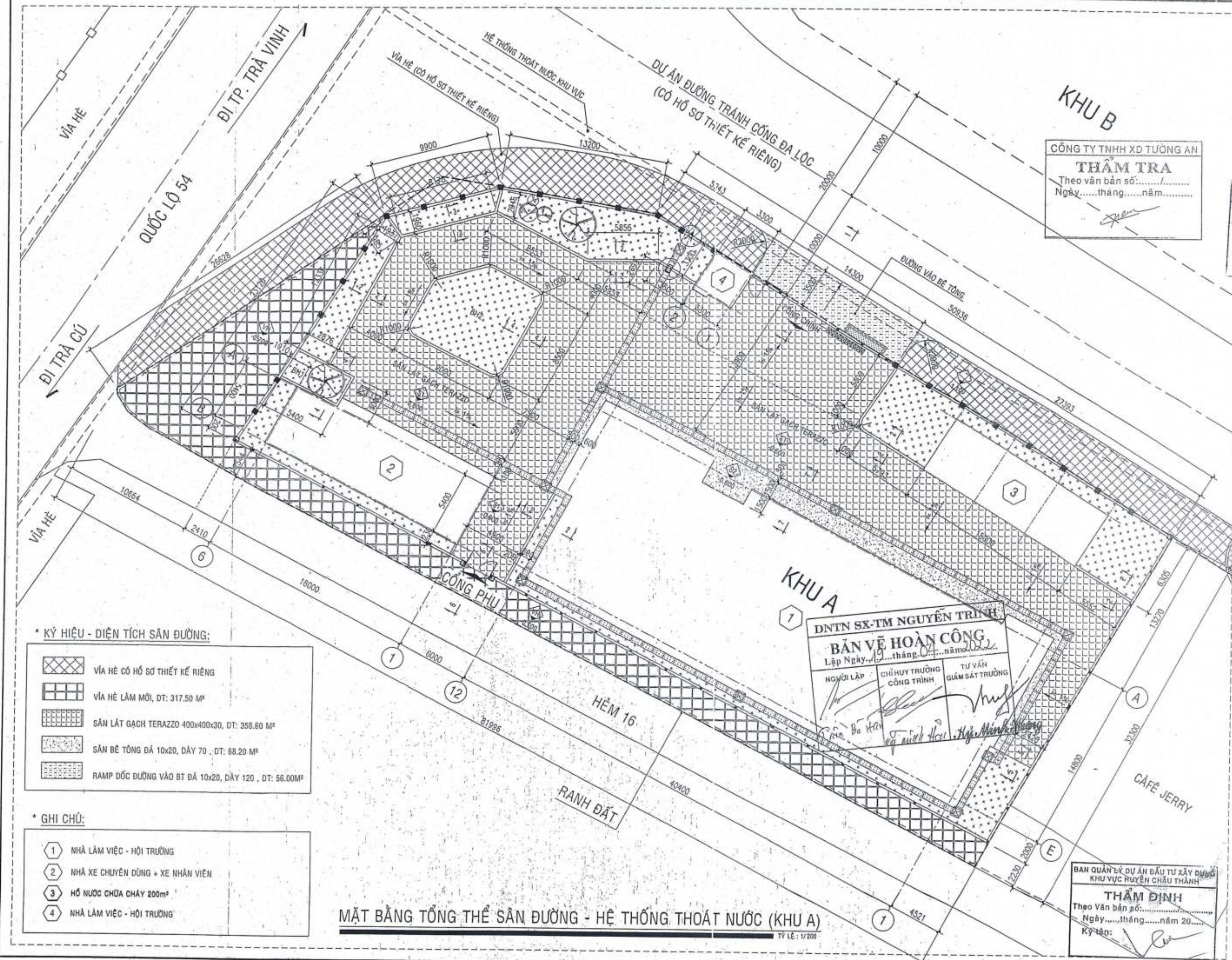
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CTY TNHH MTV XÂY DỰNG HƯƠNG DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập Ngày: 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP <i>[Signature]</i>	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>[Signature]</i>	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG <i>[Signature]</i>
---------------------------------	--	---



CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN
THẨM TRA
 Theo văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm.....

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

GIẢI THÍCH - LEGEND
 [Symbol] TX CƠ SỞ / BASIC DESIGN
 [Symbol] TX BY THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG
 (Logo)
 SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ: 2100881552
 SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ: 2100881552
 CÔNG PHÁP: P. GIÁM HỐC
 U. VẤN THIẾT KẾ / DIRECTOR
 XÂY DỰNG: HÙNG LONG
 K.S. HÀ THANH LỰC

DNTN SX-TM NGUYỄN TRINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập Ngày: 19 tháng 04 năm 2021
 NGƯỜI LẬP: CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
 (Signatures)

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

- * KÝ HIỆU - DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG:**
- [Symbol] VIA HÉ CÓ HỒ SƠ THIẾT KẾ RIÊNG
 - [Symbol] VIA HÉ LÂM MỜI, DT: 317.50 M²
 - [Symbol] SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO 400x400x30, DT: 356.60 M²
 - [Symbol] SÂN BÊ TÔNG ĐÁ 10x20, DÀY 70, DT: 68.20 M²
 - [Symbol] RAMP ĐỐC ĐƯỜNG VÀO BT ĐÁ 10x20, DÀY 120, DT: 56.00M²

- * GHI CHÚ:**
- ① NHÀ LÂM VIỆC - HỘI TRƯỞNG
 - ② NHÀ XE CHUYÊN DỪNG + XE NHÂN VIÊN
 - ③ HỒ NƯỚC CHỨA CHÁY 200m³
 - ④ NHÀ LÂM VIỆC - HỘI TRƯỞNG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC (KHU A)
 TỶ LỆ: 1/200

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
 TT. CHÂU THÀNH - H. CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

HÀNG MỤC / CATEGORIES:
 SÂN ĐƯỜNG - VIA HÉ - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC (KHU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC (KHU A)

NGÀY / DATE **SỐ BẢN VẼ / DRAWING ID**
 5/2021 KT-01 KT-04



KHU B
CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN
THẨM TRA
 Theo văn bản số:.....
 Ngày.....tháng.....năm.....

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:.....

GHI CHÚ - LEGEND
 TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
 TK BT TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG
 2100381553
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ THIẾT KẾ: 0094.3881729
 CHỖ PHÂN PẠC MÓC
 VÀN THIẾT BỐT/ DIRECTOR
 XÂY DỰNG
HÙNG LONG
 VINH - T. TR. V.
 K.S. HÀ THANH LỰC

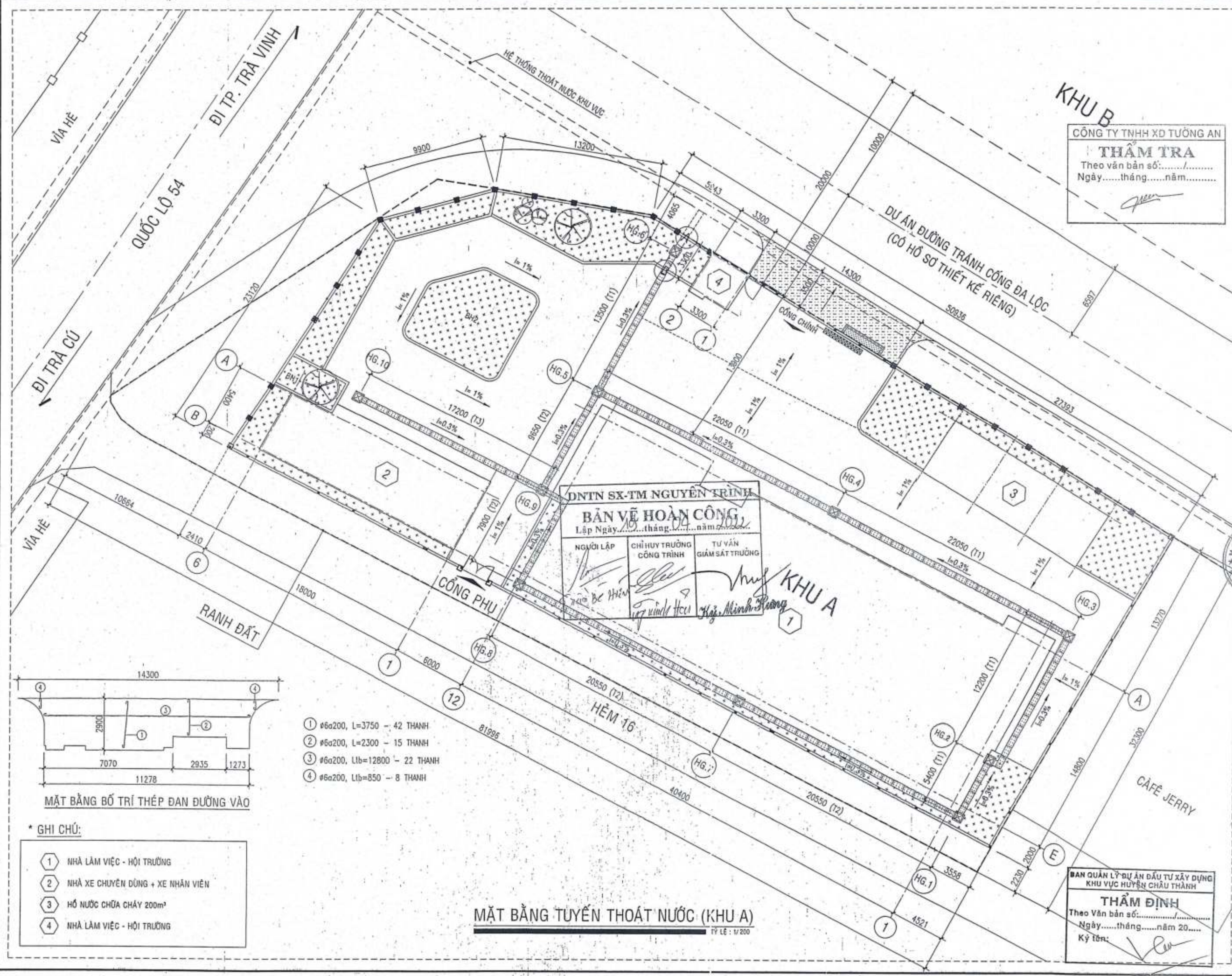
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
 (PRO MANAGER) KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ TH - THIẾT KẾ
 (P.S ARCHITECTURE) KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
 KTS. HUỖNH THẾ HUY
THẺ HIỆN
 (DRAW) K.S. NGUYỄN TỬ MÌNH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 (TECHNICAL MANAGER) K.S. TRẦN HƯƠNG ƯT

DỰ ÁN / PROJECT
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO
HUYỆN CHÂU THÀNH
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
 TT. CHÂU THÀNH - H. CHÂU THÀNH
 - TỈNH TRÀ VINH

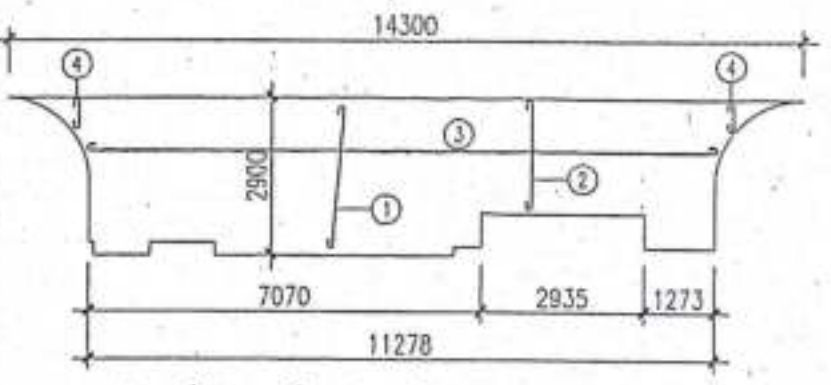
HẠNG MỤC / CATEGORIES:
 SÀN ĐƯỜNG - VÍA HÈ - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC (KHU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC (KHU A)
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:.....

NGÀY / DATE 5/2021 **SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO.** KT-03 KT-04



DN TN SX-TM NGUYỄN TRÌNH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập Ngày 10 tháng 05 năm 2021
 NGƯỜI LẬP: Trương Thị Hiền
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: Nguyễn Văn Hùng
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: Huỳnh Minh Hoàng



- ① #6x200, L=3750 - 42 THANH
- ② #6x200, L=2300 - 15 THANH
- ③ #6x200, Lb=12800 - 22 THANH
- ④ #6x200, Lb=850 - 8 THANH

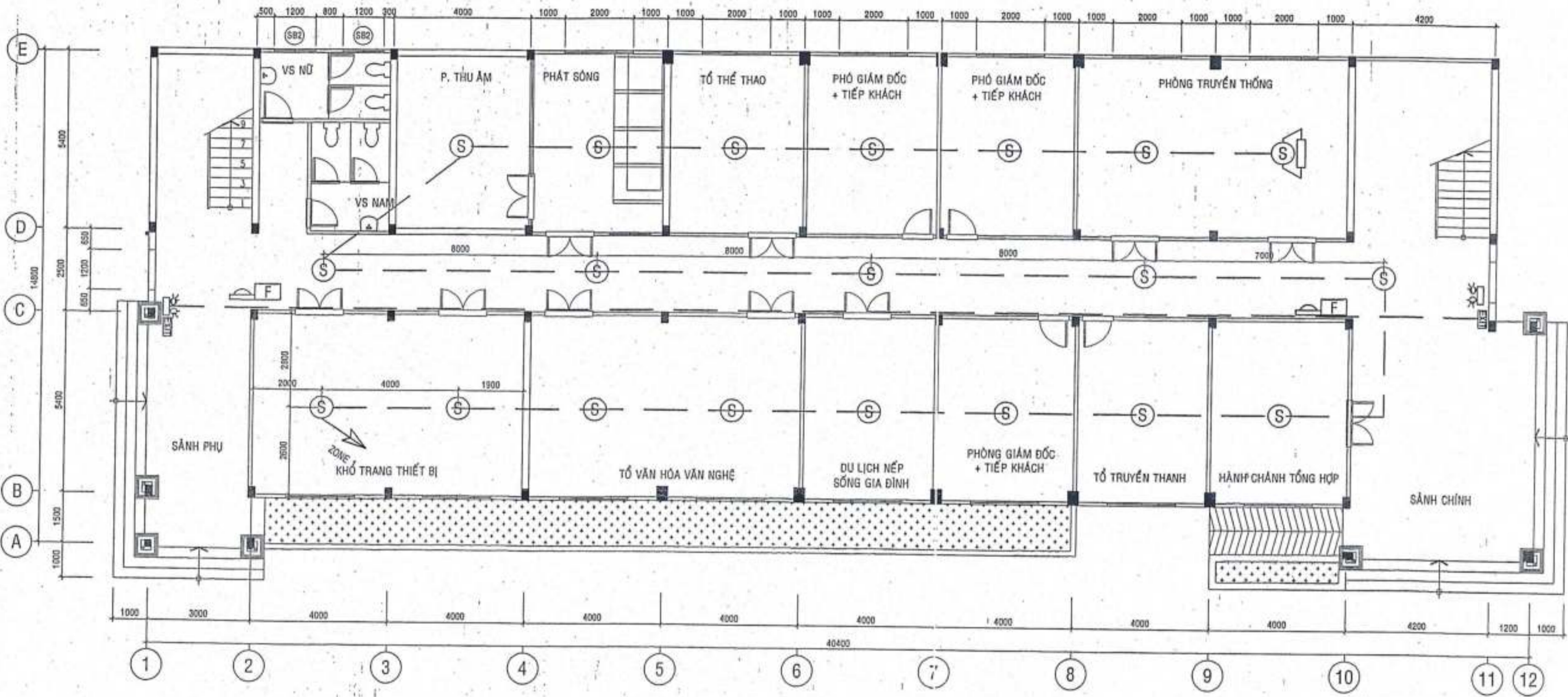
- * GHI CHÚ:**
- ① NHÀ LÂM VIỆC - HỘI TRƯỞNG
 - ② NHÀ XE CHUYỂN DÙNG + XE NHÂN VIÊN
 - ③ HỒ NƯỚC CHỨA CHÁY 200m³
 - ④ NHÀ LÂM VIỆC - HỘI TRƯỞNG

MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC (KHU A)
 TỶ LỆ: 1/200

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Người lập <i>Am</i> Trần Thanh An	Chỉ huy trưởng công trình <i>glu</i> Nguyễn Hải	Tư vấn giám sát <i>hu</i> Nguyễn Minh Hoàng
---	---	---

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢO CHÁY NHÀ LÀM VIỆC TẦNG TRỆT, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*

DIỄN CHỮ - LEGEND	
<input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN	
<input type="checkbox"/> TK BỊ THỰC CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/IENT	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PM MANAGER)	KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ THỢ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE)	KS. PHẠM THÁNH TỰ
VẼ (DRAW)	KS. NGUYỄN TRẦN ANH THỊ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	KS. HÀ THANH LỘC
DỰ ÁN / PROJECT	
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:	
THị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh	
HẠNG MỤC / CATEGORIES:	
HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (KHU A)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢO CHÁY NHÀ LÀM VIỆC - HẸP THƯỜNG TẦNG TRỆT	
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05/2021	PCCC-01 PCCC-11

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

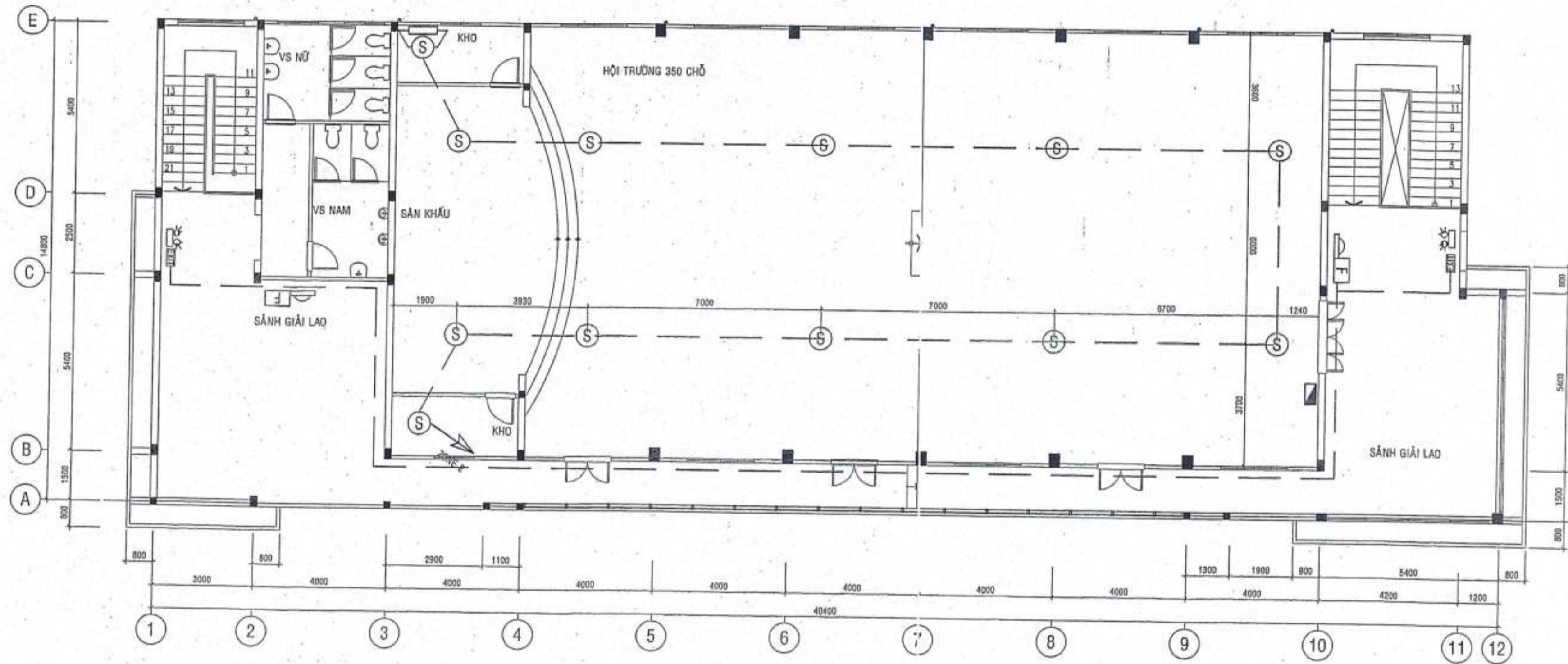
Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Người lập <i>Trần Văn An</i>	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Hải</i>	Tư vấn giám sát trưởng <i>Nguyễn Minh Hoàng</i>
---------------------------------	--	--

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢO CHÁY NHÀ LÀM VIỆC TẦNG LẦU, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH

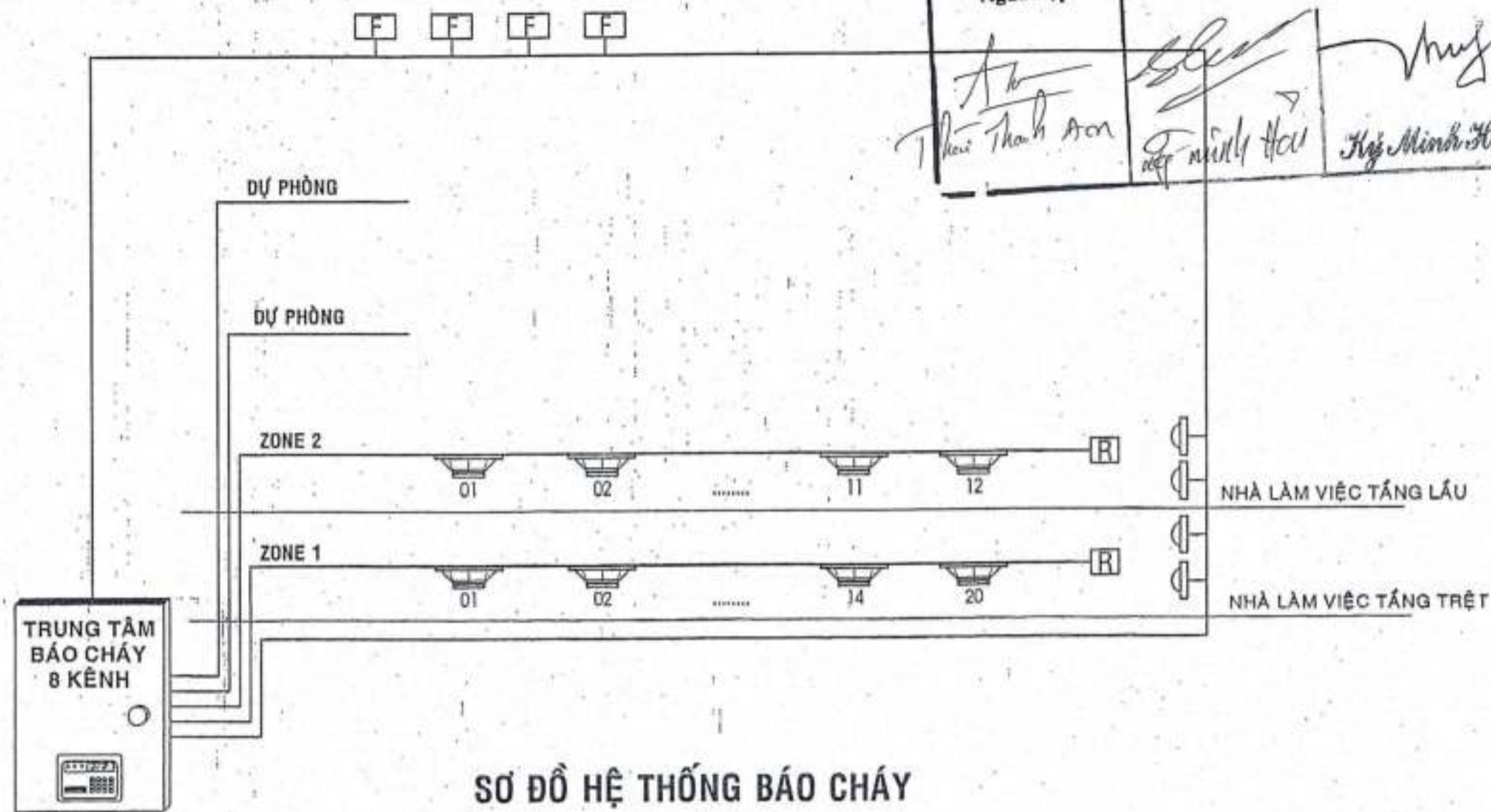
Theo Văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

OM CHỈ - LEGEND <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TX BV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG 21002615 TƯ VẤN THIẾT KẾ - XÂY DỰNG HÙNG LONG KS. HÀ THANH LỰC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PMO MANAGER) KS. NGUYỄN HOÀNG TIẾN	CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE) KS. PHẠM THẠNH TỬ
VẼ (DRAW) KS. NGUYỄN TRẦN ANH THỊ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER) KS. HÀ THANH LỰC
DỰ ÁN / PROJECT TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (THỦ A)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢO CHÁY NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG TẦNG LẦU	
NGÀY / DATE 05/2021	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO PCCC-02 PCCC-11

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: 19 tháng 04 năm 2022

Người lập: *Trần Thanh An*
 Chỉ huy trưởng công trình: *Nguyễn Hữu*
 Tư vấn giám sát trưởng: *Nguyễn Minh Hoàng*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:
 Ngày: tháng năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BÁO CHÁY

THUYẾT MINH BÁO CHÁY:

HỆ THỐNG ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN:
 - TCVN 2622 - 1995 : PHÒNG CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH - YÊU CẦU THIẾT KẾ.
 - TCVN 5738 - 2001: HỆ THỐNG BÁO CHÁY - YÊU CẦU KỸ THUẬT.

1. TRUNG TÂM BÁO CHÁY LÀ LOẠI TRUNG TÂM 8 KÊNH (8 KÊNH DỰ PHÒNG) LÀM NHIỆM VỤ NHẬN TÍN HIỆU TỪ CÁC ĐẦU BÁO CHÁY, XỬ LÝ VÀ PHÁT LỆNH BÁO CHÁY TỚI THIẾT BỊ BÁO ĐỘNG. BÀN PHÍM HIỂN THỊ CÓ TÁC DỤNG LẬP TRÌNH LÀM VIỆC CHO HỆ THỐNG VÀ HIỆN THỊ TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG. TRUNG TÂM ĐƯỢC LẮP ĐẶT TẠI NƠI CÓ NGƯỜI THƯỜNG TRỰC THƯỜNG XUYÊN ĐỂ KỊP THỜI XỬ LÝ KHI CÓ CHÁY. CỤ THỂ ĐẶT TẠI NHÀ BẢO VỆ.

2. ĐẦU BÁO CHÁY LÀ CÁC ĐẦU BÁO KHÓI VÀ ĐẦU BÁO BEAM CÓ TÁC DỤNG KHI CÓ CHÁY XUẤT HIỆN KHÓI THÌ ĐẦU BÁO NHẬN BIẾT VÀ BÁO VỀ TRUNG TÂM XỬ LÝ.

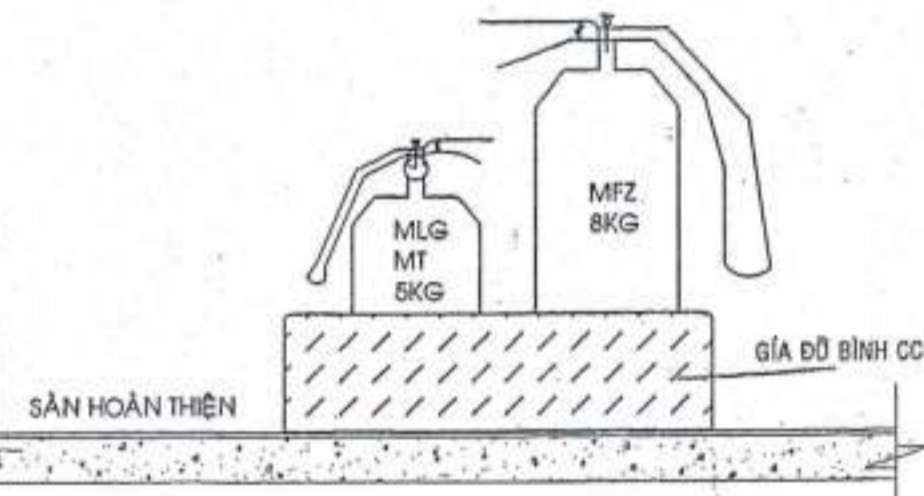
3. THIẾT BỊ BÁO ĐỘNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG HỆ THỐNG LÀ CHUÔNG BÁO CHÁY. THIẾT BỊ BÁO ĐỘNG CHỈ PHÁT ÂM THANH KHI CÓ LỆNH TỪ TRUNG TÂM.

4. CÔNG TÁC KHẨN LÀ THIẾT BỊ SỬ DỤNG ĐỂ BÁO ĐỘNG KHI CẦN THIẾT, CÔNG TÁC KHẨN ĐƯỢC GẮN Ở ĐỘ CAO CÁCH MẶT SÀN 1.5M.

CÁC THIẾT BỊ NỐI KẾT VỚI NHAU THÀNH MỘT HỆ THỐNG BẰNG CÁP ĐỒNG CỐ TIẾT DIỆN 2x1mm² VÀ ĐƯỢC LUỐN TRONG ỐNG NHỰA PVC ĐI ẨM TƯỜNG VÀ TRẦN.

NGUỒN ĐIỆN SỬ DỤNG CHO HỆ THỐNG LÀ 220V/AC. KHI ĐIỆN LƯỚI BỊ MẮT HỆ THỐNG SẼ TỰ ĐỘNG CHUYỂN SANG CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN DỰ TRỮ 24VDC. NGUỒN ĐIỆN DỰ TRỮ DUY TRÌ CHO HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC 12h TRONG THỜI GIAN CHỜ VÀ 01h KHI CÓ CHÁY XẢY RA.

- KÝ HIỆU :**
- NÚT NHẤN KHẨN
 - CHUÔNG BÁO CHÁY
 - ĐẦU BÁO KHÓI
 - ĐẦU BÁO NHIỆT
 - ĐIỆN TRỞ CỐI TUYÊN



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:
 Ngày: tháng năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BÌNH CHỮA CHÁY

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	KÝ HIỆU	TÊN GỌI VÀ QUI CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	G. CHÚ
1		TRUNG TÂM BÁO CHÁY 24V - 8 ZONE	BỘ	1	ISO
2		ĐẦU BÁO KHÓI	BỘ	32	ISO
3		ĐẦU BÁO NHIỆT	BỘ	-	ISO
4		ĐẦU BÁO BEAM (ĐẦU PHÁT + ĐẦU THU)	BỘ	-	ISO
5		NÚT NHẤN KHẨN 24VDC	CÁI	4	ISO
6		CHUÔNG BÁO CHÁY 24VDC	CÁI	4	ISO
7		ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ 2x5W	CÁI	4	ISO
8		ĐÈN CHIẾU SÁNG THOÁT HIỂM EXIT	CÁI	4	ISO
9		BẢNG TIÊU LỆNH CHỮA CHÁY	CÁI	1	ISO
10		BÌNH CHỮA CHÁY KHÍ CO2 MẪY 5KG	BÌNH	10	ISO
11		BÌNH CHỮA CHÁY BỘT MFZ 8kg	BÌNH	10	ISO
12		ỐNG LUỐN DÂY ĐÀN HỒI Ø16 ẨM TRẦN	M	160	ISO
13		ỐNG LUỐN DÂY PVC Ø20 ẨM SÀN	M	250	ISO
14		ỐNG LUỐN DÂY PVC Ø34 TỪ NHÀ BẢO VỆ ĐẾN CÔNG TRÌNH	M	100	ISO
15		BÌNH ĐIỆN KHÔ DỰ PHÒNG 24VDC	CÁI	1	ISO
16		DÂY Cu/CVV/PVC 2 RUỘT 2x1mm ²	M	590	ISO
17		DÂY Cu/CVV/PVC 2 RUỘT 2x1,5mm ² CẤP CHO CHUÔNG + NÚT NHẤN	M	425	ISO
18		DÂY Cu/CVV/PVC 2 RUỘT 1x1,5mm ² CẤP ĐÈN EXIT + SỰ CỐ	M	100	ISO
19		DÂY Cu/CVV/PVC 2 RUỘT 1x2,5mm ² CẤP NGUỒN	M	10	ISO
20		THÙNG CHỮA BÌNH CHỮA CHÁY	M	10	ISO

PHẦN CHỮA CHÁY

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HUNG LONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PROJECT MANAGER): *[Signature]* KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN

CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE): *[Signature]* KTS. PHUQUAN TU

VẼ (DRAWN): *[Signature]* KS. NGUYỄN TRẦN ANH THỊ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER): *[Signature]* KS. HÀ THANH LỤC

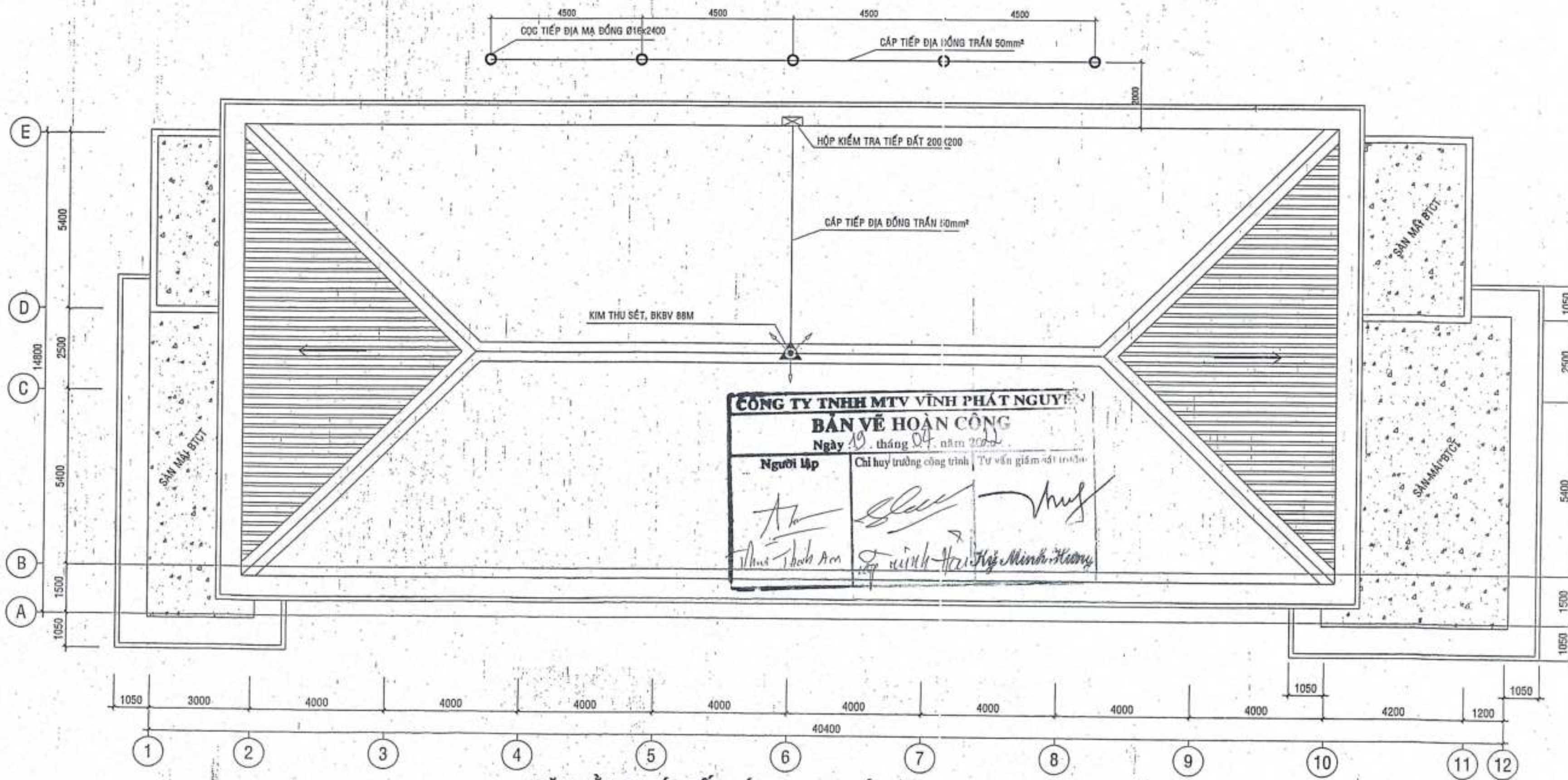
DỰ ÁN / PROJECT: TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THị TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (KHU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: CHI TIẾT LẮP ĐẶT

NGÀY / DATE: 05/2021 SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: PCCC-03 PCCC-11



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: _____

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Người lập: *Thư Anh An*
Chỉ huy trưởng công trình: *Nguyễn Văn Hùng*
Tư vấn giám sát: *Nguyễn Minh Hoàng*

MẶT BẰNG MÁI BỐ TRÍ KIM THU SÉT, TL: 1/100

YÊU CẦU KỸ THUẬT:
TIÊU CHUẨN: NFC 17-102(1995), TCVN 46-2007, TCVN 9385-2012

KIM THU SÉT:
-KIM THU SÉT LÀ THIẾT BỊ TẠO TIA TIÊN ĐẠO, BÀN KÍNH BẢO VỆ CẤP 3 LÀ 88M
-KIM THU SÉT ĐƯỢC LÀM HOÀN TOÀN BẰNG INOX
-KIM ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN BỞI CƠ QUAN THÍ NGHIỆM ĐỘC LẬP
-TRỤ ĐỠ KIM THU SÉT INOX CAO 5M, TRỤ ĐẶT TRÊN MÁI(CAO NHẤT CÔNG TRÌNH)

DÂY DẪN SÉT:
-LÀ 1 DÂY DẪN SÉT CÓ TIẾT DIỆN 50MM²
-MỖI M CÓ KEP GIỮ DÂY THOÁT SÉT
-TỪ HỘP KIỂM TRA XƯƠNG MẶT ĐẤT ĐI TRONG ỐNG PVC D27

BÃI TIẾP ĐỊA:
-DIỆN TRỞ ĐẤT CỦA BÃI TIẾP ĐỊA SAU KHI HOÀN THÀNH PHẢI NHỎ HƠN 100HM,
-NẾU CHƯA ĐẠT PHẢI XỬ LÝ BẰNG CÁCH ĐÓNG THÊM CỌC HOẶC RÃI HÓA CHẤT GIẢM ĐIỆN TRỞ.
-TRƯỚC VÀ SAU MÙA MƯA MỖI NĂM CẦN KIỂM TRA LẠI.

THUYẾT MINH THÍ CÔNG:
ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN TCVN 46-2007 "CHỐNG SÉT CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG"

1. TRÌNH TỰ: LÀM BÃI TIẾP ĐỊA, ĐO TRỊ SỐ < 100HM, NỐI CÁP TỚI TRỤ ĐỠ VÀ DỰNG KIM.
2. CHỈ ĐƯỢC DỰNG TRỤ VÀ LẮP KIM LÚC THỜI TIẾT NẮNG RÁO.
3. DÙNG ĐẤT TỐT, XÓP LÀM BÃI TIẾP ĐỊA, TƯỚI NƯỚC, ĐÁM KỶ
4. HÀNG NĂM ĐO ĐIỆN TRỞ ĐẤT VÀO ĐẦU MÙA MƯA
5. TRỤ ĐỠ KIM PHẢI THẲNG VÀ CHẮC CHẴN.
6. ĐAI ĐỠ CẤP 1M/CÁI
7. CÁC ĐOẠN GẤP KHÚC > 90 ĐỘ

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	KÝ HIỆU	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
01		KIM THU SÉT CHỦ ĐỘNG BÀN KÍNH BẢO VỆ Rp = 88m	BỘ	01	ISO 9001
02		TRỤ THÉP ĐỠ KIM THU SÉT INOX CAO 5M	TRỤ	01	ISO 9001
03		BỘ CHẶN ĐỂ KIM THU SÉT	BỘ	01	ISO 9001
04		KHỚP NỐI KIM THU SÉT	CÁI	01	ISO 9001
05		CÁP LỰA NEO TRỤ ĐỠ KIM THU SÉT 6mm ²	MÉT	32	ISO 9001
06		MỖI HẠN HÓA NHIỆT	MỖI	5	ISO 9001
07		CÁP DẪN SÉT NỐI TIẾP ĐỊA 50mm ²	MÉT	24	ISO 9001
08		CÁP DẪN SÉT 50mm ²	MÉT	32	ISO 9001
09		KEP ĐỠ, TẮT KẾ CỐ ĐỊNH CẤP VÀO MÁI TOL	BỘ	16	ISO 9001
10		CỌC TIẾP ĐỊA BẰNG THÉP MẠ ĐỒNG, Ø16, L = 2400mm	CỌC	5	ISO 9001
11		ỐNG PVC Ø27 BẢO VỆ DÂY DẪN SÉT	MÉT	10	ISO 9001
12		HỘP KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẤT 200x200MM	CÁI	1	ISO 9001

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: _____

CHỈ CHỈ - LEGEND
 TX CƠ SỞ / BASIC DESIGN
 TX BỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG
Số 12/10088/15
Số 12/10088/15
Số 12/10088/15
Số 12/10088/15

XS. HÀ THANH LỤC

CHỦ MIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER)
XS. NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE)
XS. PHẠM THANH TỬ

VẼ (DRAW)
XS. NGUYỄN VĂN ANH THỦ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)
XS. HÀ THANH LỤC

DỰ ÁN / PROJECT
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
THị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (KHU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG BỐ TRÍ KIM THU SÉT

NGÀY / DATE
09/2021

SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
PCCC-04 PCCC-11

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 19 tháng 04 năm 2022

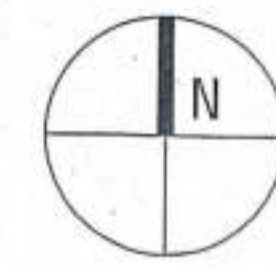
Người lập <i>Thị Thanh An</i>	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Văn Học</i>	Tư vấn giám sát trưởng <i>Nguyễn Minh Hoàng</i>
----------------------------------	--	--

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:



KEY - LEGEND

<input type="checkbox"/>	TK CỐ GỖ / BASE DESIGN
<input checked="" type="checkbox"/>	TK BI THU CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
 HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG

[Logo of Hung Long]

TU VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 HÙNG LONG

NS. HÀ THANH LỤC

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER)	<i>[Signature]</i> K.S. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ THIẾT KẾ (P.S. ARCHITECTURE)	<i>[Signature]</i> K.S. PHẠM THANH TỬ
VỀ (TRAM)	<i>[Signature]</i> K.S. NGUYỄN VĂN ANH THỊ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (GENERAL MANAGER)	<i>[Signature]</i> K.S. HÀ THANH LỤC

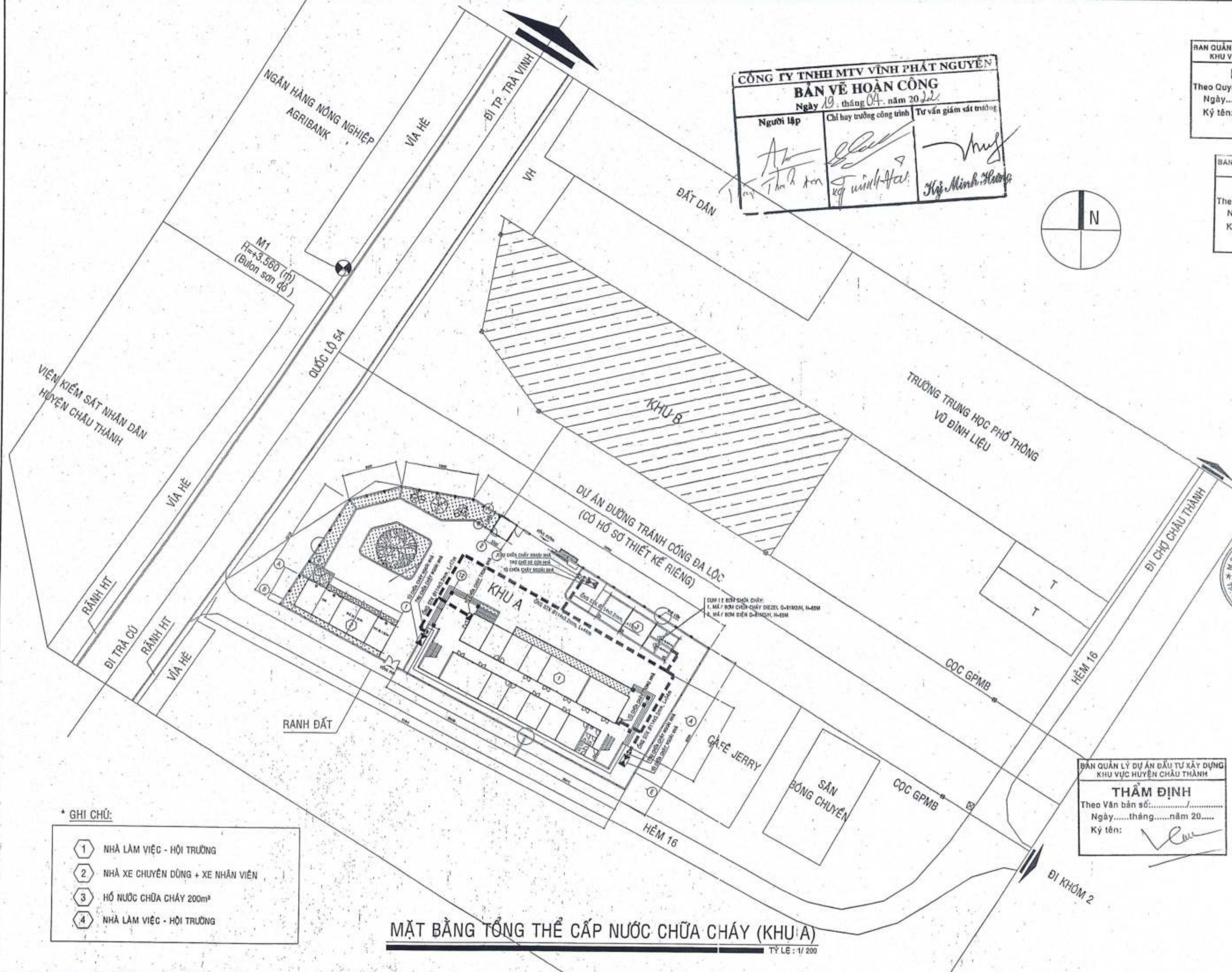
DỰ ÁN / PROJECT
 TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO
 HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
 TH. TRẦN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,
 TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
 HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
 (ĐOU A)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG CẤP MỨC CHỮA CHÁY

NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05/2021	PCCC-05 / PCCC-11

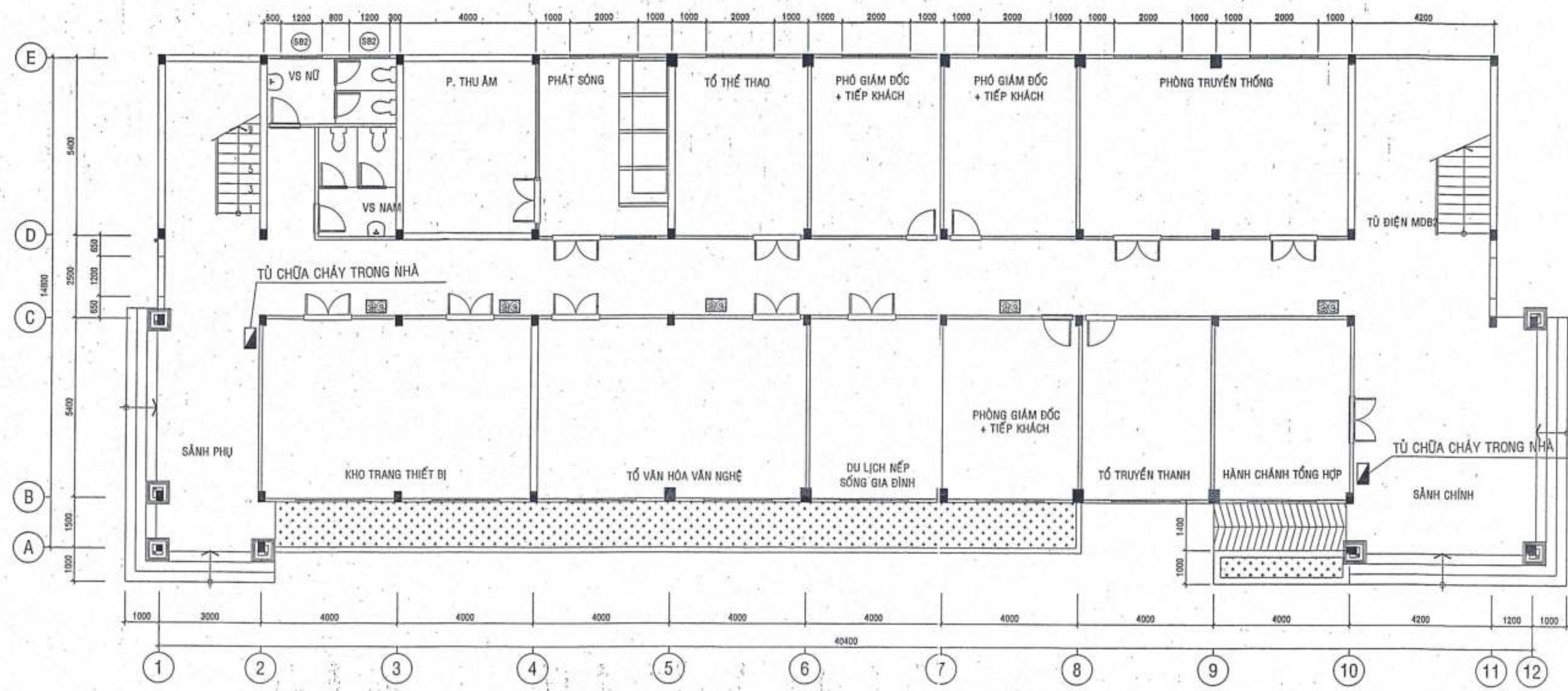


- * GHI CHÚ:
- ① NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG
 - ② NHÀ XE CHUYỂN ĐÓNG + XE NHÂN VIÊN
 - ③ HỒ NƯỚC CHỮA CHÁY 200m³
 - ④ NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY (KHU A)
 TỶ LỆ: 1/ 200

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 19 tháng 04 năm 2024
 Người lập: *Thị Thanh An*
 Chỉ huy trưởng công trình: *Nguyễn Hữu*
 Tư vấn giám sát trưởng: *Nguyễn Minh Hoàng*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*



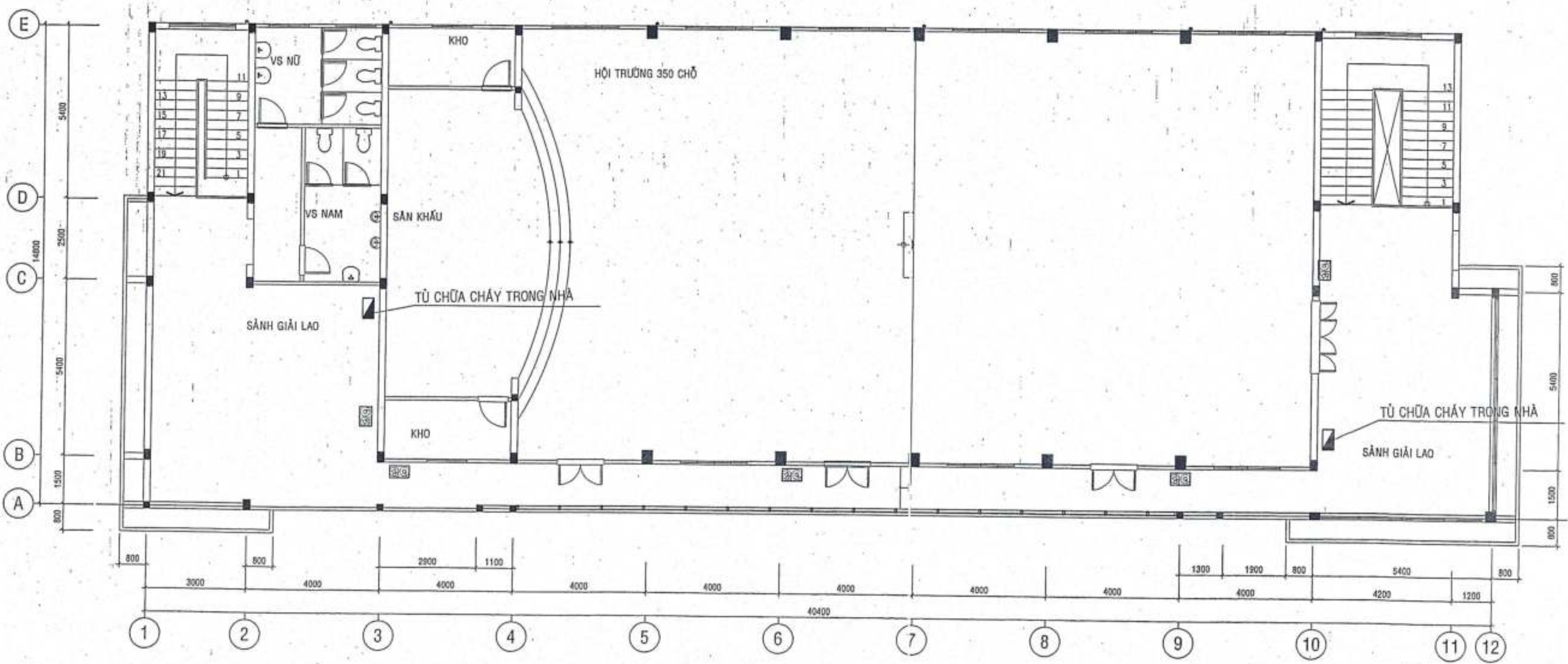
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ LÀM VIỆC TẦNG TRỆT, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*

BỊ CHỮ - LEGEND <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TK BV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/IENT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG 	
M.S.D.N: 210361557 CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ - XÂY DỰNG HÙNG LONG 11/10 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam Điện thoại: 028 3867729	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER) KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE) KTS. PHẠM THẠNH TỬ
VẼ (DRAW) KTS. NGUYỄN TRẦN ANH THỊ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER) KTS. HÀ THANH LỰC
DỰ ÁN / PROJECT TRUNG TÂM VẬN HÒA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (ĐHM A)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ LÀM VIỆC - MỘT TẦNG TRỆT	
NGÀY / DATE 09/2024	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO PCCC-07 PCCC-11

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 19 tháng 04 năm 2022.
 Người lập: *Ah*
 Chỉ huy trưởng công trình: *Ngô Văn Hải*
 Tư vấn giám sát trưởng: *Nguyễn Minh Hoàng*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số:
 Ngày: tháng năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ LÀM VIỆC TẦNG LẦU, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:
 Ngày: tháng năm 20.....
 Ký tên: *[Signature]*

BH CHỮ - LEGEND	
<input type="checkbox"/>	TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
<input checked="" type="checkbox"/>	TK BV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HƯNG LONG	
M.S.D.N: 10036155 ĐƠN VỊ: 01/001/2019/ĐKT SỐ QUẢN LÝ: 01/001/2019/ĐKT SỐ QUẢN LÝ: 01/001/2019/ĐKT TỰ VẤN THIẾT KẾ - XÂY DỰNG HƯNG LONG KH. HÀ THÀNH LỰC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PM MANAGER)	<i>[Signature]</i> KS. NGUYỄN HỒNG TIẾN
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE)	<i>[Signature]</i> KS. PHẠM THẮNG SƠN
VẼ (DRAW)	<i>[Signature]</i> KS. NGUYỄN VĂN ANH TH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	<i>[Signature]</i> KS. HÀ THÀNH LỰC
DỰ ÁN / PROJECT	
TRUNG TÂM VĂN HOÁ - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:	
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES:	
HỆ THỐNG PHÒNG CHỮA CHỮA CHÁY (KHU A)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ LÀM VIỆC - HỘI TRƯỞNG TẦNG LẦU	
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05/2021	PCCC-08 PCCC-11

ĐI TP. TRÀ VINH

QL 54

ĐI TRÀ CÚ

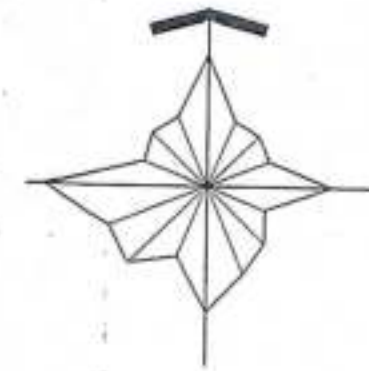
VIA HÈ

DỰ ÁN ĐƯỜNG CHÁNH CỐNG ĐA LỘC
(CÓ HỒ SƠ THIẾT KẾ RIÊNG)

TRƯỜNG THCS VŨ ĐÌNH LIÊU

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THAM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỈ CHỮ - LEGEND <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TK BIÊN CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG 	
CHỨC VỤ / POSITION K.S. HÀ THANH LỘC	
CHỦ NHẬN DỰ ÁN (JOB MANAGER)	 KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE)	 KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN KTS. NGUYỄN THẾ HUY
VẼ (DRAW)	 KTS. NGUYỄN TỬ MINH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	 K.S. TRẦN HOÀNG ỚT
DỰ ÁN / PROJECT TRẠNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: NHÀ TẬP BƠI + NHÀ BAO CHE + KHU PHỤC VỤ (KHU B)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ	
NGÀY / DATE 09/2021	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO KT-01

DỰ ÁN SX TM NGUYỄN TRÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập Ngày: 19 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI LẬP:
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH:
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG:

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN

THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm.....

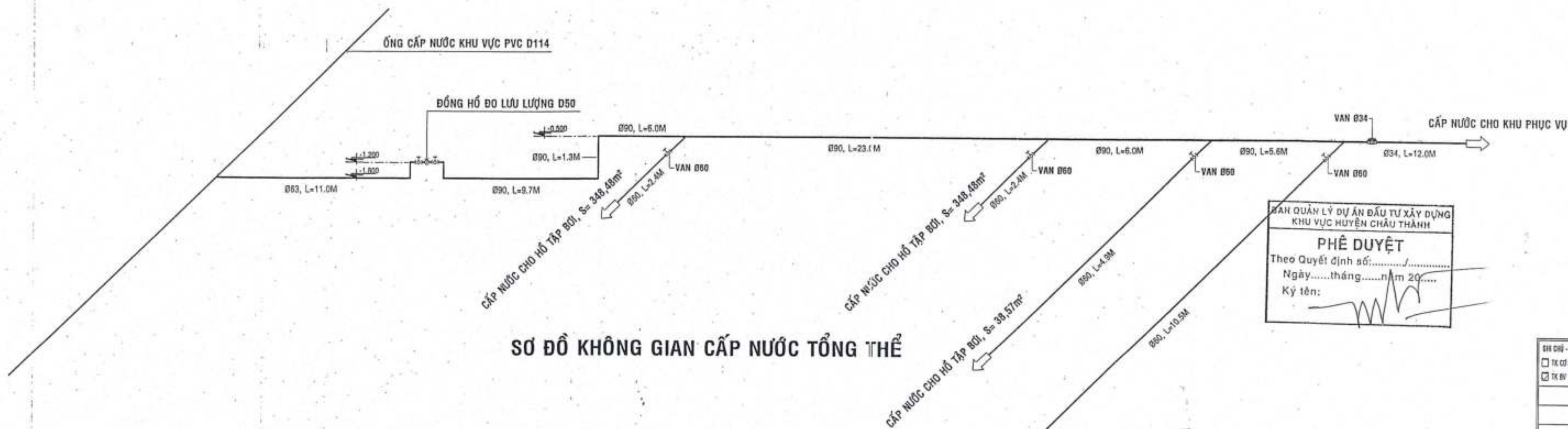
- * CHÚ THÍCH:
- 1. HỒ TẬP BƠI + NHÀ BAO CHE + KHU PHỤC VỤ, S= 1073,77m²
 - 2. HÀNG RÀO + CỔNG
 - 3. SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO
 - 4. ĐƯỜNG VÀO BÊ TÔNG ĐÁ 10*20
 - 5. VÍA HÈ
 - 6. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
- * TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: S= 1787m²

KHU A

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ, TL: 1/200

ỐNG CẤP NƯỚC KHU VỰC PVC D114

ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG D50



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ

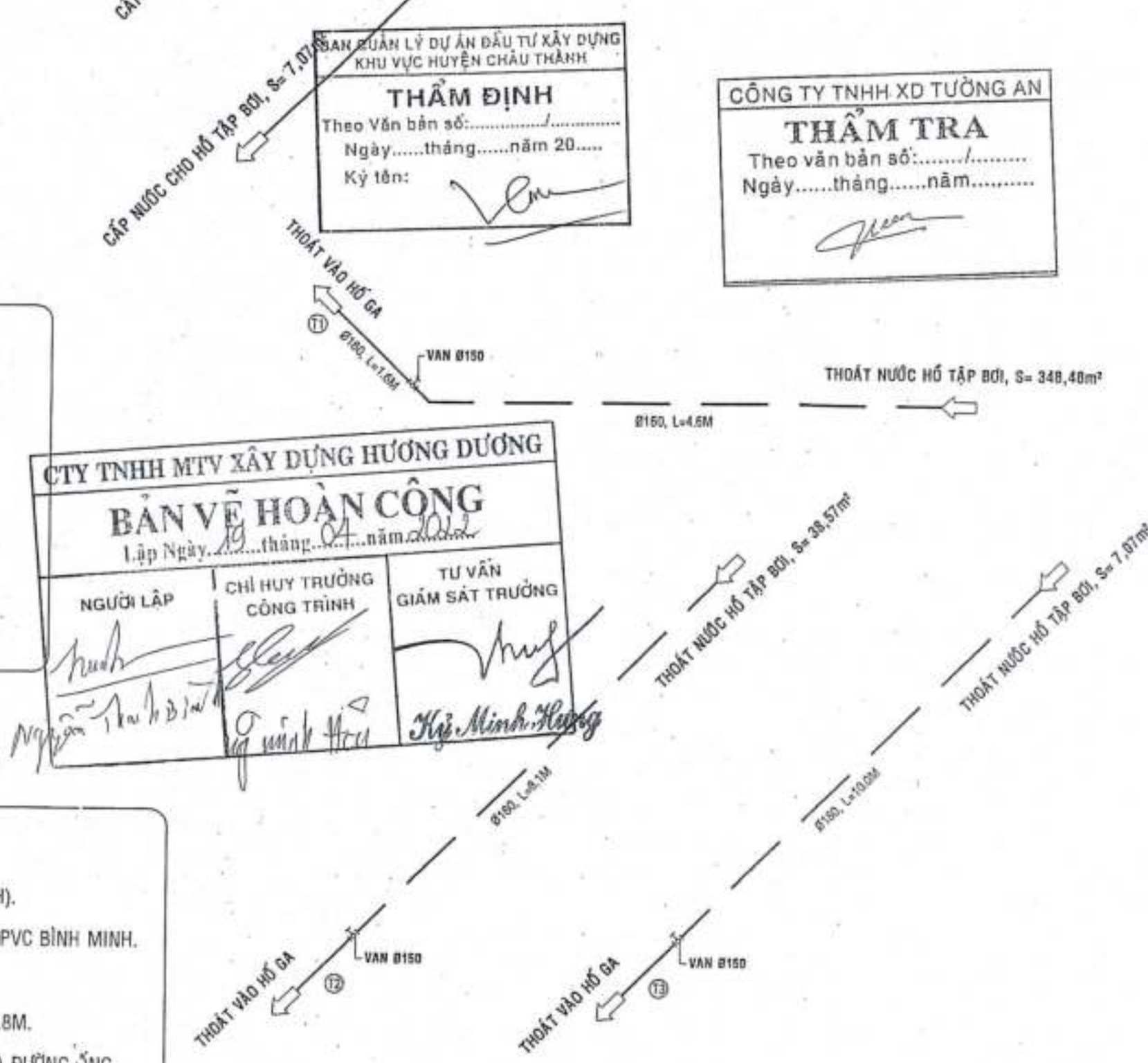
SỐ TT	TÊN GỌI VÀ QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG NHỰA HDPE Ø63x3.8mm	MÉT	11.0
2	ỐNG NHỰA uPVC Ø160x7.7mm	MÉT	25.0
3	ỐNG NHỰA uPVC Ø90x5.0mm	MÉT	52.0
4	ỐNG NHỰA uPVC Ø60x2.8mm	MÉT	22.0
5	ỐNG NHỰA uPVC Ø34x2.0mm	MÉT	12.0
6	VAN 2 CHIỀU GANG TỶ CHÌM Ø150	CÁI	3
7	VAN 2 CHIỀU GANG TỶ CHÌM Ø60	CÁI	6
8	VAN 2 CHIỀU THAU Ø34	CÁI	1
9	CƠ NHỰA uPVC 135° Ø160	CÁI	1
10	CƠ NHỰA uPVC 90° Ø90	CÁI	2
11	CƠ NHỰA uPVC 90° Ø60	CÁI	4
12	KHẤU NHỰA uPVC RĂNG TRONG Ø60	CÁI	1
13	TÊ NHỰA uPVC 90° Ø90/60	CÁI	4
14	KHẤU RĂNG NGOÀI NHỰA HDPE Ø63	CÁI	1
15	TRỤM NHỰA uPVC Ø90/60	CÁI	1
16	TRỤM NHỰA uPVC Ø90/34	CÁI	1
17	MẶT BÍCH NHỰA uPVC Ø160	CÁI	6
18	MẶT BÍCH NHỰA uPVC Ø60	CÁI	12
19	ĐAI KHỐI THỦY PVC D114/60	CÁI	1
20	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG D50	BỘ	1
21	CHỤP VAN GANG D150	BỘ	7
22	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC	BỘ	1

KÝ HIỆU:

- 1 - ——— ĐƯỜNG ống CẤP NƯỚC.
- 2 - - - - - ĐƯỜNG ống XỬ LÝ NƯỚC.
- 3 - - - - - ĐƯỜNG ống THOÁT NƯỚC.
- 4 - ⇨ HƯỚNG CẤP, THOÁT NƯỚC
- 5 - [Symbol] VAN 2 CHIỀU THAU
- 6 - [Symbol] VAN 2 CHIỀU GANG TỶ CHÌM

GHI CHÚ:

- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ: TCVN.
- NGUỒN NƯỚC CẤP LẤY TỪ ĐƯỜNG ống KHU VỰC (TẠM TÍNH).
- TOÀN BỘ SỬ DỤNG ống NHỰA TƯƠNG ĐƯƠNG ống NHỰA uPVC BÌNH MINH.
- CỐT ±0.00 LẤY BẰNG MẶT NỀN CÔNG TRÌNH.
- ống CẤP NƯỚC ĐI ẨM MẶT SÀN HOÀN THIỆN TỪ 0.3M - 0.8M.
- SAU KHI THI CÔNG XONG PHẢI KIỂM TRA ĐỘ KHÍT KÍN CỦA ĐƯỜNG ống.



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC HỒ BƠI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: [Signature]

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: [Signature]

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....
[Signature]

CTY TNHH MTV XÂY DỰNG HƯƠNG DƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập Ngày: 29 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP [Signature]	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH [Signature]	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG [Signature]
--------------------------	--	---------------------------------------

LEGEND
 TK CƠ BỐ / BASIC DESIGN
 TK BN THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT
BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG
 HUNG LONG
 210030
 [Seal]
 KS. HÀ THANH LỰC

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PM/MANAGER): [Signature] KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
 CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE): [Signature] KS. LÊ QUỐC DUY
 THỂ HIỆN (DRAW): [Signature] KS. LÊ VĂN TÙNG
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER): [Signature] KS. HÀ THANH LỰC

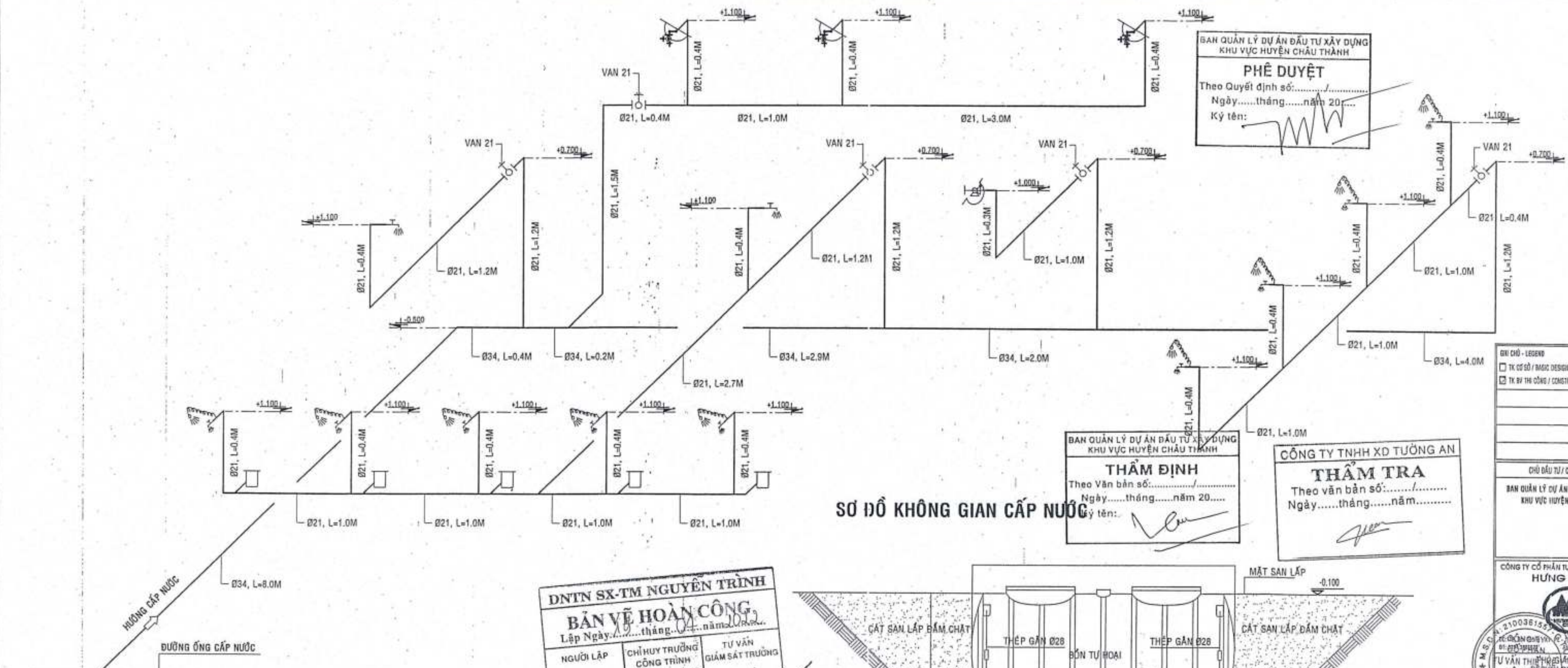
DỰ ÁN / PROJECT
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
THị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
CẤP NƯỚC TỔNG THỂ (KHU B)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN CẤP THOÁT NƯỚC BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ
GHI CHÚ - KÝ HIỆU

NGÀY / DATE: 05/2021 SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: N-02 N-02



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: _____

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: _____

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN

THẨM TRA

Theo văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm.....

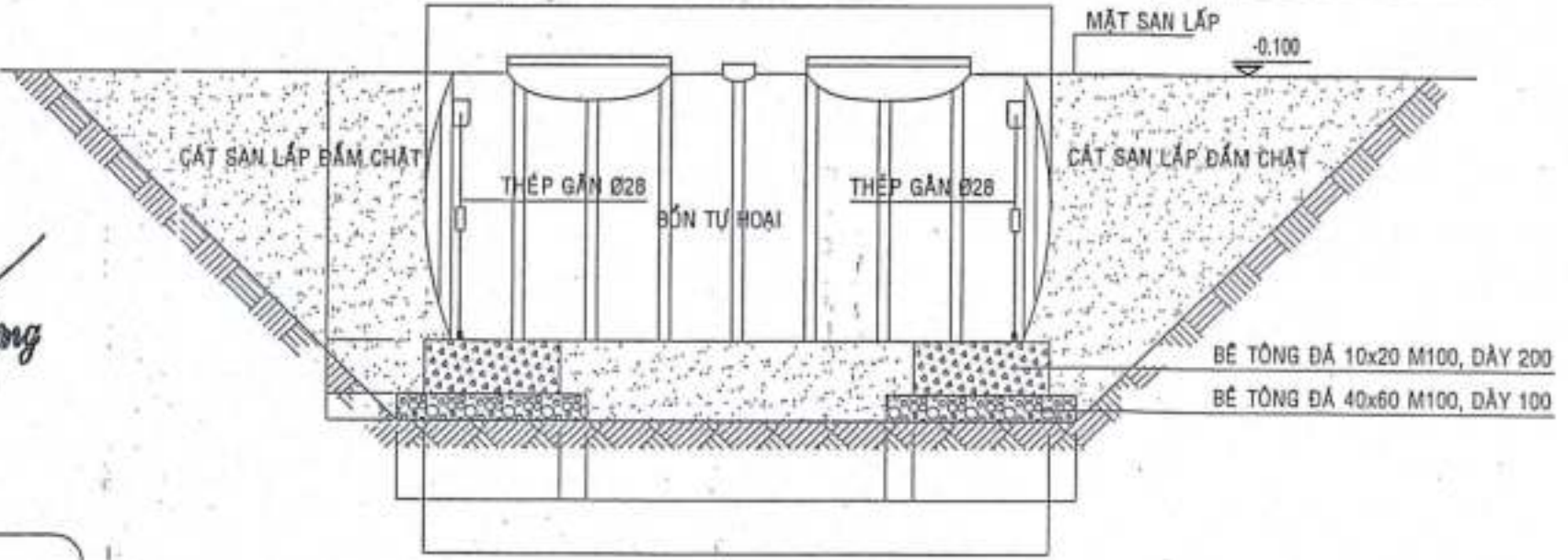
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN CẤP NƯỚC

DNTN SX-TM NGUYỄN TRÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

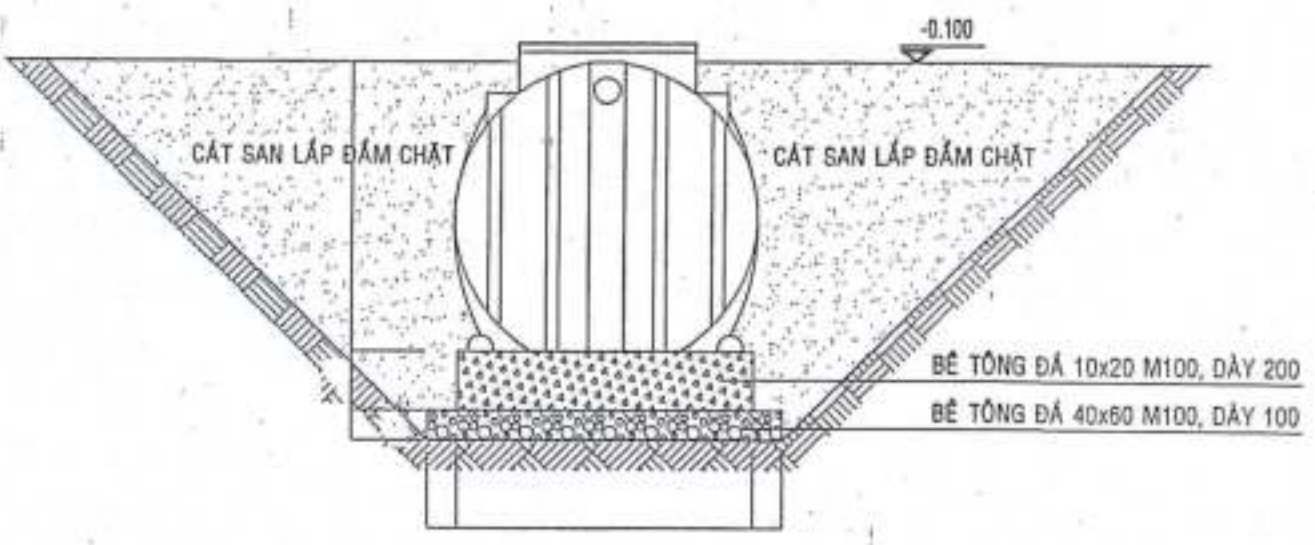
Lập Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>



CHI TIẾT BỒN TỰ HOẠI NHỰA SEPTIC - 01CK

TỶ LỆ: 1/25



MẶT BÊN BỒN TỰ HOẠI

TỶ LỆ: 1/25

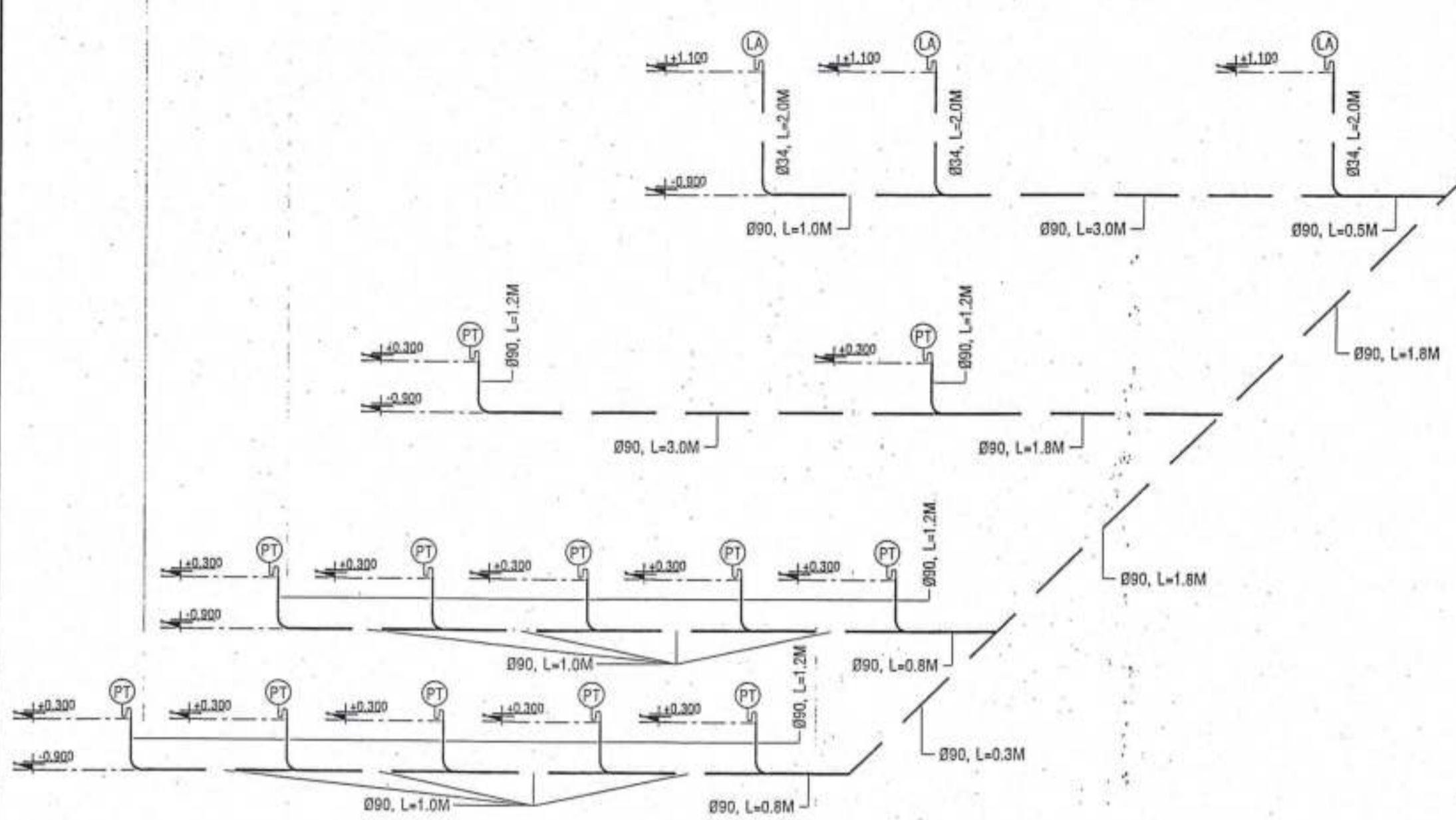
KÝ HIỆU:

1. ——— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC.
2. - - - ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT ĐỐC 3%.
3. - - - ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC CHO XÍ ĐỐC 3%.
4. ⇨ HƯỚNG CẤP, THOÁT NƯỚC
5. [Symbol] VAN 2 CHIẾU THAU
6. [Symbol] KẾT XÍ BÊT (X)
7. [Symbol] CHẬU RỬA (CR)
8. [Symbol] VỒI RỬA
9. [Symbol] VỒI TẮM SEN
9. [Symbol] CHẬU TIỂU TREO TƯỜNG

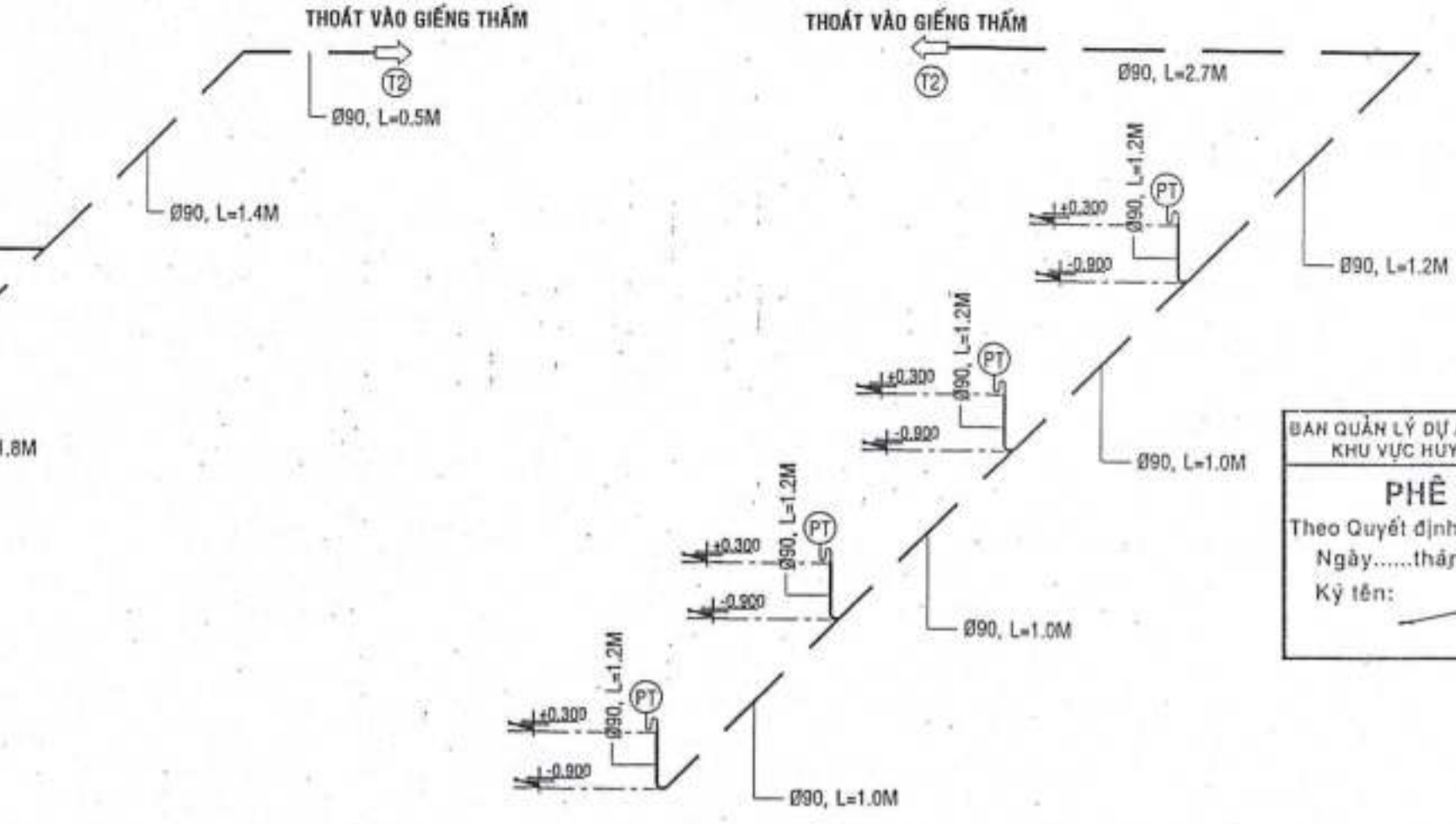
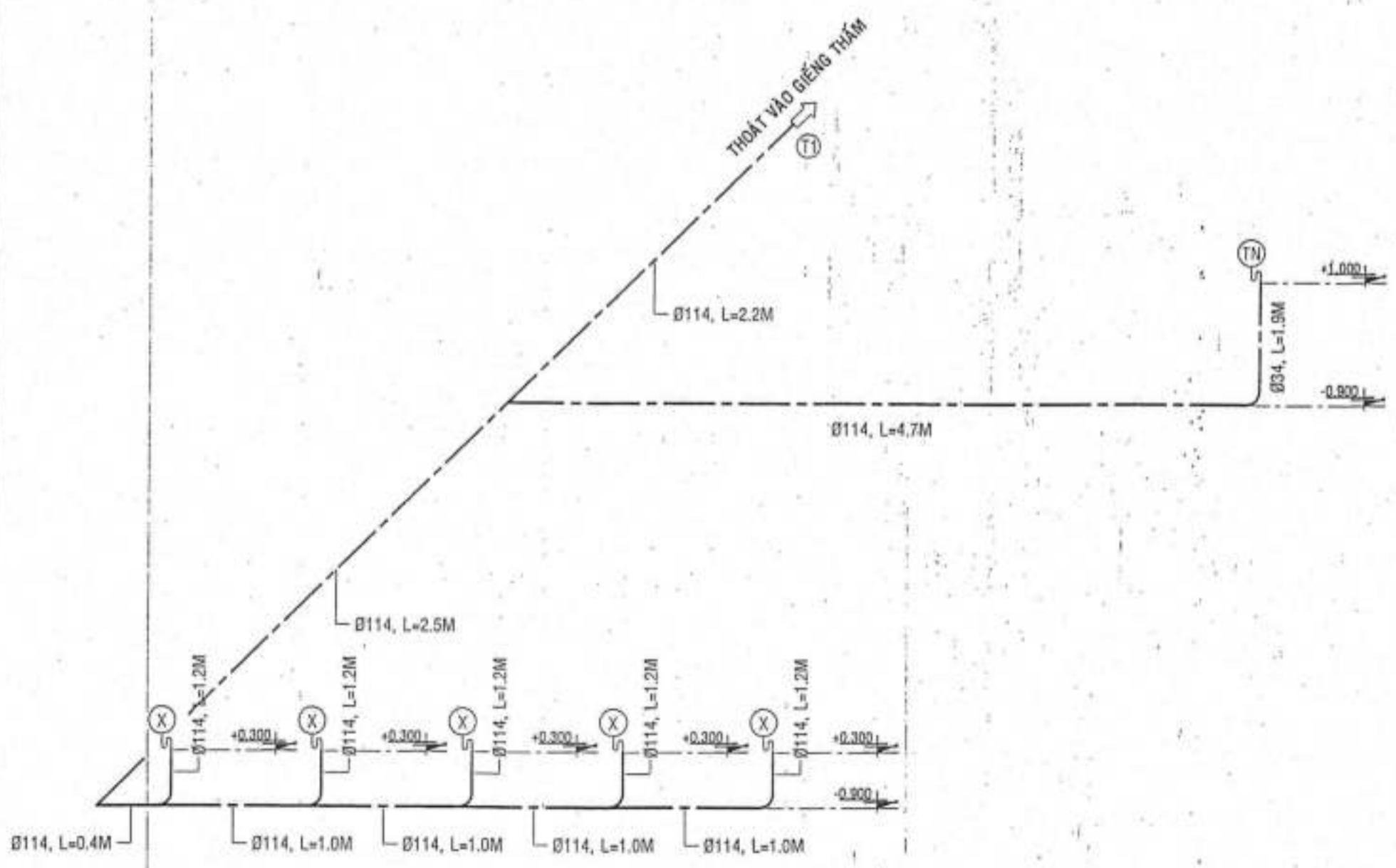
GHI CHÚ:

- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ: TCVN
- NGUỒN NƯỚC CẤP TỪ ỐNG CẤP NƯỚC THÀNH PHỐ.
- TOÀN BỘ SỬ DỤNG ỐNG TƯỜNG ĐƯỜNG ỐNG NHỰA UPVC BÌNH MINH.
- CỐT ±0.00 LẤY BẰNG MẶT NÉN CÔNG TRÌNH.
- ỐNG CẤP - THOÁT CHO KHU VỆ SINH ĐI ẨM NÉN, TƯỜNG.
- THOÁT NƯỚC XÍ VÀO BỂ TỰ HOẠI.
- NƯỚC SINH HOẠT THOÁT VÀO GIẾNG THẨM.
- SAU KHI THI CÔNG XONG PHẢI KIỂM TRA ĐỘ KHÍT KÍN CỦA ĐƯỜNG ỐNG.
- THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRONG CÔNG TRÌNH PHẢI ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO.
- THIẾT BỊ VỆ SINH TRONG CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG LOẠI TƯỜNG ĐƯỜNG THIẾT BỊ CAESAR.

BÊN CHỖ - LEGEND <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TK BY TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HÙNG LONG	
KS. HÀ THANH LỘC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PM MANAGER)	KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P/S ARCHITECTURE)	KTS. LÊ VĂN BÌNH
THẺ HẸN (DRAW)	KS. HÀ THANH LỘC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	KS. HÀ THANH LỘC
DỰ ÁN / PROJECT TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: HỒ TẬP MÔI + NHÀ BẢO CHIẾ + KHU PHỤC VỤ (KHU B)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN CẤP NƯỚC GHI CHÚ - KÝ HIỆU CHI TIẾT BỒN TỰ HOẠI	
NGÀY / DATE 05-2021	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO N-02 N-03



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

DNTN SX-TM NGUYỄN TRÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

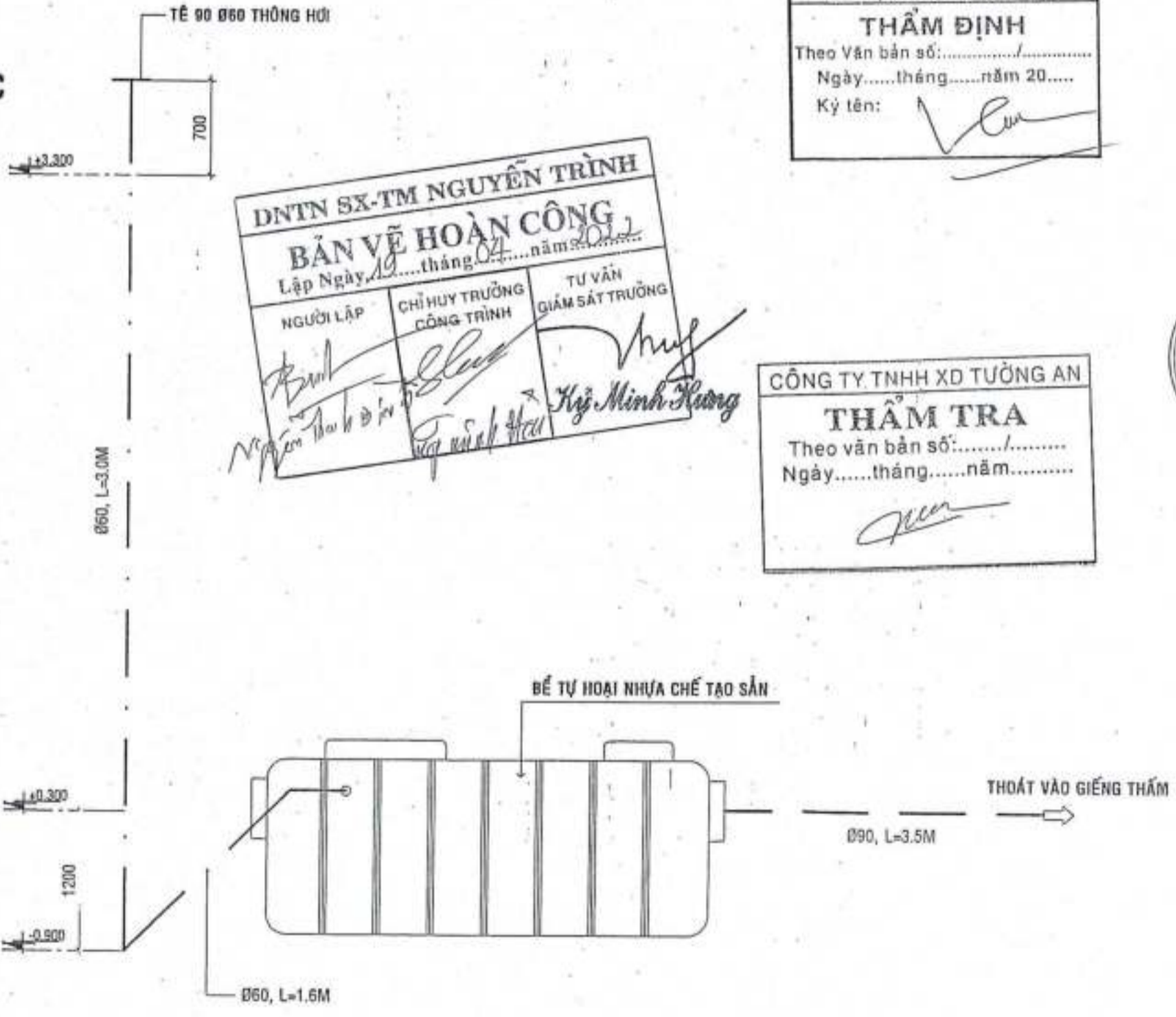
Lập Ngày: 19 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....
[Signature]



CHI TIẾT ỨNG THÔNG HƠI

ĐƠN CHỈ - LEGEND	
<input type="checkbox"/>	TX CƠ SỞ / BASIC DESIGN
<input checked="" type="checkbox"/>	TX BẰNG THỰC / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CUSTOMER	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HƯNG LONG	
M.S. SỐ: 21005819 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ - XÂY DỰNG HƯNG LONG SỐ 10/10 Đ. NGUYỄN VĂN HỮU, P. THẠNH AN, Q. THẠNH AN, TP. HỒ CHÍ MINH	
KS. HÀ THANH LỰC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PMO MANAGER)	<i>[Signature]</i>
CHỦ THI - THIẾT KẾ (P/S ARCHITECTURE)	<i>[Signature]</i>
THẺ HẸN (DRAW)	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	<i>[Signature]</i>
KS. HÀ THANH LỰC	
DỰ ÁN / PROJECT	
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:	
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES:	
KỶ TẬP ĐỜI • NHÀ BAO CHIE • KHU PHỤC VỤ (KHU B)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC CHI TIẾT ỨNG THÔNG HƠI	
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05-2021	N-03 N-03

TRƯỜNG THCS VŨ ĐÌNH LIÊU

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

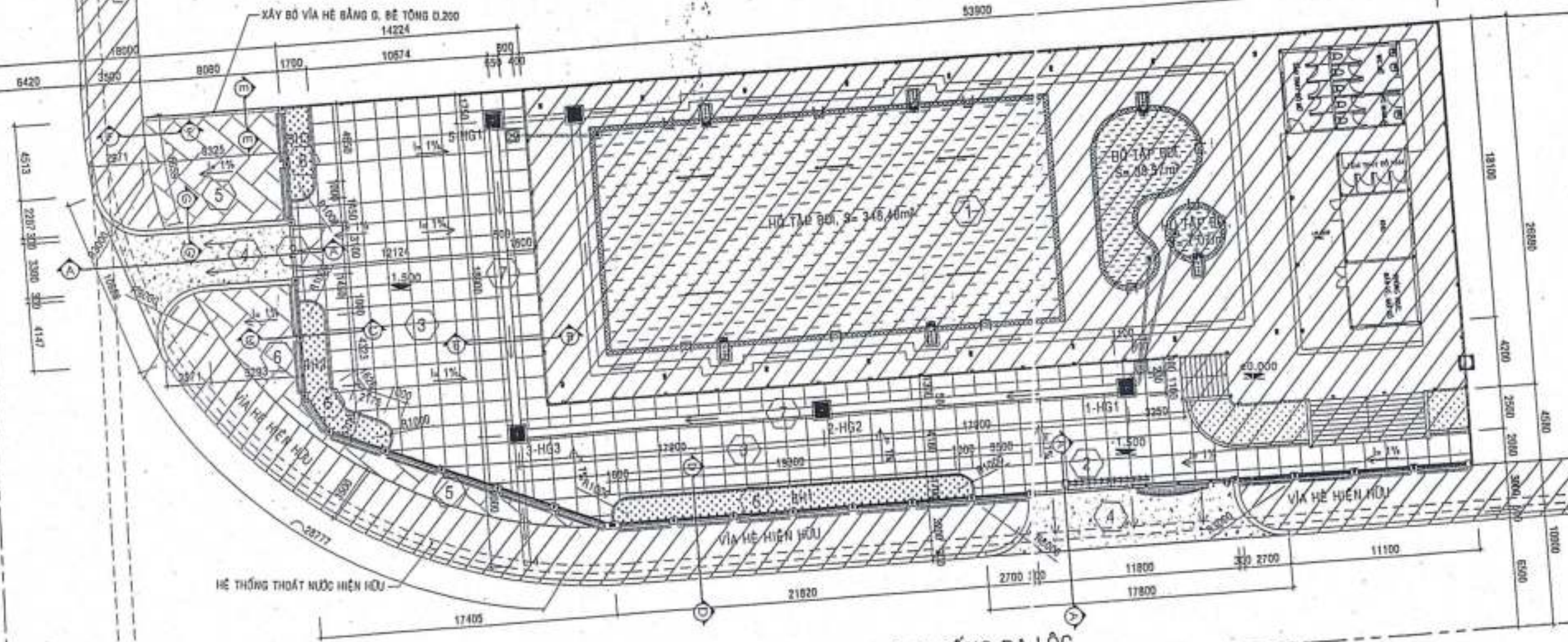
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

ĐI TP. TRÀ VINH

QL 54

ĐI TRÀ CÚ



DỰ ÁN ĐƯỜNG CHÁNH CỐNG ĐA LỘC
(CÓ HỒ SƠ THIẾT KẾ RIÊNG)

*** CHÚ THÍCH:**

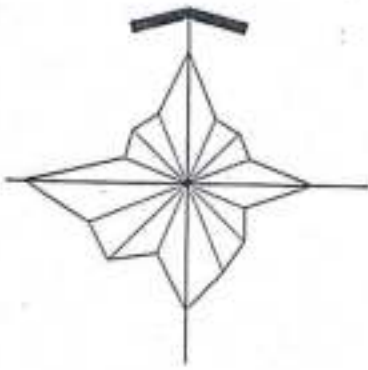
- 1 HỒ TẬP BƠI + NHÀ BAO CHE + KHU PHỤC VỤ, S= 1073,77m²
- 2 HÀNG RÀO + CỐNG
- 3 SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO, S= 531,93m²
- 4 ĐƯỜNG VÀO BÊ TÔNG ĐÁ 10*20, S= 80,62m²
- 5 VỈA HÈ LÀM MỚI, S= 96,12m²
- 6 BỐN HOA BH1, BH2, S= BH1 + BH2 +BH3 = 31,2m² + 15,97m² + 8,19m² = 55,36m²
- 7 HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, ZL= 62,7m

* TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: S= 1787m²

KHU A

DNVN SX-TM NGUYỄN TRINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập Ngày: 19 tháng 04 năm 2024
NGƯỜI LẬP: *[Signature]*
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *[Signature]*
TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH XD TƯỜNG AN
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....



CHI CHỮ - LEGEND
 YẾU CỐ / BASIC DESIGN
 TX BẰNG THỰC / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/OWNER
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD
HÙNG LONG



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PHO MANAGER)
KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN

CHỦ TÔI - THIẾT KẾ (PHO ARCHITECTURE)
KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN
KTS. HUỖNH THẾ HUY

YẾ (PHO)
KS. NGUYỄN TU MINH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)
KS. TRẦN HOÀNG ỨT

DỰ ÁN / PROJECT
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:
VỈA HÈ, SÀN ĐƯỜNG LÁT GẠCH, HTTN (KHU B)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG SÂN ĐƯỜNG + HTTN, KHU C

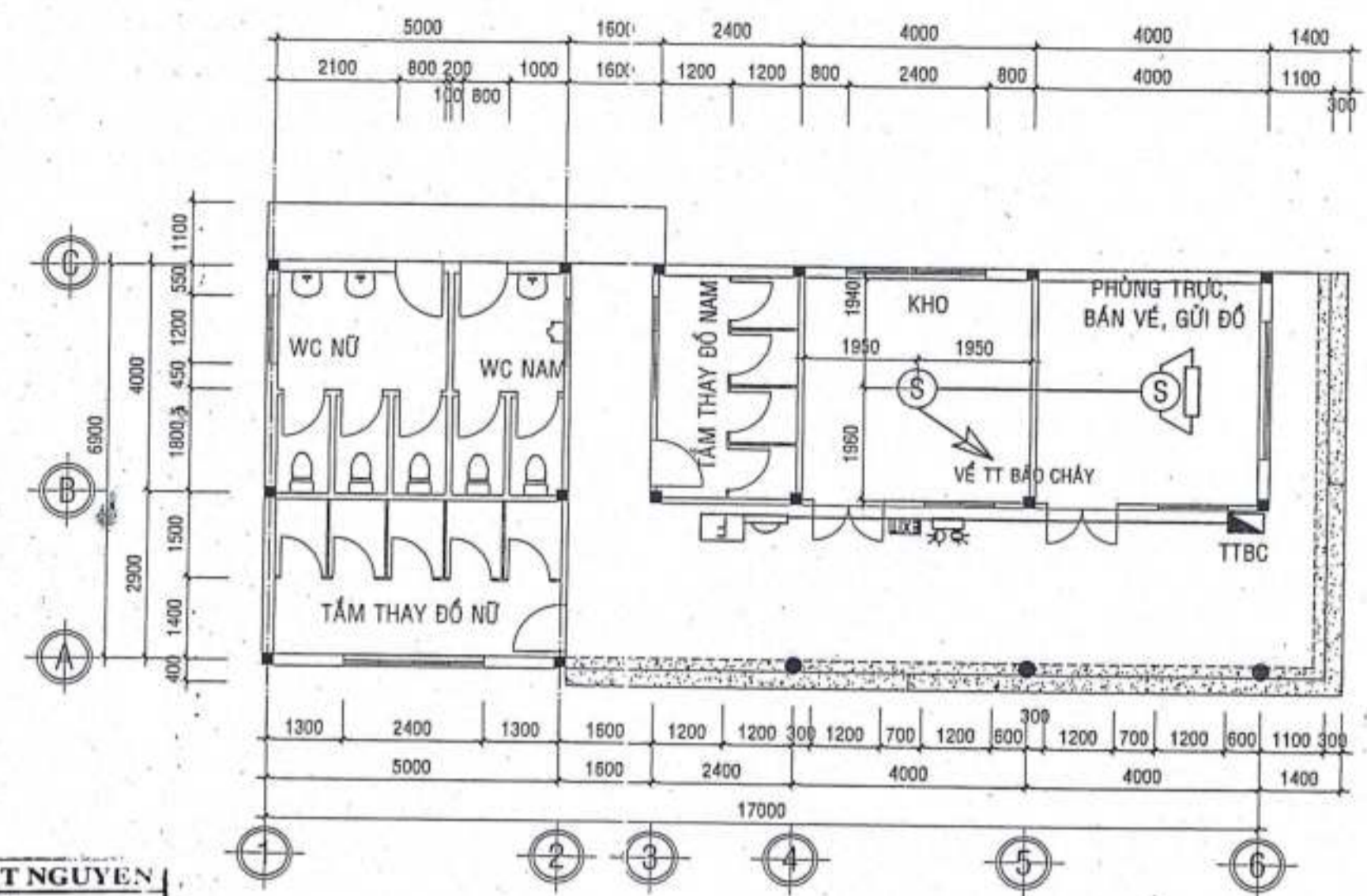
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
15/02/21	KT-01 KT-03

MẶT BẰNG SÂN ĐƯỜNG + HTTN, TL: 1/200

ĐƠN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*



MẶT BẰNG BÁO CHÁY, TL:1/100

ĐƠN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH

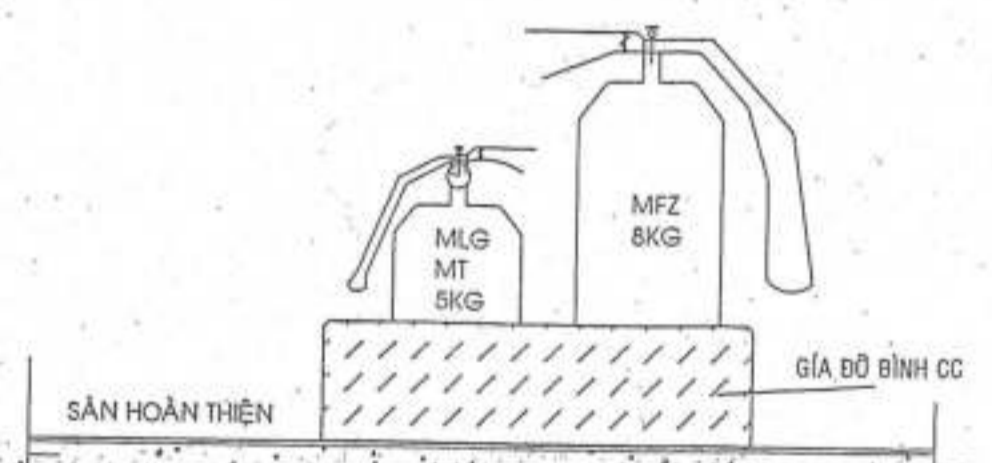
Theo Văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYÊN

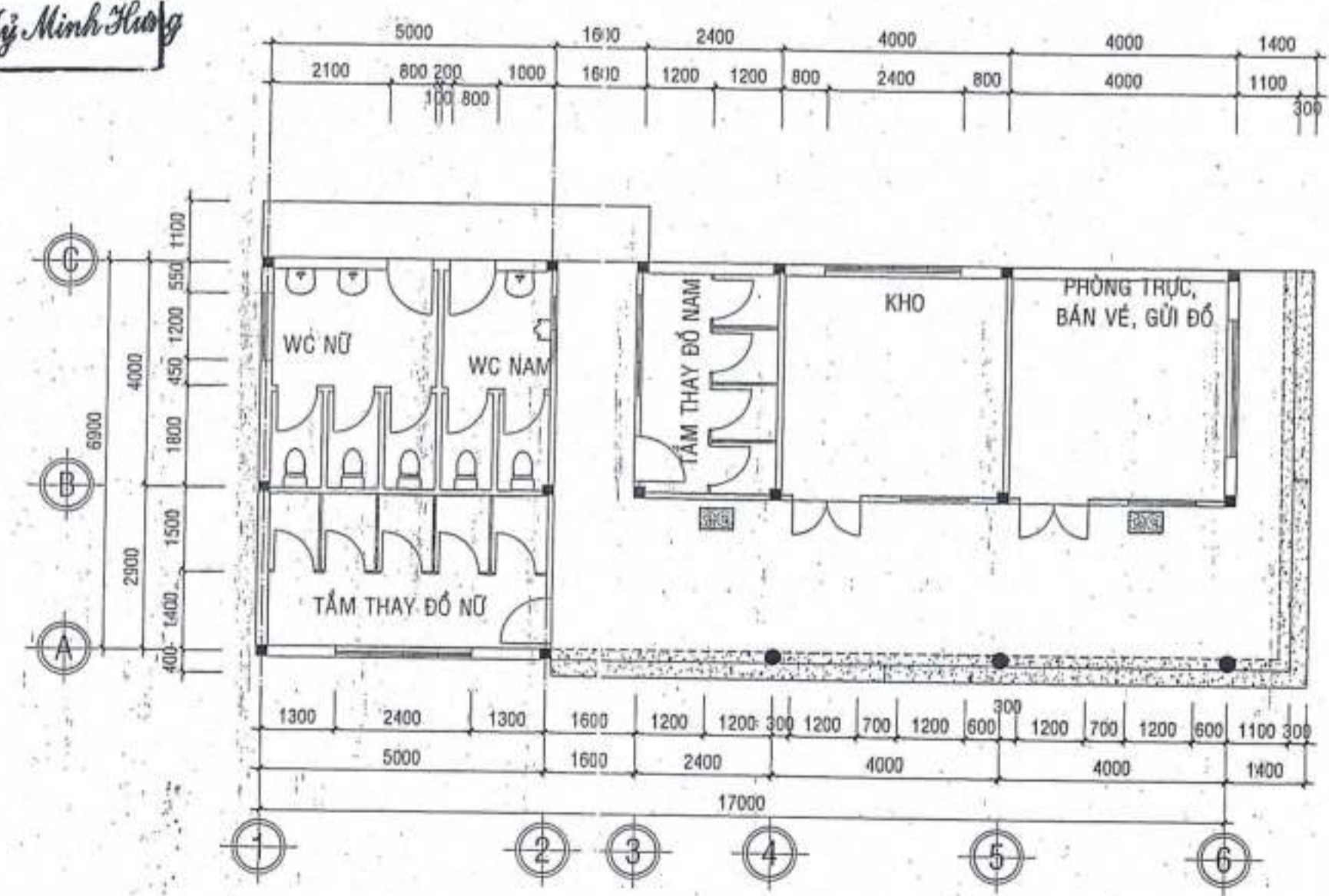
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Phan Thành Tâm	Nguyễn Minh Hải	Nguyễn Minh Hoàng



CHI TIẾT LẮP ĐẶT BÌNH CHỮA CHÁY



MẶT BẰNG ĐỐI TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY, TL:1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HUNG LONG

2100861557
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HUNG LONG
VĂN THIẾT KẾ KINH ĐỨC
XÂY DỰNG HUNG LONG
VINH - T. TR

KS. HÀ THANH LỰC

ĐƠN NHẬN DỰ ÁN (PRO MANAGER): KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN

CHỦ NÓI - THIẾT KẾ (P.A. ARCHITECTURE): K.S. PHẠM THỊNH TÙNG

VẼ (DRAW): K.S. NGUYỄN VĂN ANH THỊ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER): K.S. HÀ THANH LỰC

DỰ ÁN / PROJECT: TRUNG TÂM VĂN HOÁ - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CA / CATEGORIES: PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TOÀN KHU (KHU B)

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: MẶT BẰNG ĐỐI TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY + BÌNH CHỮA CHÁY

NGÀY / DATE: 05/2022	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: PCCC-01	PCCC-05
----------------------	---------------------------------	---------

ĐI TP. TRÀ VINH

QL 54

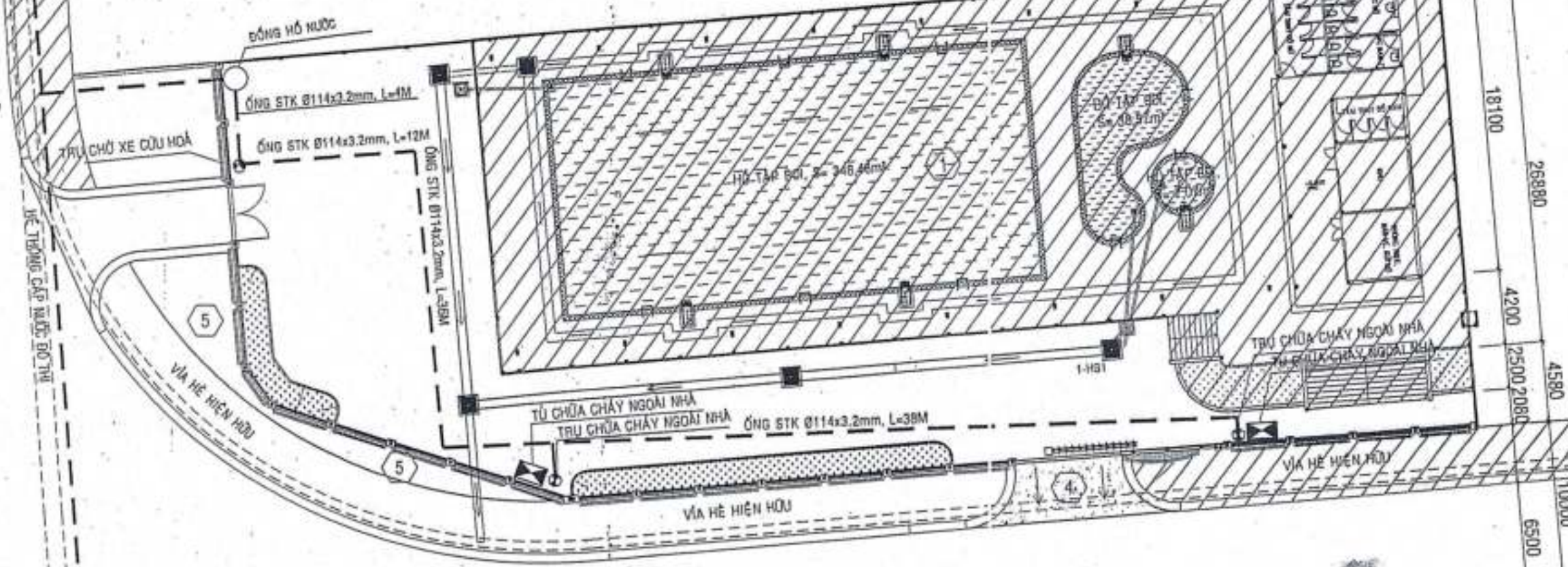
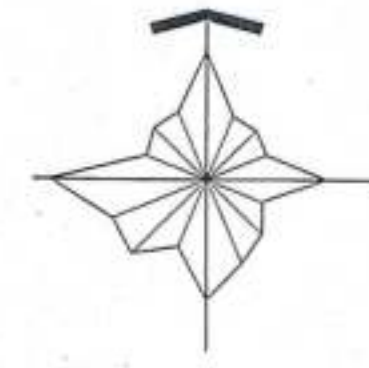
ĐI TRÀ CÚ

TRƯỜNG THCS VŨ ĐÌNH LIÊU

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*



DỰ ÁN ĐƯỜNG CHÁNH CỐNG ĐA LỘC
(CÓ HỒ SƠ THIẾT KẾ RIÊNG)

*** CHÚ THÍCH:**

- 1 HỒ TẬP BƠI + NHÀ BAO CHE + KHU PHỤC VỤ, S= 1073,77m²
- 2 HẰNG RÀO + CỐNG
- 3 SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO
- 4 ĐƯỜNG VÀO BÊ TÔNG ĐÁ 10*20
- 5 VÍA HỆ HIỆN HỮU
- 6 HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

* TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: S= 1787m²

KHU A

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH MTV VINH PHÁT NGUYỄN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

KH CHỈ - LEGEND	
<input type="checkbox"/>	TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
<input checked="" type="checkbox"/>	TK BI TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HƯNG LONG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER)	KTS. NGUYỄN HỒNG TUẤN
CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE)	KS. PHẠM THẠNH DŨ
VẼ (DRAW)	KS. NGUYỄN VĂN ANH THỊ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	KS. HÀ THANH LỘC
DỰ ÁN / PROJECT	
TRUNG TÂM VÀU HỒI - THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:	
THị trấn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh	
HẠNG MỤC / CATEGORIES:	
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TOÀN KHU (KHU B)	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY	
NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05/2021	PCCC-03 PCCC-05

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY, TL: 1/200

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:
Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 111/TTr-PKTHT ngày 18/11/2020 (Kèm theo Báo cáo số 33/BC-BQL ngày 18/11/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo quy mô, điều kiện của trung tâm phục vụ hoạt động văn hoá thể thao cấp huyện; đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

4. Quy mô đầu tư:

*** Khu A:**

- Hạng mục: Vía hè diện tích $831,21m^2$.
- Hạng mục: Nhà làm việc + hội trường diện tích $1.136,00m^2$ (02 tầng).
- Trang thiết bị.
- Hạng mục: Nhà xe chuyên dùng + nhà xe 02 bánh diện tích $97,20m^2$.
- Hạng mục: Sân đường lát gạch diện tích $1.250,00m^2$.
- Hạng mục: PCCC toàn khu diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Chiếu sáng diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Hệ thống thoát nước: tổng chiều dài $168,00m$.
- Hạng mục: Hệ thống cấp nước tổng thể diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Hàng rào, cổng: tổng chiều dài: $197,00m$.
- Hạng mục: Trạm hạ thế $3 \times 50KVA$: 01 trạm.
- Hạng mục: San lấp mặt bằng: tổng khối lượng: $2.239,52m^3$.

*** Khu B:**

- Hạng mục: Vía hè: tổng diện tích: $457,57m^3$.
- Hạng mục: Sân đường lát gạch: tổng diện tích: $699,68m^2$.
- Hạng mục: PCCC toàn khu diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Chiếu sáng diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Hệ thống thoát nước: tổng chiều dài $76,55,00m$.
- Hạng mục: Hồ tập bơi + nhà bao che + khu phục vụ: tổng diện tích: $1.073,77m^2$ (01 tầng).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long.

6. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Huỳnh Công Phong.

7. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Tổng diện tích sử dụng đất khu A: $2.224,7m^2$.
- Tổng diện tích sử dụng đất khu B: $1.787m^2$.

9. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng: Giải pháp thiết kế cơ sở thực hiện theo Kết quả thẩm định tại Công văn số 256/PKTHT-TĐ ngày 18/11/2020 của Trường Phòng Kinh tế và Hạ tầng và hồ sơ dự án.

12. Phương án GPMB, tái định cư: Không có.

13. Tổng mức đầu tư: 32.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng).

* Trong đó:

- Chi phí xây dựng	24.703.113.000	đồng
- Chi phí thiết bị	2.500.000.000	đồng
- Chi phí QLDA	517.883.572	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.216.822.837	đồng
- Chi phí khác	423.938.703	đồng
- Chi phí đi dờn Ảng ten	150.000.000	đồng
- Chi phí dự phòng	47.496.631	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

15. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 – 2023.

Điều 2. Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LDVP, NCKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thị Sa Thy

Số: 4/2021/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH12 ngày 17-6-2020;

Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biên sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư đầu tư dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành; Phụ lục ngày 06/4/2021 về việc Bổ sung Khoản 5, Điều 1, Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư đầu tư dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành; Phụ lục ngày 06/4/2021 về việc Bổ sung Khoản 4, Điều 1, Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Công văn số 10/UBND-KT ngày 04/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc chủ trương lập hồ sơ phát sinh tăng công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Xét Tờ trình số 330/TTr-PTC KH ngày 15/11/2022 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):
- Thời gian khởi công: 06/8/2021 (theo hợp đồng thi công xây dựng).
- Thời gian hoàn thành: 25/4/2022 (theo biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng).

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	4
	Tổng số	27.338.573.543	25.577.250.432
1	Xây dựng	20.480.732.971	20.247.445.220
2	Thiết bị	2.487.302.000	2.487.302.000
3	Quản lý dự án	517.883.572	517.883.572
4	Tư vấn	2.045.433.342	2.043.360.342
5	Chi phí khác	110.687.298	133.968.298
6	Chi phí đi dôi Ảng 7en	147.291.000	147.291.000
7	Dự phòng	1.549.243.360	-

2. Nguồn vốn đầu tư:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			Số vốn thu hồi so giá trị đề nghị QT
			Giá trị đề nghị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=6-4
1	Tổng số	27.338.573.543	25.577.250.432	25.000.000.000	577.250.432	0
1.1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới	27.338.573.543	25.577.250.432	25.000.000.000	577.250.432	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
	1	2	3	4	5
	Tổng số	-	-	25.577.250.432	-
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	-	-	25.577.250.432	-
2	Tài sản ngắn hạn	-	-	-	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tổn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí dự án là:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	25.577.250.432	
1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới	25.577.250.432	

- Tổng các khoản công nợ là:

+ Tổng nợ phải thu: 577.250.432 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 577.250.432 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục đính kèm).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

DVT: Đồng

Stt	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cổ định	Tài sản ngắn hạn
1	Trung tâm Văn hoá, Thông tin - Thể thao huyện Châu Thành	25.577.250.432	-

3. Trách nhiệm của các đơn vị, các cơ quan có liên quan:

Hoàn thành thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Giám đốc Trung tâm Văn hoá, Thông tin - Thể thao huyện Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND huyện;
- KBNN huyện;
- UBND, NCKT;
- Lưu: VV



CHỦ TỊCH

Phạm Thị Sa Thy



Chi tiết lập báo cáo chi phí của công trình
 Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Châu Thành
 (Kèm theo Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện)

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Đơn vị tính, Đồng	
						Công nợ	
1	2	3	4	5	6	7	8
A Chi phí xây dựng							
1	Liên danh Cty TNHH MTV xây dựng Hương Dương, Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại Nguyễn Trinh và Cty TNHH MTV Vĩnh Phát Nguyễn	Xây dựng	20,247,445,220	20,247,445,220	19,882,008,477	365,436,743	0
B Chi phí thiết bị							
1	Cty TNHH Nhất Linh Đà Nẵng	Thiết bị	2,487,302,000	2,487,302,000	2,487,302,000	0	0
C Quản lý dự án							
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành	Quản lý dự án	517,883,572	517,883,572	517,883,572	0	0
D Chi phí tư vấn							
1	Cty cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng Hưng Lương	Khảo sát địa chất công trình	2,043,360,342	2,043,360,342	1,920,747,653	122,612,689	0
2	Cty cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng Hưng Lương	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	127,414,000	127,414,000	114,672,000	12,741,400	-
3	Cty TNHH TM DV xây dựng Ý Nguyễn	Lập HSMT và ĐG HSDT (IVTK bản vẽ thi công dự toán)	231,650,267	231,650,267	208,485,240	23,165,027	-
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định HSMT IVTK bản vẽ thi công dự toán	7,197,439	7,197,439	7,197,439	-	-
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT IVTK bản vẽ thi công dự toán	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT IVTK bản vẽ thi công dự toán	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
						Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Cty cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng Hưng Long	Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	867,062,625	867,062,625	780,356,363	86,706,262	-
6	Cty TNHH xây dựng Tường An	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	104,942,000	104,942,000	104,942,000	-	-
7	Cty TNHH MTV TV xây dựng và dịch vụ Phúc Khang	Lập HSMT và DG HSDT gói thầu thi công xây dựng	72,802,794	72,802,794	72,802,794	-	-
8	Cty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng COVICO	Thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng	10,111,499	10,111,499	10,111,499	-	-
8	Cty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng COVICO	Thẩm định KQ LCNT gói thầu thi công xây dựng	10,111,499	10,111,499	10,111,499	-	-
1	Cty cổ phần tư vấn & xây dựng hạ tầng kỹ thuật bền vững Cửu Long	Lập HSMT DG HSDT gói thầu giám sát xây dựng	4,823,525	4,823,525	4,823,525	-	-
2	Cty TNHH Gia Phú Hải	Thẩm định HSMT gói thầu giám sát xây dựng	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-
2	Cty TNHH Gia Phú Hải	Thẩm định KQ LCNT gói thầu giám sát xây dựng	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-
3	Cty cổ phần tư vấn & xây dựng hạ tầng kỹ thuật bền vững Cửu Long	Lập HSMT và DG HSDT gói thầu thiết bị công trình	9,794,419	9,794,419	9,794,419	-	-
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định HSMT gói thầu thiết bị công trình	1,334,390	1,334,390	1,334,390	-	-
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT gói thầu thiết bị công trình	1,334,390	1,334,390	1,334,390	-	-
5	Liên danh Cty cổ phần tư vấn xây dựng Âu Lạc và Cty TNHH MTV ACE Cửu Long	Giám sát thi công xây dựng	568,257,000	568,257,000	568,257,000	-	-
6	Cty TNHH đầu tư xây dựng phát triển Phúc Long	Giám sát lắp đặt thiết bị	22,524,495	22,524,495	22,524,495	-	-

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
						Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6	7	8
E	Chi phí khác						
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	101,746,217	133,968,298	44,767,298	89,201,000	0
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	5,260,000	5,260,000	5,260,000	-	-
3	Cty Bảo hiểm Bảo Việt Trà Vinh	Bảo hiểm công trình	17,262,000	17,262,000	17,262,000	-	-
4	Phòng Tài chính - KH (Tổ thẩm tra quyết toán)	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	22,245,298	22,245,298	22,245,298	-	-
F	Di dời Ấng ten					89,201,000	-
1	HKD Trung tâm ứng dụng kỹ thuật phát thanh truyền hình	Di dời Ấng ten	147,291,000	147,291,000	147,291,000	0	0
G	Nội dung khác						
1	Vốn ngân sách	Công nợ					577,250,432
Tổng cộng (A+B+C+D+E+F)			25,545,028,351	25,577,250,432	25,000,000,000	577,250,432	577,250,432

Số: 1176/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 10 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc thông qua phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 09/11/2020 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành và Báo cáo số 73/BC-HĐTĐ ngày 19/10/2020 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo quy mô, điều kiện của trung tâm phục vụ hoạt động văn hoá thể thao cấp huyện; đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

4. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

5. Quy mô đầu tư:

*** Khu A**

- Vĩa hè, diện tích: 582 m².
- Nhà làm việc + hội trường, diện tích: 1.136 m².
- Trang thiết bị ;
- Nhà xe chuyên dùng + nhà xe 02 bánh, diện tích: 100 m².
- Sân đường lát gạch, diện tích: 1.000 m².
- PCCC toàn khu;
- Chiếu sáng (toàn khu);
- Hệ thống thoát nước, chiều dài: 170 m
- Hệ thống cấp nước tổng thể;
- Hàng rào, cổng;
- Trạm Hạ thế 3x50KVA;
- San lấp mặt bằng; khối lượng: 2.100 m³;
- Di dời trụ ăng ten.

*** Khu B**

- Vĩa hè, diện tích: 570 m²;
- Sân đường lát gạch, diện tích: 900 m²;
- PCCC toàn khu;
- Chiếu sáng (toàn khu);
- Hệ thống thoát nước, chiều dài: 150 m;
- Hồ tập bơi + nhà bao che + khu phục vụ, diện tích: 900 m².
- Hệ thống cấp nước tổng thể;
- Hàng rào, cổng, chiều dài 189 m;
- San lấp mặt bằng, khối lượng: 1.607 m³.

6. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

7. Tổng mức đầu tư: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023 (năm 2020 chuẩn bị đầu tư).

Điều 2. Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm đảm bảo về mặt bằng, vị trí, quy mô xây dựng; triển khai quản lý, thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thực hiện đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư đúng theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.



Thạch Thị Sa Thy

Số: 165/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chuyển chức năng sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành vào Đài Truyền thanh huyện Châu Thành và đổi tên Đài Truyền thanh huyện Châu Thành thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành;

Xét đề nghị của Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện tại Tờ trình số 565/TTr-CQTC-NV ngày 28/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Số VH, TT & DL (b/c);
- Số TT & TT (b/c);
- Đài PT & TH TV (b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NCNC;
- Lưu: VT. *l/c*



Nguyễn Trọng Nhân

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND
ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.
2. Quy định này áp dụng đối với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

2. Chức năng:

a) Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện.

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở.

c) Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân trên địa bàn huyện.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA TRUNG TÂM

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện để xây dựng kế hoạch hoạt động, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.
2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách, báo, giải trí, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật.
3. Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp, điều kiện tập luyện cho các tổ chức và cá nhân.
4. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao đối với cơ sở theo phân cấp quản lý.
5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn nghệ, thể dục - thể thao.
6. Sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống.
7. Tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm.
8. Tổ chức các hoạt động của Thư viện và Nhà truyền thống theo quy định.
9. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài huyện.
10. Sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh trên hệ thống loa truyền thanh, thiết bị phát sóng phát thanh được trang bị nhằm tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tập trung vào sự chỉ đạo, điều hành của huyện, các hoạt động tại cơ sở, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác an ninh, trật tự, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến đến Nhân dân theo quy định của pháp luật.
11. Tiếp sóng và phát sóng các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh phục vụ nhu cầu tiếp nhận thông tin của Nhân dân theo quy định của pháp luật.
12. Trực tiếp quản lý hệ thống kỹ thuật chuyên ngành để thực hiện việc tiếp sóng, phát sóng các chương trình phát thanh theo quy định của pháp luật.

13. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh.

14. Quản lý, vận hành đài phát sóng phát thanh trên địa bàn theo sự phân công. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Trạm Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

15. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan cấp trên tổ chức. Tổ chức hoạt động thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý, sử dụng viên chức, người lao động, tài sản, ngân sách và nguồn thu từ dịch vụ (nếu có); thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm:

a) Trung tâm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc Trung tâm được Giám đốc Trung tâm ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định.

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật;

2. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp.

b) Tổ nghiệp vụ Văn hóa - Thông tin và Thể thao.

Ngoài các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ nêu trên, Trung tâm còn có các Câu lạc bộ trực thuộc và chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các Tổ nghiệp vụ (các Câu lạc bộ tự đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động).

Điều 5. Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc của Trung tâm được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao hàng năm trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, Giám đốc Trung tâm: Đề xuất Ủy ban nhân dân huyện quyết định số lượng người làm việc theo vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế thuộc Trung tâm (số lượng người làm việc đến năm 2021 giảm ít nhất 10% so với số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2015).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Giám đốc Trung tâm

1. Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm (sau khi có văn bản trao đổi thống nhất với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện).

2. Sắp xếp, bố trí số lượng người làm việc của các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với viên chức và người lao động phù hợp với trình độ, năng lực nhằm hoàn thành và đạt hiệu quả cao công việc được giao.

3. Ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện) xem xét bổ sung, sửa đổi Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Nhân

Số: 2216/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 05 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển chức năng sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành vào Đài Truyền thanh huyện Châu Thành và đổi tên Đài Truyền thanh huyện Châu Thành thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TILT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy biên chế đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Để thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII);

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tại Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 22/10/2018 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 1342/SNV-TCBCTCPCP ngày 17/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển chức năng sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành vào Đài Truyền thanh huyện Châu Thành và đổi tên Đài Truyền thanh huyện Châu Thành thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch theo quy định pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật và theo Đề án đã được Sở Nội vụ thẩm định; quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành theo quy định.

Trong thời gian sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin và Đài Truyền thanh thực hiện việc sắp xếp nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan, Phòng Văn hóa và Thông tin và Đài Truyền thanh tiếp tục sử dụng pháp nhân của đơn vị để duy trì hoạt động, chậm nhất đến ngày 31/12/2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BTC TU;
- Huyện ủy Châu Thành;
- UBND huyện Châu Thành (12b);
- BLEVP;
- Lưu: VT, NC. 13

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

BIÊN BẢN

Về việc bàn giao tài sản trên đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý, sử dụng

Hôm nay, ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

I. Thành phần gồm có:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành;
2. Ông Kim Thái Thanh – CB Ban QL Dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành;
3. Ông: Lâm Anh Dũng – Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành;
4. Bà: Dương Thị Cẩm Vân – Kế toán Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

II. Nội dung làm việc:

Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án: Trung tâm văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-BQL ngày 31/5/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Trung tâm văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ- UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Trung tâm văn hoá - Thể thao huyện Châu Thành;

Để Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành đưa công trình và diện tích đất vào sử dụng, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành tổ chức bàn giao công trình đã xây dựng trên đất bàn giao lại cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý, sử dụng, với các hồ sơ và diện tích đất và cơ sở vật chất như sau:

*** Phần hồ sơ:**

- Quyết định phê duyệt dự án.

- Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Hồ sơ dự toán thiết kế thi công
- Bản vẽ hoàn công.
- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.

*** Phần cơ sở vật chất:**

1. Phần xây dựng

Khu A:

- Via hè diện tích 831,21m².
- Nhà làm việc + hội trường diện tích 1.136m² (02 tầng).
- Trang thiết bị.
- Nhà xe chuyên dùng + nhà xe 02 bánh diện tích 97,20m².
- Sân đường lát gạch, diện tích 1.250m².
- PCCC toàn khu.
- Chiếu sáng (toàn khu).
- Hệ thống thoát nước, chiều dài: 168m.
- Hệ thống cấp nước tổng thể.
- Hàng rào, cổng.
- Trạm hạ thế 3x50KVA (01 trạm).
- San lấp mặt bằng; khối lượng: 2.239,52m³.

Khu B:

- Via hè, diện tích: 457,57m².
- Sân đường lát gạch, diện tích: 699,68m².
- PCCC toàn khu.
- Chiếu sáng (toàn khu).
- Hệ thống thoát nước, chiều dài 76,55,00m.
- Hồ tập bơi + nhà bao che + khu phục vụ, diện tích: 1.073,77m² (01 tầng).
- Hệ thống cấp nước tổng thể;
- Hàng rào, cổng, chiều dài khoảng 189m;
- San lấp mặt bằng, khối lượng khoảng: 1.607m³.

2. Thiết bị:

STT	DANH MỤC HÀNG HOÁ	ĐVT	SL
-----	-------------------	-----	----



1	MIXER 6 LINE	cái	1
2	Loa ACTIVE (Liên công suất loại 03 công tắc hoặc 04 công tắc các hãng: JBLEV, PEVEAY, P.AUDIO hoặc MACKIE CS=1.500W đến 2000/W/loa	cái	1
3	Micro cổ ngỗng (mic bàn)	cái	1
4	Micro không dây	cái	1
5	Phụ kiện: dây tính hiệu, đầu Jack, ổ điện, dây điện nguồn	gói	1
6	Màn hình led Modules Indoor P3 (Bao gồm thiết bị, vật tư, lắp đặt và phụ kiện đi kèm)	bộ	1
7	Phòng màn hội trường 03 lớp vải nhung màu xanh(màu đỏ)- sáng xếp ly 2,5cm gắn cờ đỏ sao vàng.	m2	55,482
8	Bục phát biểu	cái	1
9	Bục tượng Bác	cái	1
10	Tượng Bác	cái	1
11	Bàn hội trường gỗ nhóm 2 Cắm xe, hoặc tương đương trở lên không bung trước	cái	168
12	Ghế đai kiểu đầu bò gỗ nhóm 2 gỗ Cắm xe, mặt gỗ Bền	cái	352
13	Bàn chủ tọa gỗ nhóm 2 Cắm xe, hoặc tương đương trở lên	cái	4
14	Bàn làm việc (Giám đốc, phó giám đốc)	cái	3
15	Ghế làm việc (Giám đốc, phó giám đốc)	cái	3
16	Bàn làm việc nhân viên	cái	18
17	Ghế làm việc nhân viên	cái	18
18	Bộ máy vi tính	cái	18
19	Hệ thống thu âm và phát thanh	cái	1
20	Tủ đựng hồ sơ	cái	21
21	Bàn tiếp khách	cái	3
22	Loa di động Caliana tv18 F (hoặc tương đương)	cái	1
23	Phao cứu sinh bằng nhựa	cái	30
24	Sào cứu hộ	cây	4
25	Bàn chà đáy hồ	cái	5
26	Bàn hút cặn	cái	2
27	Ghế cứu hộ	cái	2
28	Trang phục nhân viên cứu hộ	bộ	4
29	Dây phao phân luồng bơi	dây	4
30	Băng ghế chờ (loại 03 chỗ ngồi)	băng	16
31	Còi thổi	cái	5
32	Đồng hồ bấm giờ	cái	2

33	Ao phao trẻ em	cái	15
34	Áo phao người lớn	cái	15
35	Bảng nội quy, bảng hướng dẫn	bộ	1

3. Trụ ăng ten phát sóng cao 36m.

III. Nhận xét kết luận:

Các bên đã kiểm tra, bàn giao và tiếp nhận đầy đủ các loại hồ sơ, cơ sở vật chất nêu tại mục II của biên bản này.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành có trách nhiệm bảo quản, sử dụng phần đất và cơ sở vật chất nói trên đúng mục đích, đồng thời liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành trong thời gian sớm nhất.

Biên bản được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau./.

BÊN GIAO
KIỂM TRA
PHỤ GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Thanh Bình

NGƯỜI VIẾT BIÊN BẢN



Kim Thái Thanh

BÊN NHẬN
GIÁM ĐỐC

 Lâm Anh Dũng

KẾ TOÁN



Dương Thị Cẩm Vân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /UBND-KT

Châu Thành, ngày 24 tháng 01 năm 2022

V/v chủ trương lập hồ sơ phát sinh
tăng công trình Trung tâm Văn hóa -
Thể thao huyện Châu Thành

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
khu vực huyện Châu Thành.

Xét Tờ trình số 536/TTr-PTCKH ngày 30/12/2021 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch về việc xin chủ trương phát sinh tăng công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Châu Thành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý như sau:

- Về nguyên tắc, thống nhất về chủ trương: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành lập hồ sơ phát sinh tăng công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Châu Thành như Tờ trình của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (đính kèm).

- Về trình tự, thủ tục thực hiện giao Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đúng theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LDVP, NCKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thạch Thị Sa Thy

+ Như vậy cần phát sinh thêm 2 cột lọc nước từ nguồn đường kính 325mm cao 1350mm để nguồn nước đảm bảo phục vụ cho hồ bơi.

Theo hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng số 02/2021/HĐXD ngày 03 tháng 8 năm 2021 với khối lượng thực tế tại hiện trường khi bàn giao không đảm bảo hoạt động được.

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
KHU A					
SÀN ĐƯỜNG - VÍA HÈ - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC					
01	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150	m3	38,010	1.666.396	63.339.712
02	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terrazzo KT 400x400x30, vữa XM mác 75	m2	543,000	248.496	134.933.328
KHU B					
SÀN ĐƯỜNG - VÍA HÈ - HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC					
01	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150	m3	0,770	1.666.396	1.283.125
02	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terrazzo KT 400x400x30, vữa XM mác 75	m2	11,000	248.496	2.733.456
03	Lắp mới cột lọc nước đầu nguồn cho hồ bơi	Cây	2,000	13.500.000	27.000.000
Tổng cộng:					229.289.621

Theo hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng số 0912/2021/HĐ-TB ngày 09 tháng 12 năm 2021 với khối lượng thực tế tại hiện trường khi bàn giao không đảm bảo hoạt động được.

Như vậy để tạo sự đồng bộ cho công trình đưa vào hoạt động được và đảm bảo về mặt mỹ quan cho công trình cần phát sinh một số thiết bị.

STT	Tên Thiết bị	Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (đã VAT)	Thành tiền
PHÁT SINH TĂNG						
I	HỆ THỐNG ÂM THANH HỘI TRƯỜNG					
Theo mục số 2, số lượng hợp đồng hiện nay chỉ có 01 cái nên không thể hoạt động được, vì vậy đề xuất tăng cường (03 Loa JBL Eon 612) mới đáp ứng công suất để hoạt động.						

1	Loa ACTIVE (Liên công suất loại 03 công tắc hoặc 04 công tắc các hãng: JBLEV, PEVEAY,P. AUDIO hoặc MACKIE CS=1.500W đến 2000/W/loa	Loa JBL Eon 612 (hoặc tương đương) <ul style="list-style-type: none"> • Loại hệ thống Tự cung cấp 12", hai chiều, bass-reflex • Ngõ ra SPL tối đa 126 dB • Thường. Dải (-10 dB) 48 Hz - 20 kHz • Thường. Đáp ứng (± 3 dB) 57 Hz - 20 kHz • Mẫu Coverage 100 ° x 60 ° • Bộ khuếch đại Thiết kế ClassD • Công suất: Tối đa 1000W (700W LF + 300W HF), 500W Liên tục(350W LF+150W HF) • Kích thước (mm): (H x W x D) (in) 664 x 380 x 316 (26,14 x 14,96 x 12,44) • Trọng lượng tịnh: 14.96 kg (33 lbs) <i>(Ghi chú: Theo hồ sơ thầu thì chỉ có 1 cái Loa và còn thiếu thêm 5 cái Loa để hệ thống hoạt động ổn định)</i>	1	cái	14.880.000	14.880.000
---	--	--	---	-----	------------	------------

II HỆ THỐNG THU ÂM VÀ PHÁT THANH

Theo mục số 22, số lượng hợp đồng hiện nay Loa kiêm âm M-AUDIO AV42 chỉ có 01 cái nên không thể hoạt động được, vì vậy đề xuất tăng cường (01 Loa kiêm âm M-AUDIO AV42) mới đáp ứng công xuất để hoạt động.

1	Hệ thống thu âm và phát thanh	4. Loa kiêm âm M-AUDIO AV42: 1 cái; Loại 2 way; Loa bass 4" + loa treble 1"; Tần số đáp ứng : 75Hz - 20kHz; độ nhạy (SPL) loa ở mức trung bình: 101,5dB; Công suất trung bình được tích hợp trong 2 loa:20W; Trọng lượng 3,4kg; Kích thước: 21,3 x 14,6 x 18,8 (cm); Xuất xứ: Trung Quốc. (Hoặc tương đương) <i>(Ghi chú: Theo hồ sơ thầu thì chỉ có 1 cái Loa và còn thiếu thêm 1 cái Loa để hệ thống hoạt động ổn định hơn)</i>	01	Cái	6.075.400	6.075.400
---	-------------------------------	--	----	-----	-----------	-----------

III HỆ THỐNG PHÒNG MÀN RÈM HỘI TRƯỜNG

Theo mục số 1, số lượng hợp đồng hiện nay là: 45m², nhưng theo thực tế cung cấp là : 55.482m² đề xuất bổ sung tăng kích thước để đảm bảo tính thẩm mỹ.

1	Phòng màn hội trường 03 lớp vải nhung màu xanh(màu đỏ)- sáng xếp ly 2,5cm gắn cờ đỏ sao vàng	Phòng màn hội trường, chất liệu thun nhung, thanh treo hợp kim nhôm vuông sơn tĩnh điện màu trắng, kiểu may xếp Lớp phòng nền xanh: 42.56m ² Lớp yếm xanh: 6.65m ² Lớp cờ đỏ: 6.272 m ²	10.482	M2	300.000	3.144.600
Tổng cộng phát sinh tăng						24.100.000
PHÁT SINH GIẢM						
8	Rèm cửa sổ	Kích thước cửa 2.0 x 1.8 m ; chất liệu : vải Loại vải: Vải 2 da, 1 mặt bóng, 1 mặt nhung Thanh treo: Thanh nhôm sơn tĩnh điện Xuất xứ: Việt Nam	9	cái	1.800.000	16.200.000
9	Rèm đi	Kích thước cửa 2.2 x 2.7 m ; chất liệu : vải Loại vải: Vải 2 da, 1 mặt bóng, 1 mặt nhung Thanh treo: Thanh nhôm sơn tĩnh điện	1	cái	2.800.000	2.800.000
10	Rèm cửa đi	Kích thước cửa 1.4 x 2.7 m ; chất liệu : vải Loại vải: Vải 2 da, 1 mặt bóng, 1 mặt nhung Thanh treo : Thanh nhôm sơn tĩnh điện	3	cái	1.700.000	5.100.000
Tổng cộng phát sinh giảm						24.100.000

2. Qui mô phát sinh:

* Hạng mục: Sân đường – Via hè – Hệ thống thoát nước:

Khu A

- Diện tích sân lát gạch Terazzo 40x40x3cm của hạng mục Sân đường – via hè – HTTN khu A là: 441 m².
- Via hè lát gạch Terazzo 40x40x3cm của hạng mục via hè khu A là: 102 m²

- Hệ thống âm thanh hội trường theo hồ sơ thiết kế chỉ có 1 cái loa 1 không đảm bảo công suất phát thanh phục vụ cho hội trường nên cần phải phát sinh thêm 1 cái loa.

- Hệ thống thu âm và phát thanh do đặc thù hoạt động của trung tâm là công tác tuyên truyền, phát thanh tuy nhiên phạm vi không gian đầu tư hiện nay rộng mà theo thiết kế được duyệt chỉ có 01 loa không đảm bảo, cần thêm 01 loa đảm bảo tính năng hoạt động.

- Đối với phong mảng theo thiết kế không đảm bảo theo kích thước hiện trạng công trình hiện nay cần phát sinh thêm diện tích phong mảng để đảm bảo trang bị phong màn phục vụ hội trường.

Khu B

- Via hè sân lát gạch Terazzo 40x40x3cm của hạng mục via hè khu B là: 11 m².

- Phát sinh thêm 2 cột lọc nước từ nguồn đường kính 325mm cao 1350mm để nguồn nước đảm bảo phục vụ cho hồ bơi.

3. Tổng chi phí phát sinh: **229.289.621 đồng**

(Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi một đồng).

4. Nguồn kinh phí dự kiến thực hiện: Sử dụng nguồn vốn dự án đã được bố trí vốn.

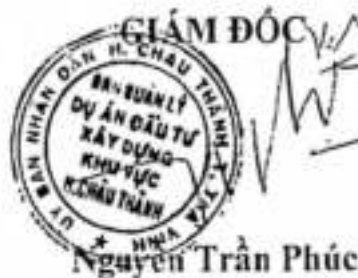
III. Kết luận và kiến nghị:

Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành trình Hội đồng thẩm định UBND huyện Châu Thành xem xét, thẩm định trên cơ sở những nội dung đã nêu trên, để Chủ đầu tư tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSDA.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Phúc

Châu Thành, ngày 06 tháng 4 năm 2021

PHỤ LỤC

Bổ sung Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 10/11/2020
của Chủ tịch UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Châu Thành

STT	Quy mô	Ghi chú
1	5. Quy mô đầu tư:	
	"...	
	* Khu B	
 - Hệ thống cấp nước tổng thể. - Hàng rào, công, chiều dài khoảng 189m. - San lấp mặt bằng, khối lượng khoảng 1607m ³ .	

Nơi nhận:

- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- Phòng: TCKH, KTHT;
- Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện;
- LDVP, NCKT;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Thạch Thị Sa Thy


Châu Thành, ngày 06 tháng 4 năm 2021

PHỤ LỤC

Bổ sung Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020
của Chủ tịch UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng:
Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Châu Thành

STT	Quy mô	Ghi chú
1	4. Quy mô đầu tư:	
	"..."	
	* Khu B	
 - Hạng mục: + Hệ thống cấp nước tổng thể. + Hàng rào, công, chiều dài khoảng 189m. + San lấp mặt bằng, khối lượng khoảng 1607m ³ .	

Nơi nhận:

- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- Phòng: TCKH, KTHT;
- Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Thạch Thị Sa Thy